

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

- Mã chứng khoán: RBC

- Địa chỉ: 64 Trương Định, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Điện thoại: 028.39327173 Fax: 028.39327171

- Email: congnghiep@rubico.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố: Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su tại đường dẫn: <https://rubico.com.vn/cong-bo-thong-tin>.

Chúng tôi cam kết thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Bảo Châu

Số: 50/TM-HĐQTRBC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2026

THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

- 1. Thời gian tổ chức đại hội: 7 giờ 30 phút ngày 15/5/2026 (thứ Sáu)**
- 2. Địa điểm tổ chức:** Công ty TNHH MTV CBG Đông Hòa - Địa chỉ: số 502A, đường Lý Thường Kiệt, khu phố Thống Nhất I, phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh.
- 3. Tài liệu đại hội:** các tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được đăng tải trên Website của Công ty: <https://rubico.com.vn/> mục công bố thông tin.

4. Xác nhận tham dự đại hội: Để công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, chu đáo, Quý cổ đông xin vui lòng xác nhận tham dự hoặc gửi giấy ủy quyền tham dự (theo mẫu đính kèm) về Công ty trước ngày **08/5/2026**, như sau:

- Gửi thư xác nhận/ủy quyền tham dự về địa chỉ: Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su. Địa chỉ: 64 Trương Định, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

- Xác nhận qua số điện thoại: 028.3932.7173 hoặc 036.353.7657 (Ms Hiền) email: congnghiiep@rubico.com.vn

- Khi đến tham dự Đại hội, cổ đông/ người được ủy quyền tham dự mang theo những giấy tờ sau: Thư mời họp; Căn cước công dân hoặc hộ chiếu; Bản gốc giấy xác nhận/ủy quyền tham dự Đại hội.

- Người nhận ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ 3.
(*Giấy ủy quyền phải là bản có chữ ký trực tiếp, trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông là tổ chức thì cần có xác nhận của tổ chức ủy quyền.*)

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

(*Cổ đông/người được ủy quyền dự Đại hội tự túc về chi phí đi lại, ăn, nghỉ*)

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:VT, TCHC.



Nguyễn Hồng Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026



GIẤY XÁC NHẬN/ỦY QUYỀN

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su

Kính gửi: Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su

Tên tổ chức/cá nhân:.....

CCCD/GPĐKKD số:.....Cấp ngày:.....
tại:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Số cổ phần sở hữu:.....

Căn cứ Thư mời họp Đại hội cổ đông thường niên số: 50/TM-HĐQTRBC ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su, tôi/chúng tôi xác nhận như sau:

Đồng ý tham gia Đại hội

Ủy quyền cho ông/bà/tổ chức có tên dưới đây tham dự Đại hội:

Tên tổ chức/cá nhân được ủy quyền:.....

CCCD/GPĐKKD số:.....Cấp ngày:.....

Tại:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Số cổ phần được ủy quyền:.....

Nội dung ủy quyền: Bên nhận ủy quyền đại diện cho bên ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su và có quyền thực hiện mọi quyền, nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

Tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết không khiếu nại về kết quả biểu quyết của người được tôi/chúng tôi ủy quyền trên đây.

....., ngày tháng năm 2026

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN/CÓ ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



RUBICO



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU

PHIẾU BIỂU QUYẾT

MÃ CỔ ĐÔNG:

0000

HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG :

NGƯỜI ĐẠI DIỆN :

SỐ CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT :

⚡ SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU :

⚡ SỐ CỔ PHẦN ĐƯỢC ỦY QUYỀN :

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Tháng 5 năm 2026



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

DANH MỤC TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

1. Chương trình đại hội
2. Báo cáo của Ban điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý điều hành Công ty năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.
4. Tờ trình về một số vấn đề xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
5. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.
6. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026
7. Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
8. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su
9. Báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán.

BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ NĂM 2026



ĐẠI ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU

Thời gian : 07 giờ 30 phút ngày 15/5/2026 (thứ sáu)
Địa điểm : Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa
502A Lý Thường Kiệt, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh.

| Stt | Nội dung |
|-----|---|
| 1 | Đón tiếp cổ đông, khách mời |
| 2 | Chào cờ - Giới thiệu khách mời – Giới thiệu Đoàn chủ tịch |
| 3 | Tuyên bố lý do – Khai mạc Đại hội Giới thiệu Đoàn thư ký - Giới thiệu Ban thẩm tra tư cách cổ đông |
| 4 | Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông |
| 5 | Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc tại Đại hội |
| 6 | Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 |
| 7 | Báo cáo của HĐQT về công tác quản trị Công ty năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 |
| 8 | Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026 |
| 9 | Trình bày Tờ trình xin ý kiến Đại hội |
| 10 | Đại hội thảo luận |
| 11 | Trình bày dự thảo Nghị quyết Đại hội |
| 12 | Biểu quyết các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội |
| 13 | Bế mạc Đại hội |



ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP & XNK CAO SU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su đã được sửa đổi, bổ sung và thống nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 06/4/2023,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su được tiến hành theo những quy định sau:

Điều 1. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham gia dự Đại hội.

1. Cổ đông có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại đại hội. Người được ủy quyền tới dự đại hội phải xuất trình Giấy ủy quyền theo quy định. Người nhận ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ 3.

3. Cổ đông khi nhận được thư mời dự đại hội phải phản hồi cho Ban tổ chức để chốt danh sách và sắp xếp dự họp.

4. Khi tiến hành đăng ký dự họp, cổ đông sẽ được nhận phiếu biểu quyết trên đó có ghi họ và tên của cổ đông, mã số cổ đông và số phiếu được quyền biểu quyết của cổ đông đó.

5. Cổ đông đến dự Đại hội trễ sau khi cuộc họp khai mạc phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội.

6. Cổ đông đến dự Đại hội phải nghiêm túc chấp hành nội quy, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Đoàn Chủ tịch Đại hội.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội.

1. Ban tổ chức Đại hội có trách nhiệm triệu tập, đón tiếp, bố trí chỗ ngồi, cung cấp mã QR của tài liệu, phiếu biểu quyết cho những cổ đông hoặc đại diện cổ đông được uỷ quyền có đủ tư cách tham dự Đại hội.

2. Ban tổ chức tiếp nhận giấy tờ do người đến tham dự Đại hội xuất trình, kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông dự Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch và Đoàn thư ký Đại hội.

1. Đoàn chủ tịch Đại hội do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa, Đoàn thư ký Đại hội do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Đoàn chủ tịch điều hành Đại hội theo chương trình, quy chế được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

4. Quyết định của Chủ tọa Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết.

5. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội thành công tốt đẹp.

6. Đoàn thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo yêu cầu của Đoàn chủ tịch Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 4. Điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Đại hội sẽ lần lượt được tiến hành theo nội dung chương trình của Đại hội.

3. Việc thảo luận sẽ được thực hiện sau khi tất cả các báo cáo và tờ trình được đọc và báo cáo tại Đại hội.

4. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo nguyên tắc, thể lệ biểu quyết theo điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nguyên tắc biểu quyết.

1. Đúng điều lệ, đúng luật và chính xác.

2. Nghị quyết về các nội dung được thông qua tại đại hội đảm bảo tỷ lệ cổ đông dự họp biểu quyết tán thành theo quy định tại điều lệ công ty, pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

4. Những vấn đề biểu quyết trực tiếp tại Đại hội thì Ban tổ chức sẽ xin biểu quyết trực tiếp tại Đại hội theo quy định của Luật doanh nghiệp: các cổ đông giơ thẻ biểu quyết theo thứ tự tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Điều 6. Nguyên tắc phát biểu tại Đại hội.

Cổ đông muốn đề xuất một yêu cầu nào đó tại Đại hội phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội.
2. Phải giơ tay xin ý kiến Chủ tọa và chỉ được phát biểu sau khi được Chủ tọa cho phép. Trong cùng một thời điểm chỉ một cổ đông được quyền phát biểu (trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời thứ tự từng cổ đông lên trình bày ý kiến của mình).
3. Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của cổ đông nếu thấy cần thiết.
4. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp thứ tự sau đó.
5. Các đề xuất của cổ đông phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - Ngắn gọn và rõ ràng. Trường hợp ý kiến đề xuất phức tạp, cần nhiều thời gian để trình bày thì cổ đông có thể gửi bằng văn bản đến Ban tổ chức 02 ngày trước kỳ diễn ra Đại hội.
 - Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước.
 - Không đề xuất các vấn đề không thuộc quyền hạn của Hội đồng quản trị.
 - Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

Điều 7. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản, các vấn đề biểu quyết thông qua trước Đại hội phải được đưa vào Nghị quyết. Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua và được áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



DỰ THẢO

CÔNG TY TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU

Số:...../BC – RBC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su hoạt động sản xuất kinh doanh trong 04 lĩnh vực: sản xuất xuất khẩu sản phẩm gỗ, sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su, kinh doanh thương mại, cho thuê kho và các dịch vụ hậu cần cho cao su.

Thực hiện kế hoạch năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, ngay từ đầu năm Công ty đã sớm triển khai thực hiện với mục tiêu hoàn thành kế hoạch năm 2025. Tuy nhiên tình hình thế giới biến động như xung đột địa chính trị, lạm phát toàn cầu và suy giảm tăng trưởng đã làm giảm nhu cầu xuất khẩu của Việt Nam. Chuỗi cung ứng gián đoạn và giá nguyên liệu tăng cũng khiến chi phí sản xuất trong nước tăng cao. Đồng thời, biến động tài chính quốc tế gây áp lực lên tỷ giá và sự ổn định kinh tế vĩ mô, dẫn đến tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đều gặp nhiều thách thức, tiêu thụ hàng hóa ngày càng giảm sút, các lĩnh vực sản xuất giảm dần về quy mô và sản lượng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn: Lĩnh vực sản xuất gỗ tuy dần có đơn hàng nhưng đơn hàng nhỏ lẻ với nhiều mẫu mã mới và khó, công phu đòi hỏi tay nghề cao nên ảnh hưởng năng suất lao động, sản lượng sản xuất giảm; Lĩnh vực kinh doanh cũng chưa khởi sắc do nhu cầu về tiêu dùng và sản xuất giảm; một số mặt bằng cho thuê kho phải dừng cho thuê để chuẩn bị di dời,

Dù vậy Ban lãnh đạo công ty và các đơn vị trực thuộc đã nỗ lực đưa ra các biện pháp: tìm kiếm thêm khách hàng mới, tăng cường hoạt động kinh doanh dịch vụ, tiết kiệm chi phí quản lý,... để phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 CỦA CÔNG TY:

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025 cụ thể như sau:

1. Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong lĩnh vực: sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su, kinh doanh hàng hóa và cho thuê kho.

Thời điểm Quý 4 năm 2022 do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, dẫn đến không có đơn hàng sản xuất đồng thời vì chuẩn bị di dời theo yêu cầu của UBND tỉnh Đồng Nai nên Xí nghiệp đã dừng hoạt động sản xuất. Từ tháng 7 năm 2025 Xí nghiệp chỉ còn hoạt động kinh doanh hàng hóa, chấm dứt hoạt động cho thuê kho để chuẩn bị thực hiện các thủ tục di dời, bàn giao đất cho địa phương.

Đến nay Công ty đã nhận được Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND phường Trấn Biên tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất tại Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp để thực hiện đề án chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ và cải thiện môi trường tại phường Trấn Biên.

Ngày 04/03/2026 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam có văn bản số 459/CSVN-QLĐTXD về việc thực hiện di dời Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp. Công ty đang triển khai các thủ tục thanh lý đầu giá tài sản theo quy định đối với nhà xưởng, máy móc thiết bị và các công trình hạng mục phụ trợ để bàn giao đất cho địa phương và dự kiến hoàn thành trong quý 2 năm 2026.

2. Xí nghiệp Kho Vận:

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực: cho thuê mặt bằng, cho thuê kho, dịch vụ kho vận, kinh doanh thương mại,.... Từ đầu năm 2025 do tình hình kinh tế khó khăn, giá mủ cao su thường xuyên biến động, chi phí xăng dầu tăng dẫn đến giá cước vận chuyển tăng, vì vậy khách hàng có xu hướng chuyển sang mua bán và xuất khẩu trực tiếp từ nhà máy, ít đưa hàng hóa về kho để lưu kho và đóng kiện. Xí nghiệp vẫn cố gắng tìm kiếm thêm các khách hàng khác, mở rộng mặt hàng kinh doanh để tăng hiệu quả kinh doanh.

3. Văn phòng Công ty:

Văn phòng Công ty ngoài chức năng là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, còn tổ chức các hoạt động kinh doanh - dịch vụ, hoạt động tài chính,... để tạo thêm nguồn thu bù đắp một phần các khoản chi phí của Công ty.

4. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính trong năm 2025 (theo BCTC Riêng năm 2025 đã kiểm toán):

| Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | % TH/KH |
|----------------------------------|---------|-------------------|--------------------|---------|
| Kinh doanh cao su | tấn | 1.200 | 1.873 | 156% |
| Tổng doanh thu | tr đồng | 84.024 | 142.341 | 169% |
| Tổng chi phí | tr đồng | 81.304 | 139.603 | 172% |
| Lợi nhuận trước thuế | tr đồng | 2.720 | 2.738 | 101% |
| Lợi nhuận sau thuế | tr đồng | 2.720 | 2.738 | 101% |
| Đầu tư XDCB | tr đồng | 13.700 | 581 | 4% |
| - Xây lắp | tr đồng | 5.900 | - | - |
| - Thiết bị | tr đồng | 7.800 | 581 | 7% |
| Lao động bình quân | người | 34 | 32 | 94% |
| Thu nhập bình quân (tháng/người) | tr đồng | 15.846 | 15.929 | 100% |

(Chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đã bao gồm lợi nhuận sau thuế của Công ty Đông Hòa và Công ty Hồng Phúc)

Để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 Công ty và các đơn vị đã phải nỗ lực rất nhiều để đưa ra các giải pháp khắc phục khó khăn như: Tìm kiếm thêm khách hàng, mở rộng lĩnh vực cũng như thị trường kinh doanh, sắp xếp tổ chức lại hoạt động sản xuất và bộ máy quản lý phù hợp, đồng thời áp dụng các giải pháp để tiết giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí quản lý, ... nhằm gia tăng nguồn thu, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hoàn thành kế hoạch năm 2025.

Đạt được kết quả này là do sự nỗ lực, nhiệt tình lao động của CB-CNV-NLĐ toàn Công ty, sự chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Ban Lãnh đạo Công ty và sự quan tâm hỗ trợ của Lãnh đạo Tập đoàn trong việc duy trì ổn định sản xuất kinh doanh trong giai đoạn khó khăn.

III. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN (100% VỐN GÓP):

1. Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa:

Chức năng chính của đơn vị là sản xuất và xuất khẩu sản phẩm gỗ tinh chế. Ngay từ đầu năm, đơn vị đã nỗ lực tìm kiếm thêm một số khách hàng mới nhằm có đủ đơn hàng sản xuất ổn định và duy trì các khách hàng truyền thống.

Tình hình khó khăn chung của ngành gỗ vẫn tiếp tục trong những năm gần đây, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, nhu cầu tiêu dùng nội thất tại các thị trường xuất khẩu suy giảm từ những năm 2023 đến nay làm cho đơn hàng giảm mạnh, dẫn đến công suất nhà máy chưa được khai thác tối đa và biên lợi nhuận giảm. Mặc dù

trong năm 2025 đơn vị có đơn hàng để duy trì sản xuất ổn định, tuy nhiên các đơn hàng hầu hết là đơn hàng nhỏ lẻ, mẫu mã mới và khó, công phu, kết hợp nguyên liệu khác đòi hỏi tay nghề cao, công lao động nhiều nên năng suất chưa cao, sản lượng sản xuất giảm. Dẫn đến tiền lương bình quân tháng của người lao động thấp nên lao động nghỉ việc nhiều, đặc biệt là lao động có tay nghề, đơn vị phải có chính sách hỗ trợ để duy trì lực lượng lao động.

Ngoài ra do tình hình tiêu thụ chưa khả quan nên khách hàng giảm giá bán, đồng thời tăng cường kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm, nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm nên phát sinh tăng chi phí trong sản xuất. Mặt khác giá nguyên vật liệu tăng làm tăng giá thành sản xuất, vì vậy hiệu quả SXKD chưa đạt kế hoạch. Công ty cũng đã nỗ lực tìm kiếm thêm khách hàng mới, đơn hàng mới thông qua việc tham gia các hội chợ, triển lãm, phát triển sản phẩm mẫu, ... để bổ sung đơn hàng duy trì sản xuất. Song song đó đơn vị tổ chức sắp xếp lại sản xuất phù hợp điều kiện thực tế, tiết kiệm chi phí để có thể duy trì sản xuất, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động. Trong năm 2025, đơn vị đã nhận được đơn hàng với tổng trị giá khoảng 5,3 triệu USD, sản lượng sản xuất: 2.057,61 m³, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính trong năm 2025 như sau (theo BCTC năm 2025 đã kiểm toán của Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đông Hòa):

| Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | % TH/KH |
|----------------------------------|----------------|-------------------|--------------------|---------|
| Sản xuất gỗ tinh chế | m ³ | 2.200 | 2.057,61 | 94% |
| Tiêu thụ gỗ tinh chế | m ³ | 2.200 | 2.022,14 | 92% |
| Tổng doanh thu | tr đồng | 133.380 | 117.853 | 88% |
| Tổng chi phí | tr đồng | 130.843 | 115.635 | 88% |
| Lợi nhuận trước thuế | tr đồng | 2.537 | 2.218 | 87% |
| Lợi nhuận sau thuế | tr đồng | 2.030 | 1.584 | 78% |
| Đầu tư XDCB | tr đồng | 12.740 | - | - |
| - Xây lắp | tr đồng | 6.820 | - | - |
| - Thiết bị | tr đồng | 5.920 | - | - |
| Lao động bình quân | người | 279 | 238 | 85% |
| Thu nhập bình quân (tháng/người) | tr đồng | 10,015 | 10,053 | 100% |

2. Công ty TNHH MTV Thương Mại & Địa ốc Hồng Phúc:

Công ty Hồng Phúc chuyên kinh doanh thương mại các mặt hàng: cao su, hạt nhựa, thực phẩm đông lạnh. Năm 2025 do ảnh hưởng từ khủng hoảng kinh tế thế giới, nhu cầu về tiêu dùng và sản xuất giảm nên tình hình kinh doanh cũng gặp nhiều khó khăn.

Dù vậy đơn vị đã cố gắng tiết kiệm chi phí, đẩy mạnh kinh doanh mặt hàng thuận lợi hơn để hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2025.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính trong năm 2025 như sau (theo BCTC năm 2025 đã kiểm toán của Công ty TNHH MTV TM & Địa Ốc Hồng Phúc):

| Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | % TH/KH |
|----------------------------------|---------|-------------------|--------------------|---------|
| Kinh doanh cao su | tấn | 100 | 60,48 | 60% |
| Kinh doanh hạt nhựa | tấn | 1.800 | 1.388 | 77% |
| Kinh doanh thực phẩm | tấn | 250 | 307 | 123% |
| Tổng doanh thu | tr đồng | 96.947 | 89.716 | 93% |
| Tổng chi phí | tr đồng | 95.747 | 88.505 | 92% |
| Lợi nhuận trước thuế | tr đồng | 1.200 | 1.211 | 101% |
| Lợi nhuận sau thuế | tr đồng | 960 | 960 | 100% |
| Lao động bình quân | người | 7 | 7 | 100% |
| Thu nhập bình quân (tháng/người) | tr đồng | 13,167 | 13,373 | 102% |

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC KHÁC:

1. Công tác tài chính:

Công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính – tài sản theo đúng quy chế tài chính và điều lệ của Công ty, đồng thời tuân thủ các quy định của luật kế toán và pháp luật Nhà nước. Vận dụng chế độ chứng từ kế toán, luân chuyển chứng từ theo quy định. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo với Tập đoàn và các cơ quan ban ngành theo đúng quy định.

a. Công tác thu hồi công nợ quá hạn khó đòi:

Tổng hợp công nợ phải thu quá hạn khó đòi đến ngày 31/12/2025: **23.688.929.201 đồng**, gồm các công nợ sau:

- Công ty CP Chế biến & XNK Thủy sản Đồng Tháp: 8.956.471.270 đồng
- Công ty CP SX-XNK Lâm sản & hàng thủ công nghiệp: 3.870.681.600 đồng
- Công ty TNHH SX-TM-DV Hữu Nghị: 7.843.792.484 đồng
- Cơ sở Huệ Toàn (Bà Lê Thị Huệ): 437.851.910 đồng
- Công ty TNHH Quốc tế Trường Thành: 520.800.000 đồng
- Công ty CP Ngọc Hà: 170.500.000 đồng
- Bà Trần Thị Đông (Công ty Habufa Meubelen B.V): 598.001.664 đồng
- Ông Võ Anh Thảo (Công ty A.T.O.M Food - Thailand): 1.290.830.273 đồng

Công ty đã thực hiện trích dự phòng công nợ quá hạn khó đòi theo đúng quy định, tổng số tiền đã trích: **23.229.399.937 đồng**.

Công ty đã tiến hành thủ tục khởi kiện các đơn vị này và đang trong quá trình Tòa án thụ lý và xét xử.

b. Các khoản tồn đọng:

Trong báo cáo tài chính của Công ty đang tồn tại các khoản mục chưa được xử lý qua nhiều năm, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, cụ thể như sau:

- Tài sản thiếu chờ xử lý: 6.315.619.963 đồng

(Tương ứng khoản vay của ngân hàng Vietcombank: 10.293.188.528 đồng)

Đây là khoản vay vốn ODA từ Chính phủ Ấn Độ của Công ty Sản xuất và Xuất khẩu Cao su (PRIMEXCO) phát sinh năm 1994 tại Ngân hàng Vietcombank, số tiền vay: 10.293.188.528 đồng (tương đương 30.030.039 Rupi Ấn Độ). Khi sáp nhập Công ty PRIMEXCO vào Công ty Công nghiệp & XNK Cao su thời kỳ 2000-2001 thì khoản vay này được khoan lại chờ xử lý theo nội dung công văn số: 4055/VPCP-QHQT ngày 23/7/2002 của Văn phòng chính phủ. Công ty cũng đã nhiều lần làm việc với Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Nam Sài Gòn nhưng vẫn chưa thống nhất được hướng xử lý.

Ngày 02/12/2025 Công ty đã làm việc với Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Nam Sài Gòn theo công văn số: 6256/CV-VCB.NSG ngày 25/11/2025 về khoản vay này. Tại buổi làm việc Ngân hàng thông báo tổng dư nợ và lãi phát sinh đến ngày 30/09/2025 là: 68.965.474,73 Rupi Ấn độ (tương đương 20,174 tỉ đồng) và theo yêu cầu của Bộ Tài Chính, Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Nam Sài Gòn đề nghị Công ty bố trí nguồn trả nợ và các biện pháp xử lý nợ phù hợp.

Trong buổi làm việc, Công ty đã có các ý kiến sau:

+ Công ty không thống nhất với số tổng dư nợ bao gồm gốc và lãi là: 68.965.474,73 Rupi Ấn độ

+ Hiện nay, Công ty vẫn đang chờ hướng xử lý của các cơ quan chức năng theo nội dung văn bản số 4055/VPCP-QHQT ngày 23/07/2002 của Văn phòng Chính phủ.

+ Công ty ý kiến hai bên cùng phối hợp làm việc với Bộ Tài Chính và các cơ quan chức năng có liên quan kiến nghị cho xử lý xóa toàn bộ nợ gốc và khoản lãi nói trên.

- Phải thu cổ phần hóa trả chậm: 107.858.493 đồng

Công ty đã có văn bản gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Vụ quản lý chào bán chứng khoán cũng như nhờ công ty Luật tư vấn nhưng do số cổ phần này đã được cấp quyền sở hữu cho các cổ đông theo xác nhận của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Vì vậy, nếu muốn giải quyết, phải liên hệ cổ đông để yêu cầu thanh toán. Trường hợp không liên hệ được thì sẽ phát sinh tranh chấp dân sự tại Tòa án có thẩm quyền. Đến hiện tại, thông tin liên hệ của các cổ đông đã cũ, không liên hệ được.

- Công ty kiểm định XD & TVDT Đông Á (Cty Đông Á): 50.000.000 đồng

Phát sinh từ năm 2010, Công ty ký kết hợp đồng số 12/HĐKT-RBC ngày 04/02/2010 về việc khảo sát thiết kế - lập dự toán các công trình xây dựng – XN Tam Phước với Cty kiểm định XD & tư vấn ĐT Đông Á. Công ty Đông Á đã thực hiện khối lượng công việc gồm lập dự toán và bản vẽ thiết kế, đã được tạm ứng 50 triệu đồng để thực hiện Hợp đồng. Tuy nhiên do dự án có tổng mức đầu tư khá lớn nên Công ty chưa đủ điều kiện thực hiện dự án.

Từ các diễn biến trên, từ năm 2016, Công ty đã không còn nhu cầu thực hiện Công trình xây dựng nhà xưởng Tam Phước (2.772 m²). Hợp đồng số 12/HĐKT-RBC ngày 04/02/2010 không thể tiếp tục thực hiện, Công ty không thu hồi được khoản tạm ứng 50.000.000 đồng. Khoản mục này đã được trích dự phòng.

- Các khoản tồn đọng về tài chính tại Công ty Cổ phần và XNK Cao su – Chi nhánh Hà Nội khi giải thể: 745.363.646 đồng

Khoản mục này bao gồm:

+ Tiền gửi ngân hàng tại CN Hà Nội kết chuyển về Công ty mẹ: 4.982.964 đồng
+ Thuế GTGT của các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp để lại khấu trừ tiếp: 35.650.563 đồng.

+ Thuế GTGT được khấu trừ tại Chi nhánh Hà Nội: 704.730.119 đồng

Đây là khoản thuế GTGT đầu vào của hàng hóa dịch vụ xuất khẩu chưa đủ điều kiện hoàn do không có xác nhận của cơ quan Hải quan theo tiêu chí: loại phương tiện, số hiệu, biển kiểm soát, họ tên người điều khiển phương tiện, CMND, Hộ chiếu, Quốc tịch quy định tại công văn số 12485/BTC-TCT ngày 18/09/2013; số 875/BTC-TCT ngày 17/01/2014; số 12795/BTC-TCHQ ngày 11/09/2014 của Bộ Tài chính.

- Chi phí SXKD dở dang: 2.976.590.931 đồng

Đây là chi phí dự án 4/35 Độc Lập, Quận Tân Phú (TP.HCM) chưa thực hiện thanh quyết toán tương ứng với doanh thu nhận trước 3.230.585.284 đồng (là khoản doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận theo các hợp đồng được ký kết giữa công ty và các bên theo quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 21/06/2005 của UBND TP.HCM v/v xây dựng dự án 4/35 Độc Lập tại Phường Tân Quý, Quận Tân Phú TP.HCM).

Công ty đã nhiều lần gửi thông báo đề nghị các đối tác góp vốn thực hiện nghĩa vụ của mình theo nội dung hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên đến nay, các đối tác góp vốn vẫn chưa thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trên hợp đồng góp vốn với Công ty.

- Hàng gửi bán: 34.865.443 đồng

Là sản phẩm bán ghế gửi bán phát sinh từ Xi nghiệp Lâm Hòa Phát từ năm 2010, sau đó Xi nghiệp Lâm Hòa Phát giải thể, kết chuyển số hàng hóa này về sổ sách kế toán của Công ty mẹ. Từ ngày 31/12/2015 không có biên bản xác nhận của khách hàng. Khoản mục này đã được trích dự phòng.

- Chi phí dự án Trảng Bom: 1.063.349.360 đồng

Dự án này được thỏa thuận hợp tác giữa 3 đơn vị:

- + Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su: góp 40%
- + Công ty CP Địa ốc 7 góp 30%, đã góp: 300.000.000 đồng
- + Công ty CP Địa ốc 9 góp 30%, đã góp: 300.000.000 đồng

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc bàn giao toàn bộ dự án cho Công ty TNHH MTV Địa ốc cao su Đồng Nai. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa bàn giao dự án được do Công ty TNHH MTV Địa ốc cao su Đồng Nai đã có văn bản không tiếp nhận dự án. Lý do: dự án không phù hợp với quy hoạch mới của Tỉnh Đồng Nai và hồ sơ dự án không phù hợp theo quy trình và quy định mới.

Công ty đã họp bàn với 2 đơn vị góp vốn, đề nghị chấm dứt thực hiện dự án, thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 78/HĐHTĐT-2010 ngày 28/05/2010 và cùng chia sẻ chi phí dự án theo tỉ lệ vốn góp hợp tác đầu tư. Công ty CP Địa ốc 7 và Công ty CP Địa ốc 9 thống nhất chấm dứt thực hiện dự án và thanh lý Hợp đồng hợp tác đầu tư, tuy nhiên Công ty CP Địa ốc 9 chưa đồng ý phân phối chi phí thực hiện theo tỷ lệ góp vốn, vì lý do trong vốn góp của Công ty có một số cá nhân tham gia góp vốn, vì vậy phải có có ý kiến của họ đồng ý chia sẻ chi phí.

Ngày 02/10/2025, Công ty tiếp tục gửi Công văn số 217/RBC-TCKT về việc Chấm dứt dự án đầu tư khu dân cư 16,5 ha tại Thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai đến Công ty Cổ phần Địa ốc 9. Nhưng đến nay Công ty chưa nhận được phản hồi từ Công ty Cổ phần địa ốc 9 về nội dung ý kiến chấm dứt dự án đầu tư trên.

* Đối với các khoản tồn đọng trên Công ty đang thực hiện cân đối tình hình tài chính, lựa chọn thời điểm thích hợp để xử lý theo đúng quy định pháp luật.

2. Công tác đầu tư tài chính dài hạn:

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số tiền đầu tư ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là: **11.908.100.000 đồng**, bao gồm:

- Công ty CP Thương mại DV và Du lịch cao su : 2.596.100.000 đồng
- Công ty CP Đầu tư xây dựng và XNK Cao su : 1.500.000.000 đồng
- Công ty CP Đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh : 6.312.000.000 đồng
- Công ty CP Phát triển đô thị & KCN Cao su Việt Nam: 1.500.000.000 đồng

Căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại các đơn vị trên, Công ty đã thực hiện trích dự phòng theo quy định đối với các đơn vị có kết quả lỗ lũy kế, cụ thể như sau:

+ Trích dự phòng đầu tư tại Công ty CP Thương mại & Dịch vụ Du lịch Cao su: 2.439.485.389 đồng (tương đương 93,97% trên tổng số vốn đã góp).

+ Trích dự phòng đầu tư tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng và XNK Cao su: 1.500.000.000 đồng (đã trích đủ 100% tổng số vốn đã góp).

Công ty đã có kế hoạch thoái vốn tại các đơn vị đầu tư ngoài ngành, nên đã làm văn bản trình Lãnh đạo Tập đoàn phê duyệt việc thoái vốn để sớm thu hồi vốn tập trung cho sản xuất kinh doanh.

Tháng 11 năm 2021 Lãnh đạo Tập đoàn đã có văn bản thỏa thuận chủ trương cho Công ty thoái vốn tại Công ty CP Đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh và Công ty CP Phát triển đô thị & KCN Cao su Việt Nam, dự kiến Công ty sẽ triển khai thực hiện trong năm 2022. Tuy nhiên đến nay Công ty chưa triển khai thực hiện được vì vẫn đang chờ hướng dẫn và thông tin về thẩm định giá của Tập đoàn và các đơn vị trong ngành để thực hiện theo đúng chỉ đạo của Tập đoàn trong văn bản thỏa thuận. Công ty cũng đã báo cáo Lãnh đạo Tập đoàn về việc chưa thực hiện này.

* Đối với khoản vốn góp của Công ty tại Công ty CP Đầu tư xây dựng và XNK Cao su: ngày 27/11/2025 ông Nguyễn Hồng Phú nguyên là Giám đốc Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su đã có đơn đề nghị mua lại cổ phần của Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su tại Công ty CP Đầu tư xây dựng và XNK Cao su.

Ngày 12/01/2026, Công ty đã gửi công văn số 03/HĐQT-RBC về việc trình Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam xem xét và có ý kiến chỉ đạo đối với khoản đầu tư tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và XNK Cao su.

Thực hiện văn bản số 846/CSVN-QLĐTĐD ngày 01/4/2026 và số 950/CSVN-QLĐTĐD ngày 14/4/2026 của Tập đoàn, Công ty đã gửi báo cáo số 46/HĐQT-RBC-DDV ngày 16/4/2026 về việc làm rõ nguồn gốc quá trình hình thành khoản đầu tư thành lập và góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và XNK Cao su, đồng thời đã bổ sung toàn bộ hồ sơ liên quan.

3. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2025 của toàn Công ty được Tập đoàn thỏa thuận là: 26,440 tỉ đồng, gồm:

- Xây lắp: 12,720 tỉ đồng
- Thiết bị: 13,720 tỉ đồng

Trong năm 2025 do tình hình SXKD còn nhiều khó khăn, Công ty chỉ triển khai thực hiện một số hạng mục đầu tư phục vụ nhu cầu cấp thiết trong hoạt động SXKD với tổng giá trị đầu tư là 581 triệu đồng đồng đạt 2% kế hoạch năm, gồm:

- Thiết bị: 581 triệu đồng.

Các công trình đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của Luật đấu thầu, tiến độ thực hiện đạt yêu cầu, chất lượng và khối lượng công việc tuân thủ theo thiết kế dự toán và tiên lượng ban đầu.

4. Tình hình thực hiện các dự án:

*** Khu dân cư Trảng Bom – Đồng Nai:**

Đã trình bày chi tiết tại mục b phần IV.1

*** Khu Bình Điền - Quận 8:**

Công ty đã nhận được Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của UBND Quận 8 (cũ) về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi toàn bộ nhà xưởng tại khu đất số 79 Rạch Cát Bến Lức, Phường 7, Quận 8 (nay là Phường Bình Đông, TP.HCM). Tuy nhiên đến nay các cơ quan, chính quyền địa phương chưa thực hiện việc đền bù và chưa có phương án thu hồi đất, vì vậy Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su chưa thể bàn giao đất cho địa phương.

Trong khoảng thời gian dài mặc dù không được khai thác, sử dụng khu đất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhưng để bảo toàn tài sản Nhà nước, Công ty vẫn phải tổ chức, sắp xếp, chi trả chi phí thuê người bảo vệ, trông coi khu đất tránh bị người dân xung quanh lấn chiếm và sử dụng đất sai quy định pháp luật, do Công ty chỉ là doanh nghiệp nên rất khó khăn trước tình trạng lấn chiếm đất hiện nay tại địa phương. Công ty cũng đã có văn bản số 297/RBC – KHKT ngày 23/12/2024 và văn bản số 260/RBC-KHKT ngày 24/12/2025 gửi các cơ quan có thẩm quyền: Sở Nông nghiệp và Môi trường TP.HCM, Ban bồi thường GPMB khu vực quận 8 và UBND phường Bình Đông TP.HCM về việc xem xét, giải quyết việc thu hồi và đền bù theo quy định trong thời gian sớm nhất, đến nay Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi từ các cơ quan chức năng. Ngoài ra Công ty cũng đã có văn bản số: 98/RBC-KHKT ngày 07/4/2026 gửi Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và Sở Nông nghiệp & Môi trường TP.HCM báo cáo việc này, trong đó có kiến nghị Sở Nông nghiệp & Môi trường TP.HCM sớm có phương án giải quyết việc thu hồi và bồi thường tại khu đất Bình Điền.

5. Công tác tổ chức - cán bộ:

*** Công tác tổ chức:**

Công ty hiện có 03 phòng nghiệp vụ và 05 đơn vị, trong đó có 02 Công ty TNHH MTV, gồm: Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đồng Hòa và Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa Ốc Hồng Phúc; 03 Xí nghiệp trực thuộc gồm: Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp, Xí nghiệp Kho Vận và Xí nghiệp Tam Phước. Xí nghiệp Tam Phước không trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ cho thuê mặt bằng nhà xưởng và máy móc thiết bị, do văn phòng Công ty mẹ quản lý.

Công ty thường xuyên triển khai rà soát, xây dựng, điều chỉnh hệ thống văn bản nội bộ cho phù hợp quy định pháp luật hiện hành, của Tập đoàn và tình hình thực tế của Công ty.

Công ty đã thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026; giai đoạn 2026-2031 của Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV CBG Đông Hòa, Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc đã được Tập đoàn thỏa thuận theo quy định.

Thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh Tập đoàn quản lý và các chức danh do Công ty quản lý; thực hiện chuyển xếp lương, nâng bậc lương cho cán bộ quản lý và người lao động theo đúng quy định của Tập đoàn.

*** Công tác cán bộ:**

- Thực hiện quy trình bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức danh thuộc Tập đoàn quản lý, cử và cử lại người đại diện vốn của Công ty:

+ Bổ nhiệm lại chức danh Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty CP Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

+ Cử, cử lại người đại diện vốn, kiểm soát viên của Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su tại Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa và Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc.

- Thực hiện thủ tục hồ sơ trình Tập đoàn theo quy định: bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc; miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách theo đơn từ nhiệm; giới thiệu nhân sự tham gia Ban Kiểm soát, ứng cử chức vụ Kiểm soát viên thay thế nhân sự do Tập đoàn giới thiệu ứng cử.

- Thực hiện thủ tục bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức danh do Công ty quản lý.

6. Công tác Lao động – Tiền lương:

- Lao động bình quân toàn Công ty : 278 người, trong đó:
 - + Người quản lý : 08 người
 - + Lao động chuyên môn nghiệp vụ : 42 người
 - + Lao động trực tiếp, phục vụ : 228 người
- Lao động nữ : 104 người
- Lao động là người dân tộc thiểu số : 33 người
- Thu nhập bình quân NLD : 10.871.000 đồng/người/tháng

Hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch tiền lương theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Văn phòng Công ty và các đơn vị thành viên đều xây dựng phương án trả lương; xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương và thực hiện chi trả tiền lương đầy đủ, kịp thời và công khai.

*** Chế độ chính sách:**

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của nhà nước (khám sức khỏe định kỳ, trang cấp bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật...).

- Thực hiện đầy đủ chế độ trang bị bảo hộ cá nhân, bồi dưỡng độc hại, các biện pháp về an toàn phòng chống cháy nổ; cử người lao động tham gia các khóa đào tạo, tập huấn.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

- Tổ chức bữa ăn giữa ca cho người lao động.

7. Công tác thanh tra, bảo vệ, quân sự:

Thực hiện đầy đủ các báo cáo theo hướng dẫn Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và các sở ban ngành theo quy định.

Các đơn vị thành viên đã chủ động phối hợp cùng chính quyền địa phương duy trì lực lượng dân quân tự vệ tại đơn vị, tham gia tập huấn công tác dân quân tự vệ theo kế hoạch của địa phương.

Đảm bảo công tác giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đề cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ tài sản của đơn vị.

Năm 2025 không có đơn thư khiếu nại tố cáo gửi về Công ty.

8. Công tác thi đua, khen thưởng:

Phối hợp với Công đoàn tổng kết phong trào thi đua khen thưởng cả năm; thi đua nước rút 04 tháng cuối năm 2025. Chấm điểm mức độ hoàn thành công việc và bình xét đề nghị khen tặng các tập thể, cá nhân gương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua năm 2025.

9. Công tác đoàn thể - phong trào:

- Công ty đã tổ chức thành công Hội nghị đại biểu người lao động năm 2025.

- Phối hợp Công đoàn chăm lo Tết Nguyên đán năm 2025 cho người lao động, tặng quà Tết cho công nhân có hoàn cảnh khó khăn.

- Công đoàn phối hợp Công ty tổ chức tổng kết phong trào thi đua 2 giới năm 2025 và tặng quà cho lao động nữ nhân dịp 8/3 và 20/10.

- Tổ chức các hoạt động phong trào nhân dịp Tháng Công nhân, tháng An toàn vệ sinh lao động năm 2025.

- Tổ chức khen thưởng và tặng quà các cháu là con CB-CNV NLD Công ty nhân ngày 1/6 và Tết Trung thu.

- Tổ chức thăm hỏi người lao động ốm đau, tai nạn, thăm viếng tử thân phụ mẫu của người lao động, tặng quà sinh nhật cho người lao động.

- Tổ chức thực hiện an toàn vệ sinh lao động: trang bị bảo hộ cá nhân, bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe định kỳ, các biện pháp về an toàn phòng chống cháy nổ.

- Thực hiện các công tác PCCC, vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an ninh trật tự,.... Theo đúng các quy định hiện hành.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ NĂM 2026 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ NĂM 2026:

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của các đơn vị và toàn Công ty, trên cơ sở các nguồn lực hiện có, đồng thời dự báo tình hình thị trường cũng như khả năng thực hiện trong năm 2026, Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư năm 2026 với các chỉ tiêu chính sau:

I. Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su (Riêng):

- Kinh doanh mủ cao su : 1.750 tấn
- Kinh doanh hạt nhựa : 750 tấn
- Tổng doanh thu : 130.476 triệu đồng
- Tổng chi phí : 127.716 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 2.760 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2.760 triệu đồng
- Đầu tư XDCB : 16.950 triệu đồng
 - + Xây lắp : 5.250 triệu đồng
 - + Thiết bị : 11.700 triệu đồng
- Lao động bình quân : 29 người
- Thu nhập bình quân : 18,523 triệu đồng/người/tháng
- Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế : 2.760 triệu đồng
 - + Trích quỹ thưởng người quản lý : 200 triệu đồng
 - + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi : 1.530 triệu đồng
 - + Chia cổ tức (1% VDL) : 1.030 triệu đồng

* Chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đã bao gồm lợi nhuận sau thuế của Công ty Đông Hòa và Công ty Hồng Phúc.

2. Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa

- Sản xuất gỗ tinh chế : 2.200 m³
- Tiêu thụ gỗ tinh chế : 2.200 m³
- Tổng doanh thu : 131.934 triệu đồng
- Tổng chi phí : 129.734 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 2.200 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 1.760 triệu đồng
- Đầu tư XDCB : 14.350 triệu đồng
 - + Xây lắp : 6.820 triệu đồng
 - + Thiết bị : 7.530 triệu đồng
- Lao động bình quân : 279 người
- Thu nhập bình quân : 9,723 triệu đồng/người/tháng

3. Công ty TNHH MTV TM & Địa Ốc Hồng Phúc

- Kinh doanh hạt nhựa : 1.500 tấn
- Kinh doanh thực phẩm đông lạnh : 250 tấn
- Tổng doanh thu : 85.188 triệu đồng
- Tổng chi phí : 83.938 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 1.250 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 1.000 triệu đồng
- Lao động bình quân : 6 người
- Thu nhập bình quân : 16 triệu đồng/người/tháng

* Thuyết minh về chỉ tiêu kế hoạch năm 2026:

Dự báo tình sản xuất kinh doanh năm 2026 vẫn chưa chuyển biến khả quan, do vậy Công ty dự kiến giao kế hoạch về chỉ tiêu lợi nhuận năm 2026 cho 02 Công ty con là Công ty Đông Hòa và Công ty Hồng Phúc tương đương so với kế hoạch năm 2025.

Trong năm 2026 Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp sẽ chính thức đi đời theo quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai do đó chỉ tiêu doanh thu năm 2026 của Công ty mẹ sẽ tăng trưởng ít hơn so với thực hiện năm 2025 (các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đã bao gồm lợi nhuận sau thuế của Công ty Đông Hòa và Công ty Hồng Phúc).

II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2026:

- Đẩy mạnh tìm kiếm thêm khách hàng xuất khẩu tiềm năng và ổn định, đồng thời tìm kiếm phát triển thị trường nội địa đối với sản phẩm gỗ.

- Tăng cường các hoạt động kinh doanh, mở rộng thêm mặt hàng kinh doanh khác, ... tạo các điều kiện thuận lợi để đạt hiệu quả tốt nhất.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực cho thuê kho và các dịch vụ hậu cần cao su.
- Đầu tư một số máy móc thiết bị chuyên dùng trong sản xuất đồ gỗ nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Triển khai việc củng cố bộ máy quản lý sản xuất, Hệ thống quản lý chất lượng, sắp xếp mặt bằng sản xuất phù hợp; sáp nhập bộ phận tinh chế của xưởng A vào bộ phận tinh chế của xưởng Dĩ An (Công ty Đông Hòa) nhằm tinh gọn bộ máy, công tác quản lý điều hành sẽ nhất quán và giảm chi phí sản xuất.
- Thực hiện các biện pháp chặt chẽ để kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu, chất lượng sản phẩm, định mức vật tư, Nhằm giảm thiểu các chi phí phát sinh đồng thời nâng cao uy tín của đơn vị.
- Triển khai áp dụng biện pháp khoán chi phí vật tư, nguyên liệu đến từng người lao động nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm. Số tiền tiết kiệm được giúp giảm chi phí sản xuất đồng thời bổ sung thu nhập cho người lao động.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn tại công ty và các đơn vị.
- Rà soát, xây dựng, ban hành các Quy chế, quy trình thực hiện công việc phù hợp quy định pháp luật, quy định của Tập đoàn và tình hình thực tế của Công ty.
- Áp dụng các biện pháp thiết thực, có hiệu quả trong việc tiết giảm các chi phí sản xuất, chi phí quản lý,... để nâng cao hiệu quả.
- Duy trì môi trường làm việc tại các xưởng sản xuất theo tiêu chí “xanh – sạch – đẹp”; tạo việc làm ổn định, đảm bảo thu nhập và chăm lo đời sống vật chất – tinh thần của người lao động nhằm ổn định lực lượng lao động gắn bó lâu dài với đơn vị.

Trên đây là báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Ban điều hành Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su, kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Cổ đông; HĐQT Cty;
- Ban TGĐ, BKS;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Giám đốc các DVTT;
- Lưu: VT, P.KH-KT.

TỔNG GIÁM ĐỐC *wb*



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT KHẨU CAO SU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC - HDQTRBC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 05 năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY NĂM 2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công nghiệp và Xuất khẩu Cao su về nhiệm vụ của HĐQT với vai trò quản trị, định hướng và giám sát Công ty, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT báo cáo về công tác quản lý điều hành năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 tại Đại hội đồng Cổ đông như sau:

PHẦN I

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

I. Đặc điểm tình hình:

Công ty đối mặt với nhiều thách thức trong việc thực hiện kế hoạch năm 2025 do biến động kinh tế thế giới, lạm phát, giá nguyên liệu tăng và sức mua giảm. Các hoạt động sản xuất gỗ và cho thuê kho gặp khó khăn, đòi hỏi Công ty phải thích ứng với các đơn hàng phức tạp và điều chỉnh quy mô để duy trì ổn định; lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su đã tạm dừng hoạt động do UBND tỉnh Đồng Nai đã công bố kế hoạch di dời KCN Biên Hòa 1.

Đối với lĩnh vực sản xuất gỗ: Tình hình khó khăn chung của ngành gỗ vẫn tiếp tục từ năm 2023 đến nay, năm 2025 tình trạng thiếu đơn hàng kéo dài, mẫu mã mới và khó, công phu, kết hợp nguyên liệu khác đòi hỏi tay nghề cao, công lao động nhiều nên năng suất giảm, sản lượng sản xuất chưa cao. Do vậy, tiền lương bình quân tháng của người lao động thấp nên lao động nghỉ việc nhiều, đặc biệt là lao động có tay nghề, ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty đã nỗ lực phấn đấu, đưa ra nhiều giải pháp linh hoạt, kịp thời, tổ chức sắp xếp sản xuất phù hợp điều kiện thực tế, tiết kiệm chi phí, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau: tổng giá trị đơn hàng khoảng 5,3 triệu USD, sản lượng sản xuất là 2.057,61 m³, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động.

Lĩnh vực kinh doanh: giá cao su không ổn định, tình hình kinh doanh cao su vẫn không khả quan. Ngoài cao su, đơn vị còn triển khai kinh doanh các mặt hàng khác như gỗ phôi, hóa chất, thực phẩm đông lạnh, hạt nhựa,... góp phần đáng kể trong kết quả kinh doanh của toàn Công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 được phân ánh đầy đủ tại số liệu báo cáo của Tổng Giám đốc trình bày tại Đại hội.

II. Kết quả hoạt động năm 2025:

1. Thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2025:

1.1. Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su (theo BCTC Riêng):

| Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | % TH/KH |
|----------------------------------|---------|-------------------|--------------------|---------|
| Kinh doanh cao su | tấn | 1.200 | 1.873 | 156% |
| Tổng doanh thu | tr đồng | 84.024 | 142.341 | 169% |
| Tổng chi phí | tr đồng | 81.304 | 139.603 | 172% |
| Lợi nhuận trước thuế | tr đồng | 2.720 | 2.738 | 101% |
| Lợi nhuận sau thuế | tr đồng | 2.720 | 2.738 | 101% |
| Đầu tư XDCB | tr đồng | 13.700 | 581 | 4% |
| - Xây lắp | tr đồng | 5.900 | - | - |
| - Thiết bị | tr đồng | 7.800 | 581 | 7% |
| Lao động bình quân | người | 34 | 32 | 94% |
| Thu nhập bình quân (tháng/người) | tr đồng | 15,846 | 15,929 | 100% |

(Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đã bao gồm lợi nhuận sau thuế của Công ty Đông Hòa và Công ty Hồng Phúc)

1.2. Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa:

| Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | % TH/KH |
|----------------------|----------------|-------------------|--------------------|---------|
| Sản xuất gỗ tinh chế | m ³ | 2.200 | 2.057,61 | 94% |
| Tiêu thụ gỗ tinh chế | m ³ | 2.200 | 2.022,14 | 92% |
| Tổng doanh thu | tr đồng | 133.380 | 117.853 | 88% |
| Tổng chi phí | tr đồng | 130.843 | 115.635 | 88% |
| Lợi nhuận trước thuế | tr đồng | 2.537 | 2.218 | 87% |
| Lợi nhuận sau thuế | tr đồng | 2.030 | 1.584 | 78% |

| Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | % TH/KH |
|----------------------------------|---------|-------------------|--------------------|---------|
| Đầu tư XDCB | tr đồng | 12.740 | - | - |
| - Xây lắp | tr đồng | 6.820 | - | - |
| - Thiết bị | tr đồng | 5.920 | - | - |
| Lao động bình quân | người | 279 | 238 | 85% |
| Thu nhập bình quân (tháng/người) | tr đồng | 10,015 | 10,053 | 100% |

1.3. Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc:

| Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | % TH/KH |
|----------------------------------|---------|-------------------|--------------------|---------|
| Kinh doanh cao su | tấn | 100 | 60,48 | 60% |
| Kinh doanh hạt nhựa | tấn | 1.800 | 1.388 | 77% |
| Kinh doanh thực phẩm | tấn | 250 | 307 | 123% |
| Tổng doanh thu | tr đồng | 96.947 | 89.716 | 93% |
| Tổng chi phí | tr đồng | 95.747 | 88.505 | 92% |
| Lợi nhuận trước thuế | tr đồng | 1.200 | 1.211 | 101% |
| Lợi nhuận sau thuế | tr đồng | 960 | 960 | 100% |
| Lao động bình quân | người | 7 | 7 | 100% |
| Thu nhập bình quân (tháng/người) | tr đồng | 13,167 | 13,373 | 102% |

2. Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025:

Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ về việc giao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty chọn đơn vị kiểm toán năm 2025, Công ty đã quyết định chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty CP Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

III. Các hoạt động khác của Hội đồng quản trị năm 2025:

1. Đánh giá hoạt động quản lý điều hành năm 2025:

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 07 phiên họp trực tiếp và nhiều lần lấy ý kiến bằng văn bản, kịp thời xem xét, thảo luận và quyết nghị các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền. Việc tổ chức họp và lấy ý kiến được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ các cuộc họp, tích cực nghiên cứu tài liệu, thảo luận và biểu quyết với tinh thần trách nhiệm cao, đặt lợi ích chung của Công ty và cổ đông lên hàng đầu.

Trong năm, HĐQT đã ban hành 19 Nghị quyết để triển khai các quyết định của HĐQT và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT. Tất cả các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát, mời mở rộng đến Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng nghiệp vụ của Công ty và Giám đốc các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc để nắm bắt chính xác và kịp thời về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong các cuộc họp, HĐQT Công ty tiến hành thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD, kiểm tra tiến độ thực hiện do Tổng Giám đốc điều hành trình bày; bàn các giải pháp xử lý các tình huống phát sinh do Tổng Giám đốc đề xuất, kiến nghị và đề ra nhiệm vụ chủ yếu cho quý tiếp theo. Hoạt động giám sát tập trung chủ yếu ở các nội dung: tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, công tác tài chính, công tác thu hồi công nợ và công tác cán bộ, ...

Các cuộc họp giao ban Tổng Giám đốc, giao ban sản xuất đều có sự tham gia của Hội đồng quản trị để nắm bắt và xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền quyết định của Ban điều hành.

Kết hợp với Ban kiểm soát, tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Công tác giám sát:

2.1. Giám sát đối với Ban điều hành:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị giao chỉ tiết mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh cho từng đơn vị thành viên; giám sát việc tổ chức thực hiện của Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ và các Công ty con, đơn vị thành viên trong hệ thống thông qua Người đại diện vốn.

Trên cơ sở Nghị quyết của HĐQT, Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện theo đúng phân cấp thẩm quyền. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết đều báo cáo xin ý kiến HĐQT xem xét để cho chủ trương thực hiện. Trong năm 2025, Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung trong các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Hầu hết các vấn đề đã thực hiện xong, đạt kết quả tốt.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ đều được thực hiện đúng quy trình, thủ tục theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. HĐQT thường xuyên theo dõi, đánh giá và cân nhắc khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trên cơ sở hiệu quả công việc được giao.

2.2. Công tác phối hợp:

Việc phối hợp giữa các thành viên HĐQT và Ban điều hành được thực hiện chặt chẽ, đạt hiệu quả cao trong công tác chỉ đạo và thực hiện Nghị quyết HĐQT.

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban điều hành Công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ và tổ chức triển khai, thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

HĐQT phối hợp chặt chẽ với tổ chức Đảng và Đoàn thể để đồng thuận trong quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ và chăm lo đời sống người lao động, giúp việc triển khai chủ trương thuận lợi và hiệu quả. Sự đồng thuận này đảm bảo các quyết định, chiến lược của công ty được thực hiện minh bạch, nhất quán và quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng của người lao động.

HĐQT duy trì phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Các phiên họp HĐQT đều có sự tham gia của Ban kiểm soát, cung cấp đầy đủ tài liệu và nghị quyết như đối với các thành viên HĐQT để nắm bắt thông tin và đóng góp ý kiến cho hoạt động của HĐQT.

Đối với Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, HĐQT luôn tranh thủ sự giúp đỡ của lãnh đạo cũng như các Ban chuyên môn của Tập đoàn, HĐQT thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động cụ thể tại Công ty và chủ động đề xuất với Tập đoàn những giải pháp tháo gỡ khó khăn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

IV. Đánh giá chung:

Trong năm 2025, nền kinh tế còn nhiều biến động, với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động và sự phát triển của Công ty, có thể đánh giá rằng HĐQT đã cố gắng phấn đấu để hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình trong việc giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, Công ty đạt chỉ tiêu lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã được giao.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

1. Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 do Đại hội đồng cổ đông giao, các chỉ tiêu chính như sau:

1.1. Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su (Riêng):

- Kinh doanh mủ cao su : 1.750 tấn
- Kinh doanh hạt nhựa : 750 tấn

| | |
|--|---------------------------------|
| - Tổng doanh thu | : 130.476 triệu đồng |
| - Tổng chi phí | : 127.716 triệu đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế | : 2.760 triệu đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế | : 2.760 triệu đồng |
| - Đầu tư XDCB | : 16.950 triệu đồng |
| + Xây lắp | : 5.250 triệu đồng |
| + Thiết bị | : 11.700 triệu đồng |
| - Lao động bình quân | : 29 người |
| - Thu nhập bình quân | : 18,523 triệu đồng/người/tháng |
| - Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế: | 2.760 triệu đồng |
| + Trích quỹ thưởng người quản lý: | 200 triệu đồng |
| + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: | 1.530 triệu đồng |
| + Chia cổ tức (1% VDL) | : 1.030 triệu đồng |

* Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đã bao gồm lợi nhuận sau thuế của Công ty Đồng Hòa và Công ty Hồng Phúc.

1.2. Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đồng Hòa:

| | |
|------------------------|--------------------------------|
| - Sản xuất gỗ tinh chế | : 2.200 m ³ |
| - Tiêu thụ gỗ tinh chế | : 2.200 m ³ |
| - Tổng doanh thu | : 131.934 triệu đồng |
| - Tổng chi phí | : 129.734 triệu đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế | : 2.200 triệu đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế | : 1.760 triệu đồng |
| - Đầu tư XDCB | : 14.350 triệu đồng |
| + Xây lắp | : 6.820 triệu đồng |
| + Thiết bị | : 7.530 triệu đồng |
| - Lao động bình quân | : 279 người |
| - Thu nhập bình quân | : 9,723 triệu đồng/người/tháng |

1.3. Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc:

| | |
|----------------------------------|---------------------|
| - Kinh doanh hạt nhựa | : 1.500 tấn |
| - Kinh doanh thực phẩm đông lạnh | : 250 tấn |
| - Tổng doanh thu | : 85.188 triệu đồng |
| - Tổng chi phí | : 83.938 triệu đồng |

- Lợi nhuận trước thuế : 1.250 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 1.000 triệu đồng
- Lao động bình quân : 6 người
- Thu nhập bình quân : 16 triệu đồng/người/tháng

2. Tiếp tục tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả, đúng quy định của Nhà nước.

3. Thường xuyên giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, giám sát việc điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc; Phát huy hơn nữa tính tích cực của bộ máy điều hành, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của từng cá nhân.

4. Tăng cường các hoạt động kinh doanh, mở rộng mặt hàng kinh doanh, tìm kiếm khách hàng tiềm năng mới, đồng thời duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng cũ, phát triển thị trường nội địa đối với sản phẩm gỗ.

5. Tiếp tục giải quyết những tồn tại về đất đai, nhà xưởng; kiên quyết giải quyết dứt điểm những khoản nợ khó đòi.

6. Tiếp tục thực hiện thoái vốn tại các đơn vị đầu tư không hiệu quả.

7. Tiếp tục thực hiện thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí; Tận dụng khai thác tối đa cơ sở vật chất, hạ tầng hiện có để tăng cường nguồn thu cho Công ty.

8. Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi hoạt động của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được, cùng với Ban điều hành Công ty phấn đấu đưa Công ty phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Trên đây là báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026, rất mong quý cổ đông đóng góp để HĐQT thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của mình.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-RBC-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp lý hiện hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Công nghiệp và XNK cao su;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định và xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông như sau:

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025 - 2030 được bầu chọn tại ĐHĐCĐ ngày 16/5/2025 gồm có 3 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp - Trưởng ban chuyên trách
- Bà Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo - Kiểm soát viên kiêm nhiệm (Tập đoàn CN CSVN)
- Bà Võ Thị Quỳnh Tiên - Kiểm soát viên kiêm nhiệm (Tổng Cty csu Đồng Nai)

2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025:

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy định của pháp luật hiện hành như sau:

- Tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty và tham gia đóng góp ý kiến kịp thời đối với các vấn đề liên quan.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025; Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.

- Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, đánh giá việc chấp hành các quy định của Nhà nước, Tập đoàn, Công ty. Công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đánh giá chung:

Năm 2025 Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, quy định về quản trị Công ty đối với công ty đại chúng, Điều lệ hoạt động của Công ty.

Các thành viên Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thực hiện nhiệm vụ được phân công theo đúng chức năng nhiệm vụ và bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã họp bàn rút kinh nghiệm, căn cứ vào tình hình thực tế để điều chỉnh phương pháp làm việc, bổ sung các nội dung cần lưu ý để thực hiện giám sát cho phù hợp. Tuy nhiên trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, hoạt động sản xuất kinh doanh còn tiềm ẩn nhiều rủi ro ngoài tầm kiểm soát thì công tác kiểm soát không tránh khỏi những tồn tại mà Ban Kiểm soát cần phải hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.

Do hạn chế về vị trí địa lý và để tiết kiệm chi phí, ngoài các phiên họp tập trung chính thức, Trưởng ban Kiểm soát và các thành viên thường xuyên trao đổi thông tin, công việc bằng email và điện thoại.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng nghiệp vụ và các đơn vị thành viên để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ Công ty giao.

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025:

1/ Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025:

Năm 2025 Công ty đã thực hiện các Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau :

1.1/ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 theo BCTC Riêng của công ty:

(Thỏa thuận Tập đoàn số: 584/HĐQTCSVN-QLĐTĐXD ngày 16/7/2025)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2025 | Thực hiện 2025 | Tỉ lệ TH/KH (%) |
|-----|----------------------|---------------|----------------|-----------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 84.024.000 | 142.340.536 | 169% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 2.720.000 | 2.737.989 | 101% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 2.720.000 | 2.737.989 | 101% |

1.2/ Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 :

Theo Báo cáo tài chính riêng năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế năm 2025 là: 2.737.989.306 đồng; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến thời điểm 31/12/2025 là: 2.063.594.061 đồng. Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo thỏa thuận của chủ sở hữu (Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam) và được ĐHĐCĐ năm 2026 thông qua.

1.3/ Thực hiện đầu tư XDCB toàn công ty năm 2025:

Tổng giá trị đầu tư XDCB được duyệt trong năm 2025 trị giá : 26.440 triệu đồng, bao gồm:

- Xây lắp : 12.720 triệu đồng
- Thiết bị : 13.720 triệu đồng

Trong năm 2025 Công ty đã thực hiện đầu tư XDCB hạch toán tăng tài sản: 1.403,988 triệu đồng đạt 5%/KH

- + Nâng cấp hệ thống PCCC vách tường khu C- Kho Vận: 537,822 triệu đồng
- + Hệ thống PCCC xường C- Kho Vận : 866,166 triệu đồng

1.4/ Lựa chọn đơn vị kiểm toán:

Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

2/ Thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, thù lao của thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty số 02/NQ-ĐHĐCĐRBC ngày 16 tháng 5 năm 2025.

Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát được trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

3/ Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Năm 2025 Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp với đầy đủ các thành viên dự họp theo đúng quy định Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Các kiến nghị của Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty thực hiện.

4/ Kết quả giám sát tình hình tài chính của công ty

4.1/ Thẩm định báo cáo tài chính năm 2025 của công ty:

- Báo cáo tài chính của Công ty cho chu kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập đúng theo quy định.

- Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS), kết quả kiểm toán được xác nhận theo Báo cáo kiểm toán độc lập:

Số: 38/BCKT/TC/2026/AASCS ngày 09/02/2026 cho Báo cáo tài chính riêng.

Số: 39/BCKT/TC/2026/AASCS ngày 09/02/2026 cho Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Ban kiểm soát nhất trí với số liệu trong báo cáo tài chính cũng như ý kiến nhận xét của đơn vị kiểm toán AASCS về báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty với những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

4.1.1/ Tình hình biến động về tài sản và nguồn vốn (Báo cáo tài chính riêng):

Đơn vị tính : đồng

| KHOẢN MỤC | 01/01/2025 | 31/12/2025 |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 134.430.633.479 | 101.071.887.956 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 18.920.783.359 | 8.621.597.227 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 73.000.000.000 | 60.600.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 37.838.802.750 | 22.242.107.880 |
| IV. Hàng tồn kho | 3.415.993.876 | 8.150.743.614 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 1.255.053.494 | 1.457.439.235 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 85.530.075.319 | 83.510.545.136 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 107.858.493 | 107.858.493 |
| II. Tài sản cố định | 32.203.791.546 | 15.224.249.706 |
| III. Bất động sản đầu tư | | 15.497.128.487 |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 1.139.954.084 | 1.139.954.084 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 51.043.046.091 | 50.968.614.611 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 1.035.425.105 | 572.739.755 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 219.960.708.798 | 184.582.433.092 |
| NGUỒN VỐN | | |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 78.744.614.360 | 40.628.349.348 |
| I. Nợ ngắn hạn | 65.220.840.548 | 27.104.575.536 |

| | | |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| II. Nợ dài hạn | 13.523.773.812 | 13.523.773.812 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 141.216.094.438 | 143.954.083.744 |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 100.303.080.000 | 100.303.080.000 |
| - Thặng dư vốn cổ phần | 31.410.714.600 | 31.410.714.600 |
| - Cổ phiếu quỹ | -2.678.000.000 | -2.678.000.000 |
| - Quỹ đầu tư phát triển | 12.854.695.083 | 12.854.695.083 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | -674.395.245 | 2.063.594.061 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 219.960.708.798 | 184.582.433.092 |

4.1.2/ Một số chỉ tiêu cơ bản tại báo cáo tài chính riêng năm 2025:

| Stt | KHOẢN MỤC | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|-----|--|-----------------|-----------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 125.209.936.835 | 133.382.675.273 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 3.457.406.311 | 2.737.989.306 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 3.457.406.311 | 2.737.989.306 |
| 4 | Hệ số bảo toàn vốn H (Công ty đã bảo toàn được vốn cổ đông) | 1,03 | 1,02 |
| 5 | Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn) Cty đảm bảo thanh toán được các khoản nợ | 2,01 | 2,47 |
| 6 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu | 2,76% | 2,05% |
| 7 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL cuối kỳ | 3,45% | 2,73% |

4.2/ Các khoản đầu tư tài chính :

4.2.1/ Đầu tư vào Công ty con 100% vốn:

* Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa : 23.000.000.000 đồng

Thực hiện công văn số 540/HĐQTCSVN-QLĐTXD ngày 16/7/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc ý kiến kế hoạch tổng hợp năm 2025 của Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa là công ty con của Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2025: doanh thu đạt 88%, lợi nhuận trước thuế đạt 87% so với kế hoạch.

* Công ty TNHH MTV TM & Địa Ốc Hồng Phúc : 20.000.000.000 đồng

Căn cứ công văn số 583/HĐQTCSVN- QLĐTXD ngày 16/7/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc ý kiến kế hoạch tổng hợp năm 2025 của Công ty TNHH MTV TM & Địa Ốc Hồng Phúc là công ty con của Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2025: doanh thu đạt 93%, lợi nhuận trước thuế đạt 101% so với kế hoạch.

4.2.2/ Đầu tư góp vốn vào các Công ty:

Đến 31/12/2025 đã đầu tư vào Công-ty-con và các đơn vị khác :

| Stt | Tên Công ty | Số tiền đầu tư | Đã trích dự phòng |
|-----|---|-----------------------|----------------------|
| 1 | Cty CP Đầu tư Xây dựng và XNK Cao su | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| 2 | Cty CP TM và Dịch vụ Du lịch Cao su | 2.596.100.000 | 2.439.485.389 |
| 3 | Cty CP Đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh | 6.312.000.000 | |
| 4 | Cty CP Phát triển đô thị và KCN Geruco | 1.500.000.000 | |
| | TỔNG CỘNG | 11.908.100.000 | 3.939.485.389 |

Trong 4 đơn vị Công ty đã đầu tư góp vốn có 2 đơn vị hoạt động hiệu quả, 2 đơn vị không hiệu quả công ty đã trích lập dự phòng theo quy định.

Công ty đã có văn bản trình Lãnh đạo Tập đoàn xin thoái vốn các đơn vị đầu tư ngoài ngành để sớm thu hồi vốn tập trung cho sản xuất kinh doanh.

Tháng 11 năm 2021 Lãnh đạo Tập đoàn đã có văn bản thỏa thuận chủ trương cho Công ty thoái vốn tại Cty CP đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh và Công ty CP phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam, dự kiến sẽ triển khai thực hiện trong năm 2022. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện được vì vẫn đang chờ hướng dẫn và thông tin về thẩm định giá của Tập đoàn và các đơn vị trong ngành để thực hiện theo đúng chỉ đạo của Tập đoàn trong văn bản thỏa thuận. Công ty cũng đã báo cáo Lãnh đạo Tập đoàn về việc chưa thực hiện này.

4.3/ Một số vấn đề còn tồn tại trên báo cáo tài chính đến ngày 31/12/2025:

4.3.1/ Các khoản phải thu khách hàng quá hạn, khó đòi đã trích lập dự phòng:

Đvt : đồng

| Stt | Khách hàng | Thời điểm 31/12/2025 | Đã trích dự phòng |
|-----|---|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Công ty CP CB XNK Thủy sản Đồng Tháp | 8.956.471.270 | 8.956.471.270 |
| 2 | Cty CP SX-XNK Lâm sản hàng tiêu thụ c.nghiệp | 3.870.681.600 | 3.870.681.600 |
| 3 | Công ty TNHH SX TM DV Hữu Nghị | 7.843.792.484 | 7.843.792.484 |
| 4 | Công ty TNHH Quốc tế Trường Thành | 520.800.000 | 520.800.000 |
| 5 | Cơ sở Huệ Toán | 437.851.910 | 437.851.910 |
| 6 | Công ty cổ phần Ngọc Hà | 170.500.000 | 150.000.000 |
| 7 | Bà Trần Thị Đông (Cty Habufa Meubelen B.V) | 598.001.664 | 180.000.000 |
| 8 | Ông Võ Anh Thảo (A.T.O.M Food-Thailan Co.Ltd) | 1.290.830.273 | 1.269.802.673 |
| | Tổng Cộng | 23.688.929.201 | 23.229.399.937 |

4.3.2/ Các khoản phải thu khác : 7.315.136.523 đồng

- Tài sản thiếu chờ xử lý : 6.315.619.963 đồng

(Tương ứng khoản vay của ngân hàng Vietcombank : 10.293.188.528 đồng)

Đây là giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản chờ xử lý khi cổ phần hóa doanh nghiệp có nguồn gốc được hình thành từ nguồn vốn vay ODA của Chính phủ từ năm 1996 bằng máy móc thiết bị thông qua chi nhánh Ngân hàng Ngoại Thương KCX Tân Thuận. Giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp và khoản vay này Chính phủ đã có văn bản số 4055/VPCP-QHQT ngày 23/07/2002 cho khoan lại để xử lý chung cùng với các đơn vị khác có vay vốn của Chính phủ Ấn Độ.

- Phải thu cổ phần hóa trả chậm : 107.858.493 đồng

Công ty đã có văn bản gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Vụ quản lý chào bán chứng khoán cũng như nhờ công ty Luật tư vấn nhưng do số cổ phần này đã được cấp quyền sở hữu cho các cổ đông muốn giải quyết phải liên hệ làm việc với các cổ đông, tuy nhiên đến nay công ty không liên hệ được các cổ đông (đã đổi địa chỉ).

- Tòa án Nhân dân Quận 1 (TP.HCM) : 56.294.421 đồng

- Chi nhánh Móng Cái : 40.000.000 đồng (đã trích dự phòng)

- Cty kiểm định XD & tư vấn ĐT Đông Á : 50.000.000 đồng (đã trích dự phòng)

- Khoản phải thu tại Chi nhánh Hà Nội : 745.363.646 đồng, bao gồm

+ Tiền tồn trong tài khoản Ngân hàng chưa chuyển về Cty Mẹ: 4.982.964 đồng

+ Thuế GTGT được khấu trừ của chi phí QLDN : 35.650.563 đồng

+ Thuế GTGT được khấu trừ của cao su xuất khẩu: 704.730.119 đồng

4.3.3/ Chi phí SXKD dở dang :

Chi phí dự án 4/35 Độc lập : 2.976.590.931 đồng

Chưa thực hiện thanh quyết toán tương ứng với doanh thu nhận trước 3.230.585.284 đồng - là khoản doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận theo các hợp đồng được ký kết giữa công ty và các bên theo quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 21/06/2005 của UBND TP.HCM v/v xây dựng dự án 4/35 Độc Lập tại Phường Tân Quý, Quận Tân Phú TP.HCM.

4.3.4/ Hàng gửi bán: 34.865.443 đồng

Là sản phẩm bán ghế gửi bán của Công ty đã lâu. Đến cuối ngày 31/12/2015 không có biên bản xác nhận của khách hàng. Đến 31/12/2022 đã trích dự phòng.

4.3.5/ Chi phí XD CB dở dang (Số dư TK 241): 1.139.954.084 đồng

* Chi phí dự án Trảng Bom : 1.063.349.360 đồng

Dự án này được thỏa thuận hợp tác giữa 3 đơn vị:

- + Công ty CP CN & XNK Cao su: góp 40%
- + Công ty CP Địa ốc 7: (TK 338) góp 30%, đã góp: 300.000.000 đồng
- + Công ty CP Địa ốc 9:(TK 338) góp 30%, đã góp: 300.000.000 đồng

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc bàn giao toàn bộ dự án cho Công ty TNHH MTV Địa ốc Cao su Đồng Nai. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa bàn giao dự án được do Công ty TNHH MTV Địa ốc Cao su Đồng Nai đã có văn bản không tiếp nhận dự án. Lý do: dự án không phù hợp với quy hoạch mới của Tỉnh Đồng Nai và hồ sơ dự án không phù hợp theo quy trình và quy định mới.

Công ty đã họp bàn với 2 đơn vị góp vốn: chấm dứt thực hiện dự án, thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 78/HĐHTĐT-2010 ngày 28/05/2010 và cùng chia sẻ chi phí dự án theo tỉ lệ vốn góp hợp tác đầu tư.

Công ty đã làm việc với Công ty CP Địa ốc 7, Công ty CP Địa ốc 9 và đã gửi hồ sơ, chờ Công ty Luật tư vấn cách giải quyết hồ sơ trên.

| | | |
|----------------------------------|---|-----------------|
| * Chi phí XDCB dở dang khác | : | 76.604.724 đồng |
| + Chi phí giải tỏa XN Bình Điền | : | 45.781.818 đồng |
| + Chi phí đo đạc khu Nam Sài Gòn | : | 30.822.906 đồng |

5/ Giao dịch các bên liên quan

Giao dịch các bên có liên quan được trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

6/ Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty:

6.1/ Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su nhiệm kỳ 2025-2030 được bầu chọn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 có 05 thành viên, trong đó: Chủ tịch chuyên trách, 01 thành viên chuyên trách và 03 thành viên hoạt động kiêm nhiệm (*không chuyên trách*). Hội đồng quản trị Công ty đã quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của công ty theo Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội cổ đông Công ty. Các thành viên HĐQT đã hoạt động với tinh thần trách nhiệm, đưa ra các quyết định kịp thời để công ty hoạt động hiệu quả.

Năm 2025, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên; tại Đại hội, HĐQT đã tiến hành cuộc họp lần thứ nhất để bầu Chủ tịch HĐQT Công ty. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp theo quy định theo hình thức mở rộng để các thành viên Ban điều hành, Ban kiểm soát, các phòng chuyên môn và các đơn vị thành viên trực thuộc tham gia. Ngoài ra HĐQT cũng đã tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản nhằm thông qua kịp thời các vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền. Trong năm HĐQT đã ban hành 19 nghị quyết và các quyết định liên quan,

làm căn cứ định hướng, chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác nhân sự của Công ty.

Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ SXKD của Ban điều hành.

Hội đồng quản trị đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh của Công ty để ban hành các Nghị quyết và Quyết định theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao.

Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo năm 2025 của Hội đồng quản trị.

6.2/ Giám sát đối với Ban Tổng giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty có 04 thành viên trong đó 01 Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế Biến Gỗ Đông Hòa, 01 Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV TM & Địa Ốc Hồng Phúc.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng: Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty và quy định của Tập đoàn. Các phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết đều báo cáo xin chủ trương của HĐQT.

Ban Tổng giám đốc thực hiện đầy đủ các cuộc họp theo quy định với sự tham gia của HĐQT, Ban kiểm soát, các Trưởng phòng và Giám đốc các đơn vị thành viên, trực thuộc để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các công tác khác.

7/ Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện đúng nhiệm vụ được giao.

Trong năm 2025 Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty và nhận được các văn bản của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban kiểm soát đã có ý kiến, kiến nghị kịp thời đối với hoạt động của công ty.

Ban kiểm soát thực hiện công tác giám sát theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị thông qua.

C. Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Năm 2025 Ban điều hành đã thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, đã đưa hầu hết các công nợ quá hạn không có khả năng thu hồi ra tòa khởi kiện. Đề nghị Công ty tiếp tục công tác và thúc đẩy thu hồi các khoản nợ khó đòi theo đúng quy định, bảo toàn và phát triển vốn.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm khách hàng mới đồng thời giữ chân khách hàng hiện tại bằng sự uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh.
- Phát triển thị trường nội địa sản phẩm gỗ
- Mở rộng thêm lĩnh vực, mặt hàng kinh doanh
- Tăng năng suất lao động, quản lý tiết kiệm chi phí
- Tích cực thu hồi nợ, không để công nợ kéo dài
- Soát xét lại hệ thống văn bản quản lý nội bộ và cập nhật cho phù hợp với quy định hiện hành.
- Tiếp tục giải quyết các vấn đề còn tồn tại (Mục 4.3).

D. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

- Giám sát việc chấp hành Pháp luật Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam có liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Giám sát việc quản lý, tổ chức điều hành hoạt động SXKD của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty.

- Giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và năm.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty và các đơn vị thành viên, trực thuộc.

- Kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý của Công ty và các đơn vị thành viên, trực thuộc.

- Thực hiện các báo cáo theo quy định.

- Thực hiện các công việc khác của BKS theo quy định hiện hành.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Công ty và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng kính chào!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- HĐQT, BKS Tập đoàn;
- HĐQT Công ty;
- Lưu BKS.

NGUYỄN THỊ NGỌC HIỆP



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT KHẨU CAO SU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr - HĐQT/BC

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Một số vấn đề xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất khẩu Cao su;

Căn cứ công văn số: 317/HĐQTCSVN-TCKT ngày 21/4/2026 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc thỏa thuận một số nội dung để tham gia ý kiến và biểu quyết tại ĐHĐCD thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su.

Nay Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua một số vấn đề sau:

1- Thống nhất báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su (theo BCTC Riêng đã được kiểm toán):

Các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu : 142.340.535.534 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 2.737.989.306 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế : 2.737.989.306 đồng

2- Thống nhất phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

- LNST chưa phân phối của Công ty tại 01/01/2025 là : - 674.395.245 đồng
- LNST thực hiện năm 2025 là : 2.737.989.306 đồng
- LNST chưa phân phối tại 31/12/2025 là : 2.063.594.061 đồng

Tại thời điểm 31/12/2025, theo BCTC Riêng năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là: 2.063.594.061 đồng, Công ty đề xuất phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ như sau:

Dvt: đồng

| | |
|---|----------------------|
| Phân phối lợi nhuận: | 2.063.594.061 |
| - Trích Quỹ KTPL Ban điều hành, Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên | 173.000.000 |
| - Trích Quỹ KTPL người lao động | 841.124.451 |
| - Chia cổ tức | 1.049.469.610 |
| Lợi nhuận còn lại | 0 |

- 3- Thông qua báo cáo hoạt động năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Hội đồng quản trị.
- 4- Thông qua báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát.
- 5- Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất, riêng năm 2025 đã kiểm toán của Công ty.
- 6- Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 (Riêng):

Các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu : 130.476 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 2.760 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2.760 triệu đồng
- Tổng nhu cầu vốn XDCB : 16.950 triệu đồng

Trong đó chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đã bao gồm lợi nhuận sau thuế của Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa và Công ty TNHH MTV TM & Dịch vụ Hồng Phúc.

7. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2026 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027.

8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026:

8.1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát công ty chọn 01 trong 03 đơn vị sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026:

- Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá quốc tế IAV.
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

8.2. Trường hợp 3 đơn vị này không tham gia, thống nhất giao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập đủ điều kiện thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

9. Thống nhất cho Ông Phan Đình Phúc từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su theo đơn xin từ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2026.

10. Thống nhất thông qua nội dung điều chỉnh mã ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Thực hiện Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su rà soát điều chỉnh mã ngành nghề của Công ty theo đúng quy định.

| Stt | Ngành nghề đã đăng ký | | Ngành nghề thay đổi | | Nội dung thay đổi |
|-----|---|--------------|---|--------------|--|
| | Tên ngành nghề | Mã ngành | Tên ngành nghề | Mã ngành | |
| 1 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu | 4669 (chính) | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu | 4679 (chính) | Thay đổi mã ngành |
| 2 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4673 | Thay đổi mã ngành |
| 3 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4290 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4299 | Thay đổi mã ngành |
| 4 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 | Bổ sung chi tiết: “Cho thuê nhà xưởng” |
| 5 | Sản xuất giày dép | 1520 | Sản xuất giày, dép | 1520 | Thay đổi từ ngữ |
| 6 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác | 7730 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển | 7730 | Thay đổi từ ngữ |
| 7 | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su | 2212 | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su | 2219 | Thay đổi mã ngành |
| 8 | Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác cây cao su | 0221 | Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác cây cao su | 0220 | Thay đổi mã ngành |
| 9 | Trồng rừng và chăm sóc rừng | 0210 | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp | 0210 | Thay đổi từ ngữ |
| 10 | Xây dựng nhà các loại | 4100 | Xây dựng nhà để ở Xây dựng nhà không để ở | 4101 4102 | Thay đổi mã ngành |
| 11 | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773 | Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) | 4773 | Thay đổi từ ngữ |

| | | | | | |
|----|--|------|--|------|-------------------|
| 12 | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép | 4641 | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép | 4641 | Thay đổi từ ngữ |
| 13 | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh | 4771 | Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da | 4771 | Thay đổi từ ngữ |
| 14 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 4661 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 4671 | Thay đổi mã ngành |

11. Thống nhất thông qua nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

12. Thông qua kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2026:

- Thành viên Hội đồng quản trị (không chuyên trách): 1.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban Kiểm soát (không chuyên trách): 1.000.000 đồng/tháng
- Đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Thư ký Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên của Công ty thành viên làm việc kiêm nhiệm: mức thù lao do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung trên.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- ĐHQĐCĐ;
- Lưu: VT, P.KH-KT



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ - ĐHĐCĐRBC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su ngày 15/5/2026,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu : 142.340.535.534 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 2.737.989.306 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế : 2.737.989.306 đồng

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội:

2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Thực hiện Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/03/2023 của Bộ Tài Chính quy định: Công ty cổ phần có cổ phần của Nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ để xác định lợi nhuận sau thuế làm cơ sở phân phối.

- LNST chưa phân phối của Công ty tại 01/01/2025 là : - 674.395.245 đồng
- LNST thực hiện năm 2025 là : 2.737.989.306 đồng
- LNST chưa phân phối tại 31/12/2025 là : 2.063.594.061 đồng

Tại thời điểm 31/12/2025, theo BCTC Riêng năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là: 2.063.594.061 đồng, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ như sau:

ĐVT: đồng

| | |
|--|----------------------|
| Phân phối lợi nhuận: | 2.063.594.061 |
| Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi Ban điều hành, Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên | 173.000.000 |
| Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động | 841.124.451 |
| Chia cổ tức | 1.049.469.610 |
| Còn lại | 0 |

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội:

3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Hội đồng quản trị.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội:

4. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội:

5. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất, riêng năm 2025 đã kiểm toán của Công ty.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội:

6. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

- Tổng doanh thu : 130.476 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 2.760 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2.760 triệu đồng
- Tổng nhu cầu vốn XDCB : 16.950 triệu đồng

Trong đó chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đã bao gồm lợi nhuận sau thuế của Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa và Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc.

7. Thống nhất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận chính thức năm 2026 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội:

8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026:

8.1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát công ty chọn 01 trong 03 đơn vị sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026:

- Công ty TNHH DV TV Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía nam (AASCS).
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế (IAV).
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

8.2. Trường hợp 3 đơn vị này không tham gia, giao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập đủ điều kiện thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội:

9. Thống nhất cho Ông Phan Đình Phúc từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su theo đơn xin từ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội:

10. Thông qua điều chỉnh mã ngành nghề kinh doanh của Công ty

Thực hiện Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Công ty CP Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su rà soát, điều chỉnh mã ngành nghề theo đúng quy định.

| STT | Ngành nghề đã đăng ký | | Ngành nghề thay đổi | | Nội dung thay đổi |
|-----|---|--------------|---|--------------|--|
| | Tên ngành nghề | Mã ngành | Tên ngành nghề | Mã ngành | |
| 1 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu | 4669 (Chính) | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu | 4679 (Chính) | Thay đổi mã ngành |
| 2 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4673 | Thay đổi mã ngành |
| 3 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4290 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4299 | Thay đổi mã ngành |
| 4 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 | Bổ sung chi tiết: "Cho thuê nhà xưởng" |
| 5 | Sản xuất giày dép | 1520 | Sản xuất giày, dép | 1520 | Thay đổi từ ngữ |
| 6 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác | 7730 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển | 7730 | Thay đổi từ ngữ |
| 7 | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su | 2212 | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su | 2219 | Thay đổi mã ngành |
| 8 | Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác cây cao su | 0221 | Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác cây cao su | 0220 | Thay đổi mã ngành |
| 9 | Trồng rừng và chăm sóc rừng | 0210 | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp | 0210 | Thay đổi từ ngữ |

| STT | Ngành nghề đã đăng ký | | Ngành nghề thay đổi | | Nội dung thay đổi |
|-----|--|----------|---|--------------|-------------------|
| | Tên ngành nghề | Mã ngành | Tên ngành nghề | Mã ngành | |
| 10 | Xây dựng nhà các loại | 4100 | Xây dựng nhà để ở Xây dựng nhà không để ở | 4101 4102 | Thay đổi mã ngành |
| 11 | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773 | Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) | 4773 | Thay đổi từ ngữ |
| 12 | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép | 4641 | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép | 4641 | Thay đổi từ ngữ |
| 13 | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh | 4771 | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da | 4771 | Thay đổi từ ngữ |
| 14 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 4661 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 4671 | Thay đổi mã ngành |

11. Thông qua và ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty:

Ti lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội:

12. Thông qua kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2026:

- Thành viên Hội đồng quản trị (không chuyên trách): 1.000.000 đồng/tháng

- Thành viên Ban Kiểm soát (không chuyên trách): 1.000.000 đồng/tháng

- Đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Thư ký Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên của Công ty thành viên làm việc kiêm nhiệm: mức thù lao do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

Ti lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội:

Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su năm 2026 quyết tâm phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu của Đại hội đề ra để xây dựng Công ty ngày càng phát triển ổn định và bền vững.

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Hồng Minh



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

DỰ THẢO



RUBICO

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 05 năm 2026

MỤC LỤC

| | |
|---|----------|
| PHẦN MỞ ĐẦU | 4 |
| Chương I..... | 4 |
| QUY ĐỊNH CHUNG | 4 |
| Điều 1. Giải thích từ ngữ..... | 4 |
| Điều 2. Tên, địa chỉ trụ sở chính và thời hạn hoạt động của Công ty | 5 |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật..... | 6 |
| Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty..... | 7 |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty | 8 |
| Điều 6. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty..... | 9 |
| Chương II..... | 9 |
| VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG..... | 9 |
| Điều 7. Vốn điều lệ của Công ty | 9 |
| Điều 8. Cổ phần, cổ đông phổ thông | 10 |
| Điều 9. Quyền của cổ đông | 10 |
| Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông..... | 12 |
| Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông | 13 |
| Điều 12. Chứng nhận Cổ phiếu..... | 14 |
| Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác | 15 |
| Điều 14. Chào bán cổ phần..... | 15 |
| Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần | 16 |
| Điều 16. Thừa kế cổ phần..... | 16 |
| Điều 17. Thu hồi cổ phần..... | 17 |
| Điều 18. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông | 17 |
| Điều 19. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty | 18 |
| Điều 20. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại | 19 |
| Chương III | 19 |
| CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT | 19 |
| Điều 21. Cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành và kiểm soát | 19 |
| Mục 1 | 20 |
| ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 20 |
| Điều 22. Đại hội đồng cổ đông | 20 |
| Điều 23. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông | 21 |
| Điều 24. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông | 24 |
| Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông..... | 25 |
| Điều 26. Chương trình họp và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông | 25 |
| Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông..... | 26 |
| Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông | 27 |
| Điều 29. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông..... | 29 |
| Điều 30. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua..... | 29 |
| Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông..... | 31 |
| Điều 32. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông | 33 |
| Điều 33. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | 34 |
| Mục 2..... | 35 |
| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 35 |
| Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị | 35 |
| Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Hội đồng quản trị..... | 36 |
| Điều 36. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị | 37 |
| Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị..... | 40 |
| Điều 38. Cuộc họp Hội đồng quản trị..... | 42 |
| Điều 39. Biên bản họp Hội đồng quản trị | 45 |

| | |
|--|----|
| Điều 40. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên Hội đồng quản trị..... | 46 |
| Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị | 46 |
| Mục 3..... | 47 |
| TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC..... | 47 |
| Điều 42. Tổ chức bộ máy quản lý và người điều hành doanh nghiệp | 47 |
| Điều 43. Tổng Giám đốc, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc..... | 48 |
| Điều 44. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc..... | 48 |
| Điều 45. Miễn nhiệm, thay thế Tổng Giám đốc..... | 51 |
| Điều 46. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ | 52 |
| Mục 4..... | 52 |
| NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY | 52 |
| Điều 47. Nghĩa vụ của người quản lý..... | 52 |
| Điều 48. Công khai các lợi ích liên quan | 53 |
| Điều 49. Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận | 54 |
| Điều 50. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc..... | 55 |
| Điều 51. Trách nhiệm cẩn trọng..... | 55 |
| Điều 52. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi | 55 |
| Điều 53. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường..... | 57 |
| Mục 5..... | 57 |
| BAN KIỂM SOÁT | 57 |
| Điều 54. Ban kiểm soát..... | 57 |
| Điều 55. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên | 59 |
| Điều 56. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát | 59 |
| Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát | 60 |
| Điều 58. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát..... | 61 |
| Điều 59. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên | 61 |
| Điều 60. Trách nhiệm của Kiểm soát viên..... | 61 |
| Điều 61. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên..... | 62 |
| Chương IV | 62 |
| QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ | 62 |
| Điều 62. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ..... | 62 |
| Chương V | 63 |
| NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN..... | 63 |
| Điều 63. Người lao động và công đoàn..... | 63 |
| Chương VI..... | 63 |
| PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN..... | 63 |
| Điều 64. Phân phối lợi nhuận..... | 63 |
| Điều 65. Trích lập các quỹ..... | 65 |
| Chương VII..... | 65 |
| CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ NĂM TÀI CHÍNH | 65 |
| Điều 66. Cơ chế tài chính..... | 65 |
| Điều 67. Tài khoản ngân hàng | 66 |
| Điều 68. Năm tài chính | 66 |
| Điều 69. Chế độ kế toán..... | 66 |
| Chương VIII | 67 |
| BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, | 67 |
| THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG..... | 67 |
| Điều 70. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý..... | 67 |
| Điều 71. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng..... | 67 |
| Điều 72. Báo cáo thường niên..... | 68 |
| Chương IX | 68 |

| | |
|---|-----------|
| KIỂM TOÁN, CON DẤU VÀ BẢO MẬT | 68 |
| Điều 73. Kiểm toán độc lập | 68 |
| Điều 74. Con dấu | 68 |
| Điều 75. Bảo mật | 68 |
| Chương X | 69 |
| CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP | 69 |
| Điều 76. Chấm dứt hoạt động | 69 |
| Điều 77. Thanh lý | 70 |
| Điều 78. Giải quyết tranh chấp..... | 70 |
| Chương XI | 71 |
| ĐIỀU KHOẢN CHUNG | 71 |
| Điều 79. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ | 71 |
| Điều 80. Ngày hiệu lực | 71 |

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông vào ngày tháng năm 2026.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “*Công ty*” là gọi tắt của Công ty CP Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.
- b) “*Vốn điều lệ*” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành cho các cổ đông và được quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.
- c) “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, các văn bản sửa đổi bổ sung và văn bản hướng dẫn thi hành tại từng thời điểm.
- d) “*Công ty con*” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau: (i) Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc (ii) Công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc/Giám đốc hoặc (iii) Công ty có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
- e) “*Đơn vị phụ thuộc*” là các đơn vị hạch toán độc lập nằm trong cơ cấu tổ chức của Công ty CP Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.
- g) “*Đơn vị thành viên*” của Công ty CP Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su là các Công ty con, đơn vị phụ thuộc.
- h) “*Người đại diện phần vốn của Công ty*” là người được Công ty cử làm đại diện một phần hoặc toàn bộ vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác để thực hiện toàn bộ hoặc một số quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại doanh nghiệp đó theo quy định của pháp luật.
- i) “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.
- k) “*Người quản lý doanh nghiệp*” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty.
- l) “*Người điều hành*” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

m) “*Người có liên quan*” là các cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

n) “*Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành*” là Thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

o) “*Cổ đông lớn*” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

p) “*Pháp luật*” có nghĩa là Hiến pháp, tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, nghị quyết, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm liên quan đến các hoạt động của Công ty.

q) “*Việt Nam*” là Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

r) “*Người có quan hệ gia đình*” là cá nhân có quan hệ được quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới việc giải thích và nội dung của các điều khoản trong Điều lệ này.

4. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa vụ tương tự trong Luật Doanh nghiệp.

Điều 2. Tên, địa chỉ trụ sở chính và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên gọi:

- Tên gọi bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

- Tên gọi bằng tiếng Anh: RUBBER INDUSTRY AND IMPORT – EXPORT JOINT – STOCK CORPORATION

- Tên Công ty viết tắt: RUBICO

- Logo, biểu tượng:



2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần.

3. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: số 64 đường Trương Định, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 84.02839327173
- Fax: 84.02839327171
- E-mail: congnghiiep@rubico.com.vn
- Website: www.rubico.com.vn

4. Các đơn vị thành viên:

4.1. Các Công ty con:

- Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa

Địa chỉ: số 502A Lý Thường Kiệt, Khu phố Thống nhất, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc

Địa chỉ: số 50-52 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Các đơn vị phụ thuộc:

- Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp

Địa chỉ: đường số 3, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai.

- Xí nghiệp Kho vận

Địa chỉ: số 2A/2, Trần Hưng Đạo, khu phố Tây B, phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xí nghiệp Tam Phước

Địa chỉ: lô 34, KCN Tam Phước, đường số 7, Phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai.

5. Thời gian hoạt động: Trừ trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 76 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
2. Tổng Giám đốc.
3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

a) Đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Hội đồng quản trị Công ty về việc bản thân và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác.

e) Chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ nêu trên.

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|------------|--|-----------------|
| 01 | Trồng cây Cao su | 125 |
| 02 | Trồng rừng và chăm sóc rừng | 210 |
| 03 | Khai thác gỗ | 221 |
| 04 | Sản xuất giày dép | 1520 |
| 05 | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác | 1621 |
| 06 | Sản xuất gỗ xây dựng | 1622 |
| 07 | Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện | 1629 |
| 08 | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh | 2013 |
| 09 | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su | 2212 |
| 10 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 2220 |
| 11 | Sản xuất đồ chơi, trò chơi | 3240 |
| 12 | Xây dựng nhà các loại | 4100 |
| 13 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4290 |
| 14 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống | 4620 |

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|------------|---|-----------------|
| 15 | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép | 4641 |
| 16 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình | 4649 |
| 17 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác | 4659 |
| 18 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 4661 |
| 19 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 20 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu | 4669 |
| 21 | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh | 4771 |
| 22 | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773 |
| 23 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 24 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 |
| 25 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác | 7730 |
| 26 | Dịch vụ đóng gói | 8292 |

Công ty có thể mở rộng, thu hẹp, hoặc thay đổi phạm vi hoạt động do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động:

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ nhằm mang lại lợi nhuận ngày càng cao; bảo toàn và phát triển vốn; giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; bảo đảm lợi ích cho các cổ đông và hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty là ở trong nước và ngoài nước.

4. Công ty có thể thành lập Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn; tham gia thành lập hoặc góp vốn, mua cổ phần trong các Công ty con khác, Công ty liên kết hoạt động trong và ngoài nước.

Điều 6. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện để tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó.

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 7. Vốn điều lệ của Công ty

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua là **100.303.080.000 đồng** (bằng chữ: Một trăm tỷ, ba trăm lẻ ba triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **10.030.308 cổ phần** với mệnh giá của mỗi cổ phần là **10.000 đồng** (Mười nghìn đồng)

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Công ty đảm bảo rằng Điều lệ này và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi một cách hợp pháp để phản ánh việc tăng, giảm vốn điều lệ.

3. Các hình thức tăng vốn điều lệ của Công ty

a) Phát hành cổ phần ra công chúng, phát hành cổ phần riêng lẻ để huy động thêm vốn, kể cả trường hợp phát hành cổ phần để trả cổ tức.

b) Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành cổ phần (nếu có).

c) Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung vốn điều lệ theo quy định pháp luật.

d) Các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

4. Các hình thức giảm vốn điều lệ của Công ty

a) Công ty mua lại và hủy bỏ một số lượng cổ phần đã phát hành có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến điều chỉnh giảm.

b) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cổ phần, cổ đông phổ thông

1. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần chi phối (nếu có), cổ phần đặc biệt (nếu có) và cổ phần ưu đãi (nếu có).

2. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

3. Người sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có) do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng thời kỳ và phải phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với từng loại cổ phần ưu đãi theo quy định của pháp luật.

4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau trong loại cổ phần đó.

5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.

6. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển nhượng ưu tiên mua, đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền chào bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của Công ty và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo cách thức được quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có quyền phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Công ty không có cổ đông sáng lập.

Điều 9. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định.

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình.

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

k) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.

l) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

m) Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

n) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên ngoài các quyền quy định tại khoản 2 Điều này, có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3, Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.

2. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này, thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

7. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật.

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

8. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho Thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

9. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

10. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty hoặc đơn vị được Công ty ủy thác phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.

e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 12. Chứng nhận Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp Chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần.

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên Chứng nhận cổ phiếu.

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức.

e) Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty (nếu có).

g) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành Chứng nhận Cổ phiếu.

h) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với Chứng nhận cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

2. Trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc thời hạn hai (02) tháng hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác.

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên 10 (mười) triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

5. Sau khi Công ty đã niêm yết hoặc đăng ký lưu ký tập trung, cổ phần do các cổ đông sở hữu sẽ được ghi nhận dưới hình thức bút toán ghi sổ. Việc phát hành, chuyển nhượng và các vấn đề liên quan đến các loại cổ phần khi đó sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời hoặc các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của Người đại diện pháp luật Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

2. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu. Việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu tuân theo quy định tại Điều 124 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.

b) Chào bán ra công chúng.

c) Chào bán cổ phần riêng lẻ. Việc chào bán cổ phần riêng lẻ tuân theo quy định tại Điều 125 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.

2. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của Công ty sau khi đủ điều kiện là Công ty cổ phần niêm yết và đại chúng sẽ thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

4. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.

b) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần

1. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trường hợp Điều lệ Công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong chứng nhận cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Cổ phần chưa thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty sau khi đã thanh toán đủ và những thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 16. Thừa kế cổ phần

1. Trong trường hợp cổ đông là cá nhân chết, thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Thủ tục giải quyết thừa kế sẽ tuân theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Khi một cổ đông là một pháp nhân bị giải thể, phá sản, sáp nhập, chia tách, chuyển đổi hình thức hoạt động, thì mọi quyền và trách nhiệm liên quan tới cổ phần của cổ đông đó sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. Việc thu hồi bao gồm tất cả các khoản cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi đó mà chưa được chi trả thực tế trước thời điểm thu hồi.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị cho rằng là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm bị thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi tại địa chỉ người nắm giữ cổ phần đăng ký. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 18. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Cổ phần sẽ được mua lại theo giá trị trường tại thời điểm đó, nếu giá thị trường không xác định được thì sẽ do các bên thỏa thuận.

3. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Chi phí thuê tổ chức định giá sẽ do cổ đông yêu cầu chi trả. Giá bán của cổ phần sẽ được xác định trên cơ sở định giá do tổ chức định giá có thẩm quyền định giá. Trong vòng năm (05) ngày, kể từ ngày có giá do tổ chức định giá cung cấp, nếu hai bên không phản đối, thì giá bán coi như đã được đồng ý. Trong trường hợp hai bên có phản đối, thì ý kiến phản đối phải được gửi bằng văn bản tới Công ty. Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày nhận được ý kiến phản đối, nếu hai bên không đạt được thỏa thuận, thì vụ việc được đưa ra giải quyết tại cơ quan giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 78 của Điều lệ này.

Điều 19. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị quyết định việc mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc Người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 20. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Cổ phần được mua lại theo Điều 18, Điều 19 Điều lệ này là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

3. Cổ phiếu quỹ không có quyền biểu quyết, nhận lợi tức, các quyền phát sinh từ việc chào bán, phát hành thêm cổ phiếu và các quyền khác.

4. Chứng nhận Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy chứng nhận cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

5. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

6. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 64 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả Thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

Điều 21. Cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành và kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Bộ máy giúp việc bao gồm: các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các bộ phận. Trong quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành, kiểm soát và bộ máy giúp việc của Công ty có thể được thay đổi để phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Mục 1

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua:

a) Kế hoạch phát triển của Công ty.

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.

c) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

h) Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản thuộc một trong các trường hợp sau (căn cứ vào giá trị thấp nhất để xác định):

- Có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

- Có giá trị trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính kỳ gần nhất của Công ty.

- Có giá trị khác theo quy định của pháp luật.

i) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty.

j) Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm.

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.

l) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

m) Xem xét, xử lý vi phạm của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.

p) Thông qua kế hoạch đầu tư và sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

r) Công ty cho công ty con do Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vay vốn khi tổng giá trị các khoản cho vay đối với công ty đó vượt quá giá trị vốn góp thực tế của Công ty tại thời điểm cho vay.

s) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông được họp theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến và do Hội đồng quản trị Công ty quyết định theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Việc lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông, trừ các nội dung tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp (nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc gia hạn thời gian họp đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch đầu tư và sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.
- b) Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán.
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị.
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát.
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.
- g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- b) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ.
- c) Số Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số Thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.
- d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 9 Điều lệ này.
- e) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.
- g) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp bằng văn bản nếu Ban kiểm soát thấy rằng các Thành viên Hội đồng quản trị hoặc người quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ và trách nhiệm của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
- h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định, thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.

d) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

g) Xác định thời gian và địa điểm họp.

h) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

i) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, khoản 5 và khoản 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 24. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ có thể trực tiếp tham dự, ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Người được cổ đông ủy quyền không được phép ủy quyền lại cho người khác đồng thời không được hành động vượt quá phạm vi được ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một (01) Người đại diện theo ủy quyền được cử, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi Người đại diện.

2. Cổ đông là tổ chức có quyền ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

3. Việc ủy quyền cho Người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

c) Trong trường hợp khác, thì phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền.

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin số đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin số đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Điều 26. Chương trình họp và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Điều lệ này.

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

6. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết.

7. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo hoặc công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty, các tài liệu sau đây:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
- c) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

8. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 7 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu bằng văn bản.

Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không đủ điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp Đại hội có quyền hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo qui định tại khoản 2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ, có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến, Công ty phải đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin đủ điều kiện để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

3. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc, thì các Thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

4. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết tán thành hoặc không tán thành được tiến hành bằng 2 hình thức:

a) Biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

b) Biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức thu thẻ biểu quyết.

Cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp hợp lý khác.

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 29. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cần thiết có thể thực hiện theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản như quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ này.

Điều 30. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu có từ (65%) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
- b) Tổ chức lại hay giải thể Công ty.

c) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính kỳ gần nhất của Công ty hoặc giá trị khác theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (xác định căn cứ vào giá trị thấp nhất).

d) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.

e) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

4. Thay đổi các quyền:

a) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

b) Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 27 và Điều 30 Điều lệ này.

c) Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết, quyết định được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b) Mục đích lấy ý kiến.

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.

g) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

h) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

e) Các vấn đề đã được thông qua.

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. Các Thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh.

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Chương trình và nội dung cuộc họp.

d) Chủ tọa và thư ký.

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

g) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

h) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông.

i) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

k) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài, thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 33. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 2

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định tối thiểu là 03 (ba) người và tối đa là 05 (năm) người. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số Thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

3. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 2 nhiệm kỳ liên tục.

4. Trường hợp tất cả Thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ, thì các thành viên đó tiếp tục là Thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

5. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

a) Từ mười phần trăm (10%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa một (01) ứng viên;

b) Từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên.

c) Từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.

d) Từ tám mươi phần trăm (80%) trở lên được đề cử đủ ứng cử viên.

6. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

7. Việc bổ nhiệm các Thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh, có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác nhưng không được đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị tại quá 03 công ty khác.

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty.

e) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của doanh nghiệp nhà nước. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là Thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó.

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định.

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty.

d) Không phải người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

e) Không phải là người đã từng làm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là Thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

4. Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng quản trị: Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.

b) Trình độ học vấn.

c) Trình độ chuyên môn.

d) Quá trình công tác.

e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác.

g) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.

h) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có).

i) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có).

k) Các thông tin khác (nếu có).

Điều 36. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển của Công ty.
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Điều lệ này.
- g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
- h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 49 của Điều lệ này.
- k) Quyết định bảo lãnh cho công ty thành viên do Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vay vốn tại các tổ chức tín dụng, bảo đảm tổng giá trị các khoản bảo lãnh không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm bảo lãnh.
- l) Quyết định cho công ty thành viên do Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vay vốn, bảo đảm tổng giá trị các khoản vay không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của Công ty tại thời điểm cho vay; ngoại trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 49 của Điều lệ này.
- m) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của Công ty.
- n) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- o) Quyết định cơ cấu tổ chức Công ty; Quyết định thành lập Công ty con, thành lập các chi nhánh phù hợp với quy định pháp luật. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất nhất, Quyết định thành lập văn phòng đại diện của Công ty phù hợp với các quy định pháp luật và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất; Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

p) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.

q) Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

r) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

s) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó.

c) Thông qua đề Tổng Giám đốc quyết định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng các Phòng, Trưởng các đơn vị phụ thuộc Công ty.

d) Cử Người đại diện phần vốn góp của Công ty và cử Người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị/Hội đồng Thành viên, Ban kiểm soát tại doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao, quyền lợi và nghĩa vụ của những người đó.

e) Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ của Công ty (nếu có).

g) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền.

h) Phê duyệt các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

i) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều này và khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 49 Điều lệ, khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty.

j) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty.

k) Việc cho vay, vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty.

l) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.

m) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài.

n) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.

o) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng.

p) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

q) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính.

5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty, thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nêu trên.

6. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là Thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật Công ty.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; có quyền thay mặt Hội đồng quản trị đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc Công ty trái với nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.

g) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của Công ty, kết quả quản lý điều hành của Tổng Giám đốc Công ty.

h) Ký ban hành quy chế nội bộ về quản trị của Công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị và pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền, thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định bãi miễn hoặc chấp thuận từ chức của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Công ty ... cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty không quá năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty, Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

d) Tham dự các cuộc họp.

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.

g) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên.

h) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

a) Ban kiểm soát.

b) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.

c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

- d) Ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị.
- e) Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của Thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các Thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số Thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số Thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác hoặc kết hợp giữa các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Biểu quyết:

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c) Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

11. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

15. Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

16. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 39. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- b) Thời gian, địa điểm họp.
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
- e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
- g) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
- h) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

k) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp sau:

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, h và i khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản họp từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài, thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 40. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị thành viên của Công ty.

2. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác.

Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này.

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận.

d) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị.

e) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

g) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

h) Bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội.

i) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

j) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.

k) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số Thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

b) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế Thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Mục 3

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Tổ chức bộ máy quản lý và người điều hành doanh nghiệp

1. Tổ chức bộ máy quản lý: Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị.

2. Người điều hành Công ty:

a) Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

b) Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 43. Tổng Giám đốc, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một Thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác cùng các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

4. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty, phải có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.

b) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

d) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên của Công ty; người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

e) Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

Điều 44. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

3. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

5. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định.

6. Xin ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

7. Chậm nhất Quý 1 của năm kế hoạch, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính kế hoạch trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

8. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

9. Tổ chức xây dựng chiến lược phát triển Công ty; quy hoạch phát triển các dự án thuộc các ngành, nghề do Công ty kinh doanh; kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, kế hoạch phối hợp kinh doanh trong Công ty; chuẩn bị các dự án đầu tư, các đề án tổ chức, quản lý; dự thảo Điều lệ, Dự thảo sửa đổi Điều lệ Công ty; dự thảo Quy chế quản lý tài chính của Công ty, các quy chế, quy định của Công ty; xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; xây dựng hệ thống chỉ tiêu công nghệ, tiêu chuẩn sản phẩm, định mức kinh tế, kỹ thuật, đơn giá tiền lương; chuẩn bị các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự, các phương án đề phòng rủi ro, các phương án huy động và sử dụng vốn; lập các báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê, báo cáo tài chính riêng của Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các đề án, dự án khác.

10. Trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc để Hội đồng quản trị trình cấp có thẩm quyền quyết định.

11. Quyết định các dự án đầu tư, các hợp đồng vay, cho vay, hợp đồng mua bán tài sản của Công ty theo phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị Công ty. Ký kết các hợp đồng nhân danh Công ty.

12. Quyết định phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng Giám đốc Công ty.

13. Quyết định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng các Phòng, Thủ trưởng các đơn vị phụ thuộc sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản.

14. Quyết định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó Trưởng các Phòng, Phó Thủ trưởng đơn vị phụ thuộc theo đề nghị của Trưởng các Phòng, Thủ trưởng các đơn vị phụ thuộc.

15. Quyết định các vấn đề được Hội đồng quản trị Công ty phân công hoặc ủy quyền theo quy định tại Điều lệ này và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, các văn bản pháp luật có liên quan.

16. Quyết định phương án sử dụng vốn, tài sản của Công ty để góp vốn, mua cổ phần của các Công ty trong nước có giá trị theo mức phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị và các quy định khác của pháp luật.

17. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh quản lý theo phân cấp của Hội đồng quản trị.

18. Đề nghị Hội đồng quản trị Công ty quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh: Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty nắm 100% vốn điều lệ.

19. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác, giới thiệu nhân sự tham gia vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát tại doanh nghiệp khác.

20. Tổ chức điều hành kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và các hoạt động hàng ngày; kế hoạch phối hợp kinh doanh trong Công ty; công tác kiểm tra, thanh tra, bảo vệ, quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ và các công tác khác nhằm thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; điều hành hoạt động của Công ty nhằm thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị.

21. Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các đơn vị thành viên.

22. Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện việc công bố thông tin, công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

23. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

24. Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị.

25. Trình Hội đồng quản trị phê duyệt phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

26. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Điều 45. Miễn nhiệm, thay thế Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng Tổng Giám đốc khi có từ một phần hai (1/2) Thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của chính Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

b) Không còn đủ điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Khoản 4 Điều 43 Điều lệ này.

c) Có đơn xin từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận.

d) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án.

e) Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

g) Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng quản trị giao (trừ trường hợp bất khả kháng).

h) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty.

i) Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh mới của Công ty.

j) Công ty vi phạm pháp luật hoặc có hoạt động sản xuất kinh doanh trái với quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, Hội đồng quản trị phải tiến hành thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

Điều 46. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ

1. Công ty có các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, cách chức, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Số lượng Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp với nhu cầu quản trị của Công ty.

2. Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc trong việc điều hành Công ty; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Tổng Giám đốc giao phù hợp với Điều lệ này; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Việc ủy quyền có liên quan đến ký kết hợp đồng hoặc liên quan đến sử dụng con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

3. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, cách chức, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

4. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty; giúp Tổng Giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

5. Nhiệm kỳ của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

6. Chế độ lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật và của Công ty.

7. Các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành Công ty cũng như trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, của cổ đông, của thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác.

8. Việc thành lập, cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.

Mục 4

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 47. Nghĩa vụ của người quản lý

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính.

5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

2. Người quản lý của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh.

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông và người quản lý có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc.

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 49. Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, Người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ.

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ.

c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 48 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 50. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho Người quản lý theo kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo tháng hoàn thành nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 51. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 52. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 53. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Mục 5

BAN KIỂM SOÁT

Điều 54. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Ban kiểm soát có ít nhất (01) một thành viên chuyên trách.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

a) Từ mười phần trăm (10%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa một (01) ứng viên.

b) Từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên.

c) Từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.

d) Từ tám mươi phần trăm (80%) trở lên được đề cử đủ ứng cử viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.

5. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát họp ít nhất 02 lần trong một năm; số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký cuộc họp (nếu có) và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

6. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

Điều 55. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Kiểm soát viên phải được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Kiểm soát viên không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
4. Kiểm soát viên không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
5. Không phải là người có quan hệ gia đình của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
6. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 56. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 165 của Luật Doanh nghiệp, thì phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

13. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

Ngoài quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Điều 56 Điều lệ này, Trưởng Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

1. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát.

2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát.

3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, Thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

5. Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và Thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và Thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 59. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 60. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác, thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều này phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 61. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều 55 Điều lệ này.

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Chương IV

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 62. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương V

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 63. Người lao động và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người quản lý.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương VI

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 64. Phân phối lợi nhuận

1. Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hoặc bằng tài sản khác.

2. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

3. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và các phương thức thanh toán theo quy định của Pháp luật.

5. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân;
- c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
- e) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

7. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

8. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

9. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

10. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

11. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

12. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

13. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Điều 65. Trích lập các quỹ

1. Công ty trích lập các quỹ và dự phòng theo quy định của pháp luật. Hàng năm, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:

a) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

b) Trả cổ tức cho cổ đông.

c) Trích lập các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tỷ lệ trích các quỹ trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương VII

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Điều 66. Cơ chế tài chính

1. Công ty chấp hành cơ chế tài chính theo quy định của pháp luật. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật, được cụ thể trong Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

2. Nội dung Quy chế quản lý tài chính của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc quản lý đối với công ty cổ phần do Nhà nước nắm quyền chi phối. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty. Quy chế quản lý tài chính tối thiểu phải có các nội dung sau:

- a) Cơ chế quản lý và sử dụng vốn.
- b) Cơ chế quản lý và sử dụng tài sản.
- c) Cơ chế quản lý doanh thu và chi phí của Công ty.
- d) Cơ chế phân phối lợi nhuận; các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của Công ty.
- e) Cơ chế quản lý kế hoạch tài chính; chế độ kế toán và kiểm toán.
- g) Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý tài chính của Công ty.
- h) Mối quan hệ tài chính giữa Công ty với các Công ty con, đơn vị phụ thuộc.

Điều 67. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản theo đúng qui định của pháp luật.

Điều 68. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty được tính theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 69. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương VIII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 70. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật, cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 78 của Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi lỗ của Công ty trong năm tài chính và báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 71. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

1. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật và các quy định hiện hành.

Điều 72. Báo cáo thường niên

Công ty lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương IX

KIỂM TOÁN, CON DẤU VÀ BẢO MẬT

Điều 73. Kiểm toán độc lập

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 74. Con dấu

1. Con dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu và dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức, loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 75. Bảo mật

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Hội đồng quản trị, thì không một thành viên nào của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người quản lý, cổ đông hoặc người có liên quan được phép tiết lộ bất kỳ thông tin liên quan tới Công ty hoặc các hoạt động kinh doanh của Công ty mà thông tin đó không được phổ biến hoặc không dễ suy luận từ các thông tin đã được phổ biến rộng rãi, trừ khi người tiếp nhận thông tin thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Công ty con của Công ty.
2. Các cổ đông theo như quy định tại Điều lệ này hoặc được quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Người quản lý và nhân viên của Công ty hoặc các kiểm toán viên, tư vấn với lý do những người này cần biết thông tin để thực hiện công việc của mình trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhưng trong các trường hợp này, người tiếp nhận thông tin phải bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác.
4. Các cổ đông hoặc Người đại diện của cổ đông là pháp nhân và/hoặc các nhà tư vấn và/hoặc nhà cung cấp dịch vụ của cổ đông, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác.
5. Cho một số lượng nhất định các nhà đầu tư tiềm năng đang tìm kiếm cơ hội để mua, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ cổ phần nào trong Công ty, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác.
6. Các nội dung được yêu cầu phải cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật, quy định về giao dịch chứng khoán hoặc theo lệnh, yêu cầu, của một cơ quan Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
7. Cơ quan thuế theo yêu cầu hợp lý và nhằm mục đích phục vụ việc kê khai nộp thuế mà cổ đông liên quan.

Chương X

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 76. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định. Thông báo này phải được thực hiện phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 77. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý.

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.

c) Nợ thuế; Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ.

d) Các khoản nợ khác của Công ty.

e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm d Khoản 3 Điều này sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 78. Giải quyết tranh chấp

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải đối với các tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các án phí, chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XI

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 79. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 80. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 11 Chương, 80 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026 tại Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa, số 502A Đường Lý Thường Kiệt, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Điều lệ được lập thành 10 bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, được lưu trữ và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Trường hợp Điều lệ được dịch thuật công chứng sang tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài có giá trị và hiệu lực pháp lý như nhau. Nếu có bất kỳ sự không nhất quán nào giữa tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU***Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2025**Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025**đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2025

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



MỤC LỤC

| <u>Nội dung</u> | <u>Trang</u> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 01 - 04 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 05 - 06 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 07 - 10 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 11 - 11 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 12 - 13 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất | 14 - 48 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

01. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su tiền thân là Công ty Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (Số đăng ký kinh doanh 102451 do Trọng tài kinh tế cấp ngày 18 tháng 03 năm 1993). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cổ phần lần đầu số 4103003436 ngày 28 tháng 05 năm 2005, đăng ký thay đổi bổ sung lần thứ 12 ngày 09 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 là:

100.303.080.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 64 Trương Định, Phường Xuân Hòa, TP.HCM

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Trồng cây cao su (Mã ngành: 125 - không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng (Mã ngành: 210 - Chi tiết: Trồng cây rừng trồng khác không hoạt động tại trụ sở); Khai thác gỗ (Mã ngành: 221 - Chi tiết: Khai thác cây cao su); Sản xuất giấy dệp (Mã ngành: 1520 - Chi tiết: Gia công, sản xuất giấy thể thao xuất khẩu); Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Mã ngành: 1621); Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Mã ngành: 1622); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (Mã ngành: 1629 - Chi tiết: Sản xuất pallet gỗ); Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Mã ngành: 2013); Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Mã ngành: 2212 - Chi tiết: Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su, chế biến cây cao su và cây rừng trồng khác trừ chế biến gỗ, sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không lượn cán cao su, tái chế phế thải tại trụ sở); Sản xuất sản phẩm từ plastic (Mã ngành: 2220); Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Mã ngành: 3240); Xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4100); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4290 - Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống (Mã ngành: 4620 - Chi tiết: Mua bán hàng nông sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dệp (Mã ngành: 4641); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mã ngành: 4649 - Chi tiết: Mua bán giày thể thao xuất khẩu); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã ngành: 4659 - Chi tiết: Mua bán máy móc phương tiện vận tải, máy thiết bị vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất các sản phẩm từ cao su của công ty); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mã ngành: 4661 - Chi tiết: Bán buôn dầu hỏa, dầu mỏ, khí và các sản phẩm liên quan dùng làm chất đốt trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành: 4663 - Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 4669 - Chi tiết: Mua bán cao su và sản phẩm cao su giày dệp, bao bì. Mua bán phân bón, hóa chất trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất có tính độc hại mạnh. Mua bán vật tư cho luyện kim, vật tư thiết bị phục vụ cho trồng trọt và chế biến cao su, sản phẩm đồ mộc, hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ cao su do công ty sản xuất. Mua bán nguyên vật liệu gỗ, sản phẩm đồ mộc và hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ); Bán lẻ hàng may mặc, giày dệp, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4771); Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4773 - Chi tiết: bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành: 4933 - Chi tiết: Vận chuyển nặng, hạ hàng hóa); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810 - Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng. Kinh doanh nhà. Kinh doanh bất động sản); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Mã ngành: 7730 - Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị công nghệ); Dịch vụ đóng gói (Mã ngành: 8292 - Chi tiết: xếp dỡ hàng hóa, đóng gói sản phẩm trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

04. Cấu trúc doanh nghiệp

| | |
|---------------------------------------|---|
| - Tổng số các công ty con: | 2 |
| + Số lượng Công ty con được hợp nhất: | 2 |
| + Số lượng Công ty không hợp nhất: | 0 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

04. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Thông tin Công ty con:

| Tên | Địa chỉ | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|--|---------------|------------------------|
| + Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc | 50 - 52 Võ Văn Tần, P.Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh | 100% | 100% |
| + Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa | 502A Lý Thường Kiệt, Khu phố Thống nhất 1, P.Dĩ An, TP.HCM | 100% | 100% |

- Danh sách các đơn vị trực thuộc

| Tên | Địa chỉ |
|--|---|
| + Văn phòng Công ty | 64 Trương Định - Phường Xuân Hòa - Tp. Hồ Chí Minh |
| + Chi nhánh Công ty - Xi nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp | Đường số 3, KCN Biên hòa 1, P.Trần Biên, Đồng Nai |
| + Chi nhánh Công ty - Xi nghiệp Kho Vận | Số 2A/2 Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hòa, TP.HCM |
| + Chi nhánh Công ty - Xi nghiệp Tam Phước | Lô 43 đường số 7 KCN Tam Phước, P.Tam Phước, Đồng Nai |

05. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con có 278 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 307 nhân viên).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỐ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

| | | |
|---------------------------|------------|-----------------------------|
| Ông: Nguyễn Hồng Minh | Chủ tịch | Bổ nhiệm từ tháng 05/2025 |
| Ông: Phan Đình Phúc | Chủ tịch | Miễn nhiệm từ tháng 05/2025 |
| Ông: Phan Đình Phúc | Thành viên | Bổ nhiệm từ tháng 05/2025 |
| Ông: Giang Hoa Vũ | Thành viên | |
| Ông: Lê Tuấn Linh | Thành viên | |
| Ông: Đoàn Kim Tài | Thành viên | Miễn nhiệm từ tháng 05/2025 |
| Ông: Phan Trọng Quỳnh | Thành viên | Miễn nhiệm từ tháng 05/2025 |
| Hà: Nguyễn Thị Hiền Trang | Thành viên | Bổ nhiệm từ tháng 05/2025 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

| | |
|--------------------|-------------------|
| Ông: Giang Hoa Vũ | Tổng Giám đốc |
| Ông: Bùi Ngọc Tiến | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông: Bùi Văn Dũng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông: Lê Tuấn Linh | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | |
|---------------------------|---|
| Bà: Nguyễn Thị Ngọc Hiệp | Trưởng ban |
| Bà: Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo | Thành viên |
| Ông: Nguyễn Trọng Hùng | Thành viên <i>Miễn nhiệm từ tháng 05/2025</i> |
| Bà: Võ Thị Quỳnh Tiên | Thành viên <i>Bổ nhiệm từ tháng 05/2025</i> |

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Giang Hoa Vũ

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Bảo Châu

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



11/31/25
CY
N
EP
KS
SU
/B

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2026



GIANG HOA VŨ

Số : 39/BCKT/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su được lập ngày 09 tháng 02 năm 2026, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần lưu ý

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các khoản công nợ phải thu đã trích lập dự phòng như đã trình bày tại Thuyết minh V.06, đến ngày 31/12/2025 các khoản công nợ này vẫn chưa được thu hồi. Ban Tổng Giám đốc công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục để thu hồi các khoản công nợ nói trên.

5011726
CÔNG TY
TNHH
DỊCH VỤ TƯ
VẤN TÀI CHÍNH KẾ
TOÁN VÀ KIỂM T
PHÍA NAM
T.P.H

11/01/2026

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

Lê Linh Phương

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 5915-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 177.601.269.648 | 197.037.723.357 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | V.01 | 14.109.699.719 | 23.485.745.056 |
| 111 | 1. Tiền | | 14.109.699.719 | 20.458.703.103 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | | 3.027.041.953 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | V.02 | 103.275.000.000 | 80.675.000.000 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | | |
| 122 | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | | | |
| 123 | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 103.275.000.000 | 80.675.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 31.130.369.628 | 55.429.620.071 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | V.03 | 44.483.452.796 | 41.653.411.374 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 1.343.724.522 | 28.524.379.049 |
| 133 | 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | | | |
| 134 | 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | | | |
| 135 | 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | | | |
| 136 | 6. Phải thu ngắn hạn khác | V.04 | 2.306.972.284 | 2.026.545.222 |
| 137 | 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (**) | V.06 | (23.319.399.937) | (23.090.335.537) |
| 139 | 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | V.05 | 6.315.619.963 | 6.315.619.963 |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | V.07 | 26.109.715.121 | 34.183.249.344 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 26.144.580.564 | 34.218.114.787 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | | (34.865.443) | (34.865.443) |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 2.976.485.180 | 3.264.108.886 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | V.12 | 34.275.896 | |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 2.063.758.364 | 2.358.696.285 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | V.14 | 878.450.920 | 905.412.601 |
| 154 | 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | | | |
| 155 | 5. Tài sản ngắn hạn khác | | | |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 47.186.823.425 | 49.585.275.971 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 107.858.493 | 107.858.493 |
| 211 | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | | | |
| 212 | 2. Trả trước cho người bán dài hạn | | | |
| 213 | 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | | | |
| 216 | 4. Phải thu dài hạn khác | V.04 | 107.858.493 | 107.858.493 |
| 219 | 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | | | |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 21.396.870.956 | 39.160.230.981 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | V.09 | 21.160.906.266 | 34.097.313.682 |
| 222 | - Nguyên giá | | 61.962.308.519 | 86.326.424.750 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | | (40.801.402.253) | (52.229.111.068) |
| 224 | 2. Tài sản cố định thuê tài chính | | | |
| 225 | - Nguyên giá | | | |
| 226 | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | | | |
| 227 | 3. Tài sản cố định vô hình | V.10 | 235.964.690 | 5.062.917.299 |
| 228 | - Nguyên giá | | 1.803.200.016 | 10.403.200.016 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | | (1.567.235.326) | (5.340.282.717) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | V.11 | 15.497.128.487 | |
| 231 | - Nguyên giá | | 31.278.319.569 | |
| 232 | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | | (15.781.191.082) | |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | V.08 | 1.139.954.084 | 1.139.954.084 |
| 241 | 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | | | |
| 242 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 1.139.954.084 | 1.139.954.084 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | V.02 | 7.968.614.611 | 8.043.046.091 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | | |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | | |
| 253 | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 11.908.100.000 | 11.908.100.000 |
| 254 | 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | | (3.939.485.389) | (3.865.053.909) |
| 255 | 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | | |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 1.076.396.794 | 1.134.186.322 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | V.12 | 1.076.396.794 | 1.134.186.322 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | | |
| 263 | 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | | | |
| 268 | 4. Tài sản dài hạn khác | | | |
| 269 | 5. Lợi thế thương mại | | | |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 224.788.093.073 | 246.622.999.328 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|-----------------------|------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 78.445.068.317 | 102.708.895.059 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 64.921.294.505 | 89.185.121.247 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | V.14 | 10.091.113.875 | 9.203.700.432 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 2.082.501.139 | 19.221.201.643 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.15 | 928.448.532 | 550.698.193 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 6.416.275.725 | 5.876.084.084 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | V.16 | 44.316.218 | |
| 316 | 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | | | |
| 317 | 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | | | |
| 318 | 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | | | |
| 319 | 9. Phải trả ngắn hạn khác | V.17 | 7.952.263.982 | 7.874.520.168 |
| 320 | 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | V.13 | 36.762.615.234 | 46.435.861.567 |
| 321 | 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | V.19 | 643.759.800 | 23.055.160 |
| 322 | 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | | |
| 323 | 13. Quỹ bình ổn giá | | | |
| 324 | 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | | | |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 13.523.773.812 | 13.523.773.812 |
| 331 | 1. Phải trả người bán dài hạn | | | |
| 332 | 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | | | |
| 333 | 3. Chi phí phải trả dài hạn | | | |
| 334 | 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | | | |
| 335 | 5. Phải trả nội bộ dài hạn | | | |
| 336 | 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | V.18 | 3.230.585.284 | 3.230.585.284 |
| 337 | 7. Phải trả dài hạn khác | | | |
| 338 | 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | V.13 | 10.293.188.528 | 10.293.188.528 |
| 339 | 9. Trái phiếu chuyển đổi | | | |
| 340 | 10. Cổ phiếu ưu đãi | | | |
| 341 | 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | | |
| 342 | 12. Dự phòng phải trả dài hạn | | | |
| 343 | 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | | | |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | V.20 | 146.343.024.756 | 143.914.104.269 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | | 146.343.024.756 | 143.914.104.269 |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 100.303.080.000 | 100.303.080.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 100.303.080.000 | 100.303.080.000 |
| 411b | - Cổ phiếu ưu đãi | | | |
| 412 | 2. Tạm dư vốn cổ phần | | 31.410.714.600 | 31.410.714.600 |
| 413 | 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | | | |
| 414 | 4. Vốn khác của chủ sở hữu | | | |
| 415 | 5. Cổ phiếu quỹ (*) | | (2.833.000.000) | (2.833.000.000) |
| 416 | 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | | |
| 417 | 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | | |
| 418 | 8. Quỹ đầu tư phát triển | | 12.854.695.083 | 12.854.695.083 |
| 419 | 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | | | |
| 420 | 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | | |
| 421 | 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 4.607.535.073 | 2.178.614.586 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 2.178.614.586 | (680.150.652) |
| 421b | - LNST chưa phân phối năm nay | | 2.428.920.487 | 2.858.765.238 |
| 422 | 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | | | |
| 429 | 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | | |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | | |
| 431 | 1. Nguồn kinh phí | | | |
| 432 | 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | | | |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 224.788.093.073 | 246.622.999.328 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu


PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng


NGUYỄN BẢO CHÂU




GIANG HOA VŨ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.01 | 336.637.614.555 | 329.152.782.316 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | | |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 336.637.614.555 | 329.152.782.316 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | VI.02 | 313.675.182.424 | 301.468.846.250 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 22.962.432.131 | 27.683.936.066 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | VI.03 | 7.205.607.072 | 6.098.494.057 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | VI.04 | 2.529.686.322 | 1.147.446.524 |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 2.329.097.263 | 361.104.449 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | VI.05 | 3.822.356.501 | 4.395.240.471 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | VI.06 | 21.067.442.591 | 24.724.945.439 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 2.748.553.789 | 3.514.797.689 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | VI.07 | 1.213.023.665 | 1.352.066.326 |
| 32 | 12. Chi phí khác | VI.08 | 647.356.472 | 1.448.981.311 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 565.667.193 | (96.914.985) |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 3.314.220.982 | 3.417.882.704 |
| 51 | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | VI.10 | 885.300.495 | 559.117.466 |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 2.428.920.487 | 2.858.765.238 |
| 61 | 18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ | | 2.428.920.487 | 2.858.765.238 |
| 62 | 19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | | |
| 70 | 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VI.11 | 245 | 289 |
| 71 | 21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | VI.12 | 245 | 289 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẢO CHÂU

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



GIANG HOA VŨ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-------------------|-------------------|
| | I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 3.314.220.982 | 3.417.882.704 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | | 3.634.636.185 | 3.730.046.769 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 924.200.520 | 313.613.160 |
| 04 | - Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | (474.785.592) | (784.489.026) |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (6.932.488.684) | (4.603.545.746) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 2.329.097.263 | 361.104.449 |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | | |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 2.794.880.674 | 2.434.612.310 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | 19.837.184.033 | (15.253.851.212) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | 8.073.534.223 | (13.711.748.160) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | (10.730.638.584) | 14.873.231.542 |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 57.789.528 | (178.624.569) |
| 13 | - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | | | |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (2.288.681.045) | (361.104.449) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (623.830.866) | (516.635.419) |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | | |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 17.120.237.963 | (12.714.119.957) |
| | II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 21 | - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (1.403.988.000) | (2.783.268.900) |
| 22 | - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | 655.000.000 | |
| 23 | - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (190.799.000.000) | (124.000.000.000) |
| 24 | - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 168.199.000.000 | 92.143.277.898 |
| 25 | - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | |
| 26 | - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | |
| 27 | - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 6.033.048.728 | 4.598.106.011 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (17.315.939.272) | (30.041.884.991) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chi tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|-------------------|------------------|
| | III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 31 | - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | | |
| 32 | - Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | | |
| 33 | - Tiền thu từ đi vay | | 168.113.502.467 | 130.046.877.629 |
| 34 | - Tiền trả nợ gốc vay | | (177.786.748.800) | (83.611.016.062) |
| 35 | - Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | | | |
| 36 | - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | | |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (9.673.246.333) | 46.435.861.567 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (9.868.947.642) | 3.679.856.619 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 23.485.745.056 | 19.081.134.203 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 492.902.305 | 724.754.234 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | V.01 | 14.109.699.719 | 23.485.745.056 |

Người lập biểu

PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẢO CHÂU

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Thủy mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

GIANG HOA VŨ



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

01. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su tiền thân là Công ty Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (Số đăng ký kinh doanh 102451 do Trọng tài kinh tế cấp ngày 18 tháng 03 năm 1993). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cổ phần lần đầu số 4103003436 ngày 28 tháng 05 năm 2005, đăng ký thay đổi bổ sung lần thứ 12 ngày 09 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: **100.303.080.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 64 Trương Định, Phường Xuân Hòa, TP.HCM

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Trồng cây cao su (Mã ngành: 125 - không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng (Mã ngành: 210 - Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc rừng); Trồng cây rừng trồng khác không hoạt động tại trụ sở; Khai thác gỗ (Mã ngành: 221 - Chi tiết: Khai thác cây cao su); Sản xuất giấy dếp (Mã ngành: 1520 - Chi tiết: Giấy công, sản xuất giày thể thao xuất khẩu); Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Mã ngành: 1621); Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Mã ngành: 1622); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (Mã ngành: 1629 - Chi tiết: Sản xuất pallet gỗ); Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Mã ngành: 2013); Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Mã ngành: 2212 - Chi tiết: Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su, chế biến cây cao su và cây rừng trồng khác trừ chế biến gỗ, sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không luyện cán cao su, tái chế phế thải tại trụ sở); Sản xuất sản phẩm từ plastic (Mã ngành: 2220); Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Mã ngành: 3240); Xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4100); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4290 - Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu từ gỗ, tre, nứa và động vật sống (Mã ngành: 4620 - Chi tiết: Mua bán hàng nông sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dếp (Mã ngành: 4641); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mã ngành: 4649 - Chi tiết: Mua bán giày thể thao xuất khẩu); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã ngành: 4659 - Chi tiết: Mua bán máy móc phương tiện vận tải, máy thiết bị vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất các sản phẩm từ cao su của công ty); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mã ngành: 4661 - Chi tiết: Bán buôn dầu hỏa, mùn cưa, bột gỗ, củi băm và các sản phẩm liên quan dùng làm chất đốt trừ kinh doanh khí đầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành: 4663 - Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 4669 - Chi tiết: Mua bán cao su và sản phẩm cao su giấy dếp, bao bì. Mua bán phân bón, hóa chất trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất có tính độc hại mạnh. Mua bán vật tư cho luyện kim, vật tư thiết bị phục vụ cho trồng trọt và chế biến cao su, sản phẩm đồ mộc, hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ cao su do công ty sản xuất. Mua bán nguyên vật liệu gỗ, sản phẩm đồ mộc và hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ); Bán lẻ hàng may mặc, giày dếp, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4771); Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4773 - Chi tiết: bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành: 4933 - Chi tiết: Vận chuyển năng, hạ hàng hóa); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810 - Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng, Kinh doanh nhà. Kinh doanh bất động sản); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Mã ngành: 7730 - Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị công nghệ); Dịch vụ đóng gói (Mã ngành: 8292 - Chi tiết: xếp dỡ hàng hóa, đóng gói sản phẩm trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

04. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

05. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có

06. Cấu trúc các Công ty con

| | |
|--|-----|
| - Tổng số các Công ty con | : 2 |
| + Số lượng Công ty con được hợp nhất | : 2 |
| + Số lượng Công ty con không được hợp nhất | : 0 |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

- Thông tin về tái cấu trúc: trong năm, Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý, thoái vốn tại các công ty con

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---|--|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| + Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc | 50 - 52 Võ Văn Tần, P.Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh | 100,00% | 100,00% | 100,00% | 100,00% |
| + Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa | 502A Lý Thường Kiệt, Khu phố Thống nhất 1, P.Dĩ An, TP.HCM | 100,00% | 100,00% | 100,00% | 100,00% |

Thông tin hoạt động chính của nhóm Công ty con

| Tên công ty | Hoạt động sản xuất kinh doanh chính |
|---|-------------------------------------|
| + Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc | Kinh doanh thương mại |
| + Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa | Chế biến, Sản xuất đồ gỗ |

- Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con trong kỳ tài chính: Không có

07. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con có 278 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 307 nhân viên).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán;

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ;

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phân ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tin phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

b. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

04. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

0501172
CÔNG TY
THH
CH VỤ TL
CHÍNH NI
VÀ KIỂM T
PHIA NA
T.P.H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

04. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- *Lập dự phòng phải thu khó đòi:* Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuế tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|---------------------------------|---------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 40 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |
| - Quyền sử dụng đất vô thời hạn | Không tính khấu hao |

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

08 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

09 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuế tài chính được phân ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

10 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó đang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12 . Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

13 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh có áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

14 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

14 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quá biểu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

15 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

18 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

19 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

20 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21 . Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

21 . Công cụ tài chính (tiếp theo)

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phần bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22 . Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

22. Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành công ty mẹ, công ty liên kết trở thành công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 489.614.631 | 559.959.883 |
| Tiền gửi không kỳ hạn | 13.620.085.088 | 19.898.743.220 |
| Các khoản tương đương tiền | | 3.027.041.953 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Vietbank - CN Bình Dương | | 3.027.041.953 |
| Cộng | 14.109.699.719 | 23.485.745.056 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Chứng khoán kinh doanh

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| b1) Ngắn hạn | 103.275.000.000 | 103.275.000.000 | 80.675.000.000 | 80.675.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | 103.275.000.000 | 103.275.000.000 | 80.675.000.000 | 80.675.000.000 |
| + Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Tân Bình - TP.HCM | 95.600.000.000 | 95.600.000.000 | 73.000.000.000 | 73.000.000.000 |
| + Ngân hàng BIDV - CN Thống Nhất | 7.675.000.000 | 7.675.000.000 | 7.675.000.000 | 7.675.000.000 |
| b2) Dài hạn | | | | |
| Cộng | 103.275.000.000 | 103.275.000.000 | 80.675.000.000 | 80.675.000.000 |

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|-----------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá hợp lý | Dư phòng | Giá gốc | Giá hợp lý | Dư phòng |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | | | | | |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 11.908.100.000 | 2.700.000.000 | (3.939.485.389) | 11.908.100.000 | 3.705.000.000 | (3.865.053.909) |
| + Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Cao su (*) | 1.500.000.000 | | (1.500.000.000) | 1.500.000.000 | | (1.418.084.760) |
| + Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su (*) | 2.596.100.000 | | (2.439.485.389) | 2.596.100.000 | | (2.446.969.149) |
| + Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh (*) | 6.312.000.000 | | | 6.312.000.000 | | |
| + Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam | 1.500.000.000 | 2.700.000.000 | | 1.500.000.000 | 3.705.000.000 | |
| Cộng | 11.908.100.000 | 2.700.000.000 | (3.939.485.389) | 11.908.100.000 | 3.705.000.000 | (3.865.053.909) |

Ghi chú: (*)

Do các công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Thông tư 202/TT-BTC.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn | 44.483.452.796 | 41.653.411.374 |
| Bên khác | 44.483.452.796 | 41.653.411.374 |
| + Công ty CP CB và XNK Thủy sản Đồng Tháp | 8.956.471.270 | 8.956.471.270 |
| + Công ty CP SX-XNK Lâm sản và hàng tiêu thủ Công nghiệp | 3.870.681.600 | 3.870.681.600 |
| + Công ty TNHH SX TM DV Hữu Nghị | 7.843.792.484 | 7.843.792.484 |
| + Công ty CP SX & TM Nhựa Việt Thành | | 9.380.855.000 |
| + Công ty Phong Phú Food | 3.853.346.574 | |
| + Woodnet | | 2.394.728.710 |
| + Habufa Meubelen B.V (Bà: Trần Thị Đông) | 561.060.414 | 561.060.414 |
| + Công ty TNHH HTB | 676.052.718 | 1.671.039.881 |
| + VIVIN IMPORTS PTY LTD | 5.253.027.384 | 2.281.897.829 |
| + Công ty TNHH Cao su T2T | 4.985.064.000 | |
| + Công ty TNHH Công nghiệp Nhựa MT Vina | 3.547.915.385 | |
| + Đối tượng khác | 4.936.040.967 | 4.692.884.777 |
| Bên liên quan | | |
| Cộng | 44.483.452.796 | 41.653.411.374 |

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: xem thuyết minh VIII.03

04 . PHẢI THU KHÁC

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| a. Ngắn hạn | 2.306.972.284 | | 2.026.545.222 | |
| Tạm ứng | 318.411.397 | | 416.593.529 | |
| Phải thu khác | 1.988.560.887 | | 1.609.951.693 | |
| Bên khác | 1.988.560.887 | | 1.609.951.693 | |
| + Trung tâm trọng tài Thương mại Doanh nhân Việt Nam | | | 20.500.000 | |
| + Tòa án nhân dân Quận 1, TP.HCM | 56.294.421 | | 56.294.421 | |
| + Tòa án nhân dân TP.HCM | 116.399.896 | | 116.399.896 | |
| + Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Tân Bình - TP.HCM | 940.652.055 | | 500.679.452 | |
| + Đối tượng khác | 875.214.515 | | 916.077.924 | |
| Bên liên quan | | | | |
| b. Dài hạn | 107.858.493 | | 107.858.493 | |
| Bên liên quan | 107.858.493 | | 107.858.493 | |
| + Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP | 107.858.493 | | 107.858.493 | |
| Cộng | 2.414.830.777 | | 2.134.403.715 | |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

05 . TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------|-------------|----------------------|------------|----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Tài sản khác (*) | | 6.315.619.963 | | 6.315.619.963 |
| Cộng | | 6.315.619.963 | | 6.315.619.963 |

Ghi chú: (*) Đây là giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản chờ xử lý khi cổ phần hóa doanh nghiệp có nguồn gốc được hình thành từ nguồn vốn vay ODA của Chính phủ từ năm 1996 bằng máy móc, thiết bị thông qua Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Khu chế xuất Tân Thuận. Giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp và khoản vay này Chính phủ đã có Văn bản số 4055/VOCP/QHQT ngày 23/7/2002 cho khoản lại để xử lý chung cùng với các đơn vị khác có vay vốn của Chính phủ Ấn Độ.

06 . NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| - Phải thu khách hàng, phải thu khác | 23.319.399.937 | | 23.090.335.537 | |
| + Công ty CP CB và XNK Thú sản Đồng Tháp | 8.956.471.270 | | 8.956.471.270 | |
| + Công ty CP SX – XNK Lâm sản và hàng tiêu thụ Công nghiệp (UPEXIM) | 3.870.681.600 | | 3.870.681.600 | |
| + Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hữu Nghị | 7.843.792.484 | | 7.843.792.484 | |
| + Đối tượng khác | 2.648.454.583 | | 2.419.390.183 | |
| - Phải thu cho vay | | | | |
| Cộng | 23.319.399.937 | | 23.090.335.537 | |

07 . HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|---------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 2.554.728.432 | | 6.265.826.174 | |
| - Công cụ, dụng cụ | 35.320.690 | | 4.716.000 | |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 10.129.426.646 | | 11.874.519.749 | |
| - Thành phẩm | 8.280.271.095 | | 6.934.963.392 | |
| - Hàng hóa | 5.109.968.258 | | 9.103.224.029 | |
| - Hàng gửi đi bán | 34.865.443 | (34.865.443) | 34.865.443 | (34.865.443) |
| Cộng | 26.144.580.564 | (34.865.443) | 34.218.114.787 | (34.865.443) |

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: Không có
- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: hàng hư hỏng, mất phẩm chất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

08 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản

+ Dự án Trảng Bom

+ Chi phí giải tỏa XN Bình Điền

+ Chi phí đo đạc khu Nam Sài Gòn

Cộng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Xây dựng cơ bản | 1.139.954.084 | 1.139.954.084 |
| + Dự án Trảng Bom | 1.063.349.360 | 1.063.349.360 |
| + Chi phí giải tỏa XN Bình Điền | 45.781.818 | 45.781.818 |
| + Chi phí đo đạc khu Nam Sài Gòn | 30.822.906 | 30.822.906 |
| Cộng | 1.139.954.084 | 1.139.954.084 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị quản lý | Cộng |
|-----------------------------------|------------------------|-------------------|---------------------------------|------------------|----------------|
| I. Nguyên giá | | | | | |
| 1. Số dư đầu năm | 50.104.490.249 | 24.164.835.850 | 7.064.891.390 | 4.992.207.261 | 86.326.424.750 |
| 2. Số tăng trong năm | 1.403.988.000 | | | | 1.403.988.000 |
| - Mua trong năm | | | | | |
| - Đầu tư XD/CB hoàn thành | 1.403.988.000 | | | | 1.403.988.000 |
| 3. Số giảm trong năm | 22.678.319.569 | 3.089.784.662 | | | 25.768.104.231 |
| - Thanh lý, nhượng bán | | 3.089.784.662 | | | 3.089.784.662 |
| - Phân loại lại | 22.678.319.569 | | | | 22.678.319.569 |
| 4. Số dư cuối năm | 28.830.158.680 | 21.075.051.188 | 7.064.891.390 | 4.992.207.261 | 61.962.308.519 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| 1. Số dư đầu năm | 28.563.921.468 | 16.531.304.453 | 5.308.912.156 | 1.824.972.991 | 52.229.111.068 |
| 2. Khấu hao trong năm | 1.989.036.172 | 707.317.628 | 546.673.880 | 182.481.966 | 3.425.509.646 |
| - Khấu hao trong năm | 1.989.036.172 | 707.317.628 | 546.673.880 | 182.481.966 | 3.425.509.646 |
| - Tăng khác | | | | | |
| 3. Giảm trong năm | 11.799.017.152 | 3.054.201.309 | | | 14.853.218.461 |
| - Thanh lý, nhượng bán | | 3.054.201.309 | | | 3.054.201.309 |
| - Phân loại lại | 11.799.017.152 | | | | 11.799.017.152 |
| 4. Số dư cuối năm | 18.753.940.488 | 14.184.420.772 | 5.855.586.036 | 2.007.454.957 | 40.801.402.253 |
| III. Giá trị còn lại | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 21.540.568.781 | 7.633.531.397 | 1.755.979.234 | 3.167.234.270 | 34.097.313.682 |
| 2. Tại ngày cuối năm | 10.076.218.192 | 6.890.630.416 | 1.209.305.354 | 2.984.752.304 | 21.160.906.266 |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.876.158.659 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2025

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Quyền sử dụng đất | Quyền phát hành | Bản quyền, bằng sáng chế | Phần mềm vi tính | TSCĐ vô hình khác | Cộng |
|-----------------------------------|-------------------|-----------------|--------------------------|------------------|-------------------|----------------|
| I. Nguyên giá | | | | | | |
| 1. Số dư đầu năm | 8.600.000.000 | | | | 1.803.200.016 | 10.403.200.016 |
| 2. Số tăng trong năm | | | | | | |
| - Mua trong năm | | | | | | |
| - Tăng khác | | | | | | |
| 3. Số giảm trong năm | 8.600.000.000 | | | | | 8.600.000.000 |
| - Thanh lý, nhượng bán | | | | | | |
| - Phân loại lại | 8.600.000.000 | | | | | 8.600.000.000 |
| 4. Số dư cuối năm | | | | | 1.803.200.016 | 1.803.200.016 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| 1. Số dư đầu năm | 3.804.565.234 | | | | 1.535.717.483 | 5.340.282.717 |
| 2. Khấu hao trong năm | 177.608.696 | | | | 31.517.843 | 209.126.539 |
| - Khấu hao trong năm | 177.608.696 | | | | 31.517.843 | 209.126.539 |
| - Tăng khác | | | | | | |
| 3. Giảm trong năm | 3.982.173.930 | | | | | 3.982.173.930 |
| - Thanh lý, nhượng bán | | | | | | |
| - Phân loại lại | 3.982.173.930 | | | | | 3.982.173.930 |
| 4. Số dư cuối năm | | | | | 1.567.235.326 | 1.567.235.326 |
| III. Giá trị còn lại | | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 4.795.434.766 | | | | 267.482.533 | 5.062.917.299 |
| 2. Tại ngày cuối năm | | | | | 235.964.690 | 235.964.690 |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 196.598.187 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

| Chỉ tiêu | Nhà cửa vật kiến trúc | Quyền sử dụng đất | Cộng |
|-----------------------------------|-----------------------|-------------------|----------------|
| I. Nguyên giá | | | |
| 1. Số dư đầu năm | | | |
| 2. Số tăng trong năm | 22.678.319.569 | 8.600.000.000 | 31.278.319.569 |
| - Mua trong năm | | | |
| - Phân loại lại | 22.678.319.569 | 8.600.000.000 | 31.278.319.569 |
| 3. Số giảm trong năm | | | |
| - Giảm khác | | | |
| 4. Số dư cuối năm | 22.678.319.569 | 8.600.000.000 | 31.278.319.569 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| 1. Số dư đầu năm | | | |
| 2. Khấu hao trong năm | 11.799.017.152 | 3.982.173.930 | 15.781.191.082 |
| - Khấu hao trong năm | | | |
| - Phân loại lại | 11.799.017.152 | 3.982.173.930 | 15.781.191.082 |
| 3. Giảm trong năm | | | |
| - Giảm khác | | | |
| 4. Số dư cuối năm | 11.799.017.152 | 3.982.173.930 | 15.781.191.082 |
| III. Giá trị còn lại | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | | | |
| 2. Tại ngày cuối năm | 10.879.302.417 | 4.617.826.070 | 15.497.128.487 |

- Giá trị còn lại cuối năm của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 1.903.600.196 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| a. Ngắn hạn | 34.275.896 | |
| Các khoản khác | 34.275.896 | |
| b. Dài hạn | 1.076.396.794 | 1.134.186.322 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 41.641.566 | |
| Các khoản khác | 1.034.755.228 | 1.134.186.322 |
| c. Lợi thế thương mại | | |
| Cộng | 1.110.672.690 | 1.134.186.322 |

13 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a. Vay ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Trong năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn - VND | 36.762.615.234 | 36.762.615.234 | 168.113.502.467 | 177.786.748.800 | 46.435.861.567 | 46.435.861.567 |
| - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Thống Nhất - TP.HCM (1) | 5.365.925.724 | 5.365.925.724 | 80.095.262.501 | 82.445.254.344 | 7.715.917.567 | 7.715.917.567 |
| - Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Tân Định - TP.HCM (2) | 31.396.689.510 | 31.396.689.510 | 88.018.239.966 | 95.341.494.456 | 38.719.944.000 | 38.719.944.000 |
| Cộng | 36.762.615.234 | 36.762.615.234 | 168.113.502.467 | 177.786.748.800 | 46.435.861.567 | 46.435.861.567 |

b. Vay dài hạn

| | Số cuối năm | | Trong năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------|------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Trên 5 năm (*) | 10.293.188.528 | 10.293.188.528 | | | 10.293.188.528 | 10.293.188.528 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*) | 10.293.188.528 | 10.293.188.528 | | | 10.293.188.528 | 10.293.188.528 |
| Cộng | 10.293.188.528 | 10.293.188.528 | | | 10.293.188.528 | 10.293.188.528 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Ghi chú: Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

| Bên cho vay | Hợp đồng | Hạn mức/Số tiền vay | Thời hạn vay (Tháng) | Lãi suất(%) | Mục đích vay | Hình thức đảm bảo |
|---|--|---------------------|----------------------|-----------------------|--|--------------------------------------|
| (1) Ngân hàng BIDV - CN Thống Nhất - TP.HCM | Số 01/2024/1025523/H DTD | 20.000.000.000 | 12 | Theo từng lần nhận nợ | Bổ sung vốn lưu động thực hiện sản xuất kinh doanh | Thế chấp Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn |
| (2) Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - CN Tân Định - TP.HCM | Số 1602-LAV-202500178 | 40.000.000.000 | 12 | Theo từng lần nhận nợ | Bổ sung vốn lưu động thực hiện sản xuất kinh doanh | Thế chấp Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn |
| (2) Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - CN Tân Định - TP.HCM | Số 1602-LAV-2025001029 ngày 16/12/2025 | 60.000.000.000 | 12 | Theo từng lần nhận nợ | Bổ sung vốn lưu động thực hiện sản xuất kinh doanh | Thế chấp Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn |

(*) Khoản vay ODA của Chính phủ từ năm 1996 bằng máy móc, thiết bị thông qua Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Khu chế xuất Tân Thuận. Khoản vay này Chính phủ đã có Văn bản số 4055/VOCP/QHQT ngày 23/7/2002 cho hoãn lại để xử lý chung cùng với các đơn vị khác có vay vốn của Chính phủ Ấn Độ.

c. Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: Không có

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a. Ngắn hạn | 10.091.113.875 | 10.091.113.875 | 9.203.700.432 | 9.203.700.432 |
| Bên khác | 5.688.476.275 | 5.688.476.275 | 8.906.872.306 | 8.906.872.306 |
| + Công ty TNHH Triển Đạt Long An | 176.175.292 | 176.175.292 | 475.231.482 | 475.231.482 |
| + Công ty TNHH Kỹ nghệ Sơn Mộc | 398.588.472 | 398.588.472 | 116.249.980 | 116.249.980 |
| + Công ty TNHH Vương Gia Nam | 345.083.436 | 345.083.436 | 356.988.276 | 356.988.276 |
| + Công ty TNHH SX KD NGUYỄN KHÔI PHÁT | | | 427.899.564 | 427.899.564 |
| + Công ty TNHH Đức Tài Việt | 205.988.454 | 205.988.454 | 300.112.340 | 300.112.340 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a. Ngắn hạn (tiếp theo) | 10.091.113.875 | 10.091.113.875 | 9.203.700.432 | 9.203.700.432 |
| Bên khác | 5.688.476.275 | 5.688.476.275 | 8.906.872.306 | 8.121.984.466 |
| + Công ty TNHH SX TM DV NHẤT HOÀNG HÀ UNIQUE | 355.875.292 | 355.875.292 | 926.185.881 | 926.185.881 |
| + Công ty TNHH SX và TM Hòa Hảo | | | 798.416.445 | 798.416.445 |
| + Công ty TNHH Kinh doanh Nhựa Hoàng Châu Long An | 1.107.364.500 | 1.107.364.500 | | |
| + Phải trả cho các đối tượng khác | 3.099.400.829 | 3.099.400.829 | 5.505.788.338 | 5.505.788.338 |
| Bên liên quan | 4.402.637.600 | 4.402.637.600 | 296.828.126 | 296.828.126 |
| + Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang | | | 296.828.126 | 296.828.126 |
| + Công ty CP TMDV và Du lịch Cao Su | 4.402.637.600 | 4.402.637.600 | | |
| Cộng | 10.091.113.875 | 10.091.113.875 | 9.203.700.432 | 9.203.700.432 |

b. Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

| | Số cuối năm | | Trong năm | | Số đầu năm | |
|----------------------------|--------------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------|--------------------|
| | Phải thu | Phải nộp | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT | | 337.171.719 | 1.027.495.285 | 841.401.333 | 151.077.767 | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 326.403.585 | 585.300.495 | 885.300.495 | 623.830.866 | 323.830.866 | 326.403.585 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 10.599.032 | 5.976.318 | 124.509.163 | 124.836.407 | 6.303.562 | 10.599.032 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 236.829.925 | | | | | 236.829.925 |
| Khác | 304.618.378 | | 65.524.654 | 108.048.971 | 69.485.998 | 331.580.059 |
| Cộng | 878.450.920 | 928.448.532 | 2.102.829.597 | 1.698.117.577 | 550.698.193 | 905.412.601 |

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------|-------------------|------------|
| Chi phí lãi vay | 40.416.218 | |
| Các khoản khác | 3.900.000 | |
| Cộng | 44.316.218 | |

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| a. Ngắn hạn | 7.952.263.982 | 7.874.520.168 |
| Kinh phí công đoàn | 127.146.522 | 135.162.550 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 3.159.456.250 | 3.007.456.250 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 219.509.720 | 219.509.720 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 4.446.151.490 | 4.512.391.648 |
| Bên khác | 4.203.855.490 | 2.878.037.781 |
| + Công ty CP Địa ốc 9 | 300.000.000 | 300.000.000 |
| + Công ty CP Địa ốc 7 | 300.000.000 | 300.000.000 |
| + Đối tượng khác | 3.603.855.490 | 2.278.037.781 |
| Bên liên quan (*) | 242.296.000 | 163.320.000 |
| + Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh | 182.296.000 | 103.320.000 |
| + Công ty CP Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản | 44.000.000 | 44.000.000 |
| + Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su | 16.000.000 | 16.000.000 |
| b. Dài hạn | | |
| Cộng | 7.952.263.982 | 7.874.520.168 |

Ghi chú: (*) Số liệu đầu năm bên liên quan được Thuyết minh trình bày phân loại lại cho phù hợp với trình bày số liệu cuối năm

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Doanh thu nhận trước - Dự án 4/35 Độc Lập | 3.230.585.284 | 3.230.585.284 |
| Cộng | 3.230.585.284 | 3.230.585.284 |

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận theo các hợp đồng được ký kết giữa công ty và các bên theo quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 21/06/2005 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc xây dựng dự án 4/35 Độc Lập tại Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM.

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa | | 23.055.160 |
| Dự phòng phải trả khác | 643.759.800 | |
| Cộng | 643.759.800 | 23.055.160 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2025

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của CSH | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|---------------------------|-----------------|----------------------|-----------------|-----------------------|--------------------------|---------------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm trước | 100.303.080.000 | 31.410.714.600 | (2.833.000.000) | 12.854.695.083 | (680.150.652) | | 141.055.339.031 |
| Tăng vốn trong năm trước | | | | | | | |
| Lãi trong năm trước | | | | | 2.858.765.238 | | 2.858.765.238 |
| Lỗ trong năm trước | | | | | | | |
| Chia cổ tức | | | | | | | |
| Thù lao hội đồng quản trị | | | | | | | |
| Giảm khác | | | | | | | |
| Số dư đầu năm nay | 100.303.080.000 | 31.410.714.600 | (2.833.000.000) | 12.854.695.083 | 2.178.614.586 | | 143.914.104.269 |
| Tăng vốn trong năm nay | | | | | | | |
| Lãi trong năm nay | | | | | 2.428.920.487 | | 2.428.920.487 |
| Lỗ trong năm nay | | | | | | | |
| Chia cổ tức | | | | | | | |
| Thù lao hội đồng quản trị | | | | | | | |
| Giảm khác | | | | | | | |
| Số dư cuối năm nay | 100.303.080.000 | 31.410.714.600 | (2.833.000.000) | 12.854.695.083 | 4.607.535.073 | | 146.343.024.756 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| 20 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu | Số cuối năm | % | Số đầu năm | % |
|---|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
| Vốn góp của công ty mẹ | 69.333.330.000 | 69,12% | 69.333.330.000 | 69,12% |
| + Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP | 69.333.330.000 | 69,12% | 69.333.330.000 | 69,12% |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 30.969.750.000 | 30,88% | 30.969.750.000 | 30,88% |
| Cộng | 100.303.080.000 | 100,00% | 100.303.080.000 | 100,00% |

20 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu: | | |
| - Vốn góp đầu năm | 100.303.080.000 | 100.303.080.000 |
| - Vốn góp tăng trong năm | | |
| - Vốn góp giảm trong năm | | |
| - Vốn góp cuối năm | 100.303.080.000 | 100.303.080.000 |

20 . 4. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 10.030.308 | 10.030.308 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 9.990.708 | 9.990.708 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 39.600 | 39.600 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 126.600 | 126.600 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 126.600 | 126.600 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 9.903.708 | 9.903.708 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 9.864.108 | 9.864.108 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 39.600 | 39.600 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

20 . 5. Các quỹ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------|----------------|----------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 12.854.695.083 | 12.854.695.083 |

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| a. Ngoại tệ các loại | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------|-------------|------------|
| - Dollar Mỹ (USD) | 41.133,99 | 8.682,53 |
| - Euro (EUR) | 781,43 | 780,64 |

b. Nợ khó đòi đã xử lý

| Đối tượng | VND | Nguyên tệ | Thời điểm xóa sổ | Nguyên nhân xóa sổ |
|------------------------|-------------|-----------|------------------|--------------------|
| + Công ty Thành Phương | 280.505.995 | | 14/09/2010 | Bỏ tròn |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

| Năm nay | Năm trước |
|------------------------|------------------------|
| 315.948.432.317 | 304.620.286.551 |
| 16.290.088.810 | 17.533.753.274 |
| 4.399.093.428 | 6.998.742.491 |
| 336.637.614.555 | 329.152.782.316 |

b. Doanh thu đối với các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

02. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán

Giá vốn cho thuê

Giá vốn cung cấp dịch vụ

Cộng

| Năm nay | Năm trước |
|------------------------|------------------------|
| 301.498.847.566 | 288.709.632.830 |
| 9.089.449.314 | 7.783.037.104 |
| 3.086.885.544 | 4.976.176.316 |
| 313.675.182.424 | 301.468.846.250 |

03. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Cộng

| Năm nay | Năm trước |
|----------------------|----------------------|
| 5.372.028.684 | 4.082.625.746 |
| 928.118.388 | 1.494.948.311 |
| 905.460.000 | 520.920.000 |
| 7.205.607.072 | 6.098.494.057 |

04. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Lãi tiền vay

Lỗ chênh lệch tỷ giá

Trích dự phòng đầu tư tài chính

Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính

Cộng

| Năm nay | Năm trước |
|----------------------|----------------------|
| 2.329.097.263 | 361.104.449 |
| 126.157.579 | 488.809.798 |
| 81.915.240 | 297.532.277 |
| (7.483.760) | |
| 2.529.686.322 | 1.147.446.524 |

05. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Các khoản chi phí bán hàng khác

Cộng

| Năm nay | Năm trước |
|----------------------|----------------------|
| 3.822.356.501 | 4.395.240.471 |
| 3.822.356.501 | 4.395.240.471 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

06 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí nguyên, vật liệu
Chi phí công cụ, dụng cụ
Chi phí nhân viên
Chi phí khấu hao
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Thuế, phí, lệ phí
Dự phòng nợ phải thu khó đòi
Các khoản chi phí QLDN khác

Cộng

| Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|-----------------------|
| 77.798.349 | 182.474.562 |
| 10.027.717 | 20.009.078 |
| 14.540.187.531 | 14.649.079.188 |
| 123.315.906 | 82.749.374 |
| 4.162.157.658 | 6.355.569.598 |
| 308.745.898 | 301.337.376 |
| 49.064.400 | |
| 1.796.145.132 | 3.133.726.263 |
| 21.067.442.591 | 24.724.945.439 |

07 . THU NHẬP KHÁC

Thanh lý, nhượng bán TSCĐ,CCDC
Bán phế liệu
Các khoản khác

Cộng

| Năm nay | Năm trước |
|----------------------|----------------------|
| 616.924.384 | |
| 114.223.862 | 154.750.000 |
| 481.875.419 | 1.197.316.326 |
| 1.213.023.665 | 1.352.066.326 |

08 . CHI PHÍ KHÁC

Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
Chi phí bán phế liệu
Các khoản khác

Cộng

| Năm nay | Năm trước |
|--------------------|----------------------|
| 102.487.109 | 154.750.000 |
| 544.869.363 | 1.294.231.311 |
| 647.356.472 | 1.448.981.311 |

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YÊU TỐ

Chi phí nguyên liệu, vật liệu
Chi phí nhân công
Chi phí khấu hao tài sản cố định
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí khác bằng tiền

Cộng

| Năm nay | Năm trước |
|------------------------|------------------------|
| 140.106.835.996 | 134.718.111.535 |
| 54.927.960.736 | 52.815.346.861 |
| 3.634.636.185 | 2.545.762.501 |
| 1.988.350.179 | 1.911.875.173 |
| 16.241.628.070 | 15.616.950.067 |
| 216.899.411.166 | 207.608.046.136 |

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:
- Các khoản điều chỉnh tăng
- Các khoản điều chỉnh giảm

Thu nhập chịu thuế

Thu nhập tính thuế

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| Năm nay | Năm trước |
|----------------------|----------------------|
| 3.314.220.982 | 3.417.882.704 |
| 1.112.281.489 | (622.295.379) |
| 1.600.648.343 | 167.949.054 |
| 488.366.854 | 790.244.433 |
| 4.426.502.471 | 2.795.587.325 |
| 4.426.502.471 | 2.795.587.325 |
| 20% | 20% |
| 885.300.495 | 559.117.466 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|---------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông | 2.428.920.487 | 2.858.765.238 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế | | |
| Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 9.903.708 | 9.903.708 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 245 | 289 |

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|---------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông | 2.428.920.487 | 2.858.765.238 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế | | |
| Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 9.903.708 | 9.903.708 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 245 | 289 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

02. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

03. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|-----------------|
| | 168.113.502.467 | 130.046.877.629 |

04. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|----------------|
| | 177.786.748.800 | 83.611.016.062 |

05. Mua và thanh lý công ty con trong kỳ báo cáo: Không phát sinh

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | Số cuối năm |
|--------------|----------------|
| Dưới 1 năm | 3.784.098.540 |
| Từ 1 - 5 năm | 18.920.492.700 |

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03. Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| Tiền lương | Chức vụ | Năm nay | Năm trước |
|------------------------|--|----------------------|----------------------|
| | | 1.386.000.000 | 1.260.000.000 |
| + Nguyễn Hồng Minh | Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Bổ nhiệm từ 05/2025 | 156.000.000 | |
| + Phan Đình Phúc | Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Miễn nhiệm từ 05/2025 | 132.000.000 | 288.000.000 |
| + Phan Đình Phúc | Thành viên HĐQT Chuyên trách - Bổ nhiệm từ 05/2025 | 126.000.000 | |
| + Giang Hoa Vũ | Tổng Giám đốc | 276.000.000 | 276.000.000 |
| + Bùi Ngọc Tiến | Phó Tổng Giám đốc | 240.000.000 | 240.000.000 |
| + Nguyễn Thị Ngọc Hiệp | Trưởng Ban Kiểm soát | 228.000.000 | 228.000.000 |
| + Nguyễn Bảo Châu | Kế toán trưởng | 228.000.000 | 228.000.000 |

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| + Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP | Công ty mẹ |
| + Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su | Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP |
| + Công ty CP Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản | Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP |
| + Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh | Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP |
| + Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam | Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP |
| + Công ty CP Cao su Bà Rịa | Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP |
| + Công ty CP gỗ MDF VRG Kiên Giang | Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP |

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
|---|--|-----------------------------|-------------|
| + Ông Phan Đình Phúc - Chủ tịch HĐQT Công ty | - Tạm ứng tiền lương | 50.000.000 | 10.000.000 |
| + Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su | - Thu tiền cho thuê văn phòng - Giao dịch Mủ cao su | 96.000.000 9.414.720.000 | 63.000.000 |
| + Công ty CP Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản | - Thu tiền cho thuê văn phòng | 290.400.000 | 175.000.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------------|---------------|---------------|
| + Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam | - Lưu kho, đóng kiện Mủ cao su | 1.185.757.200 | 72.600.000 |
| + Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam | - Thu tiền cổ tức | 795.000.000 | 300.000.000 |
| + Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh | - Thu tiền cổ tức | 110.460.000 | 220.920.000 |
| | - Phải trả khác | 78.976.000 | 87.216.000 |
| + Công ty CP gỗ MDF VRG Kiên Giang | - Mua nguyên vật liệu | 2.119.593.739 | 2.573.937.039 |
| + Công ty CP Cao su Bà Rịa | - Trả trước tiền mua mủ cao su | 581.061.600 | |

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Phải thu

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---------------------------|-------------|-------------|
| + Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP | - Phải thu về cổ phần hóa | 107.858.493 | 107.858.493 |

Phải trả

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-------------|---------------|
| + Công ty CP gỗ MDF VRG Kiên Giang | - Mua nguyên vật liệu | | 4.402.637.600 |
| + Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh | - Phải trả khác | 182.296.000 | 103.320.000 |

Trả trước cho người bán

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------|--------------------------------|-------------|------------|
| + Công ty CP Cao su Bà Rịa | - Trả trước tiền mua mủ cao su | 581.061.600 | |

Nhận ký quỹ, ký cược

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------------------------|-------------|------------|
| + Công ty CP Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản | - Đặt cọc tiền thuê văn phòng | 44.000.000 | 44.000.000 |
| + Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su | - Đặt cọc tiền thuê văn phòng | 16.000.000 | 16.000.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Khu vực địa lý

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo bộ phận theo các khu vực như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh

| Chỉ tiêu | Năm 2025 | | | Năm 2024 | | |
|--|------------------------|------------|------------------------|------------------------|------------|------------------------|
| | Trong nước | Nước ngoài | Tổng cộng | Trong nước | Nước ngoài | Tổng cộng |
| Tổng doanh thu thuần bán hàng và CCDV | 336.637.614.555 | | 336.637.614.555 | 329.152.782.316 | | 335.006.617.502 |
| Chi phí bộ phận | 338.564.981.516 | | 338.564.981.516 | 330.589.032.160 | | 330.589.032.160 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (1.927.366.961) | | (1.927.366.961) | (1.436.249.844) | | (1.436.249.844) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 7.205.607.072 | | 7.205.607.072 | 6.098.494.057 | | 6.098.494.057 |
| Chi phí tài chính | 2.529.686.322 | | 2.529.686.322 | 1.147.446.524 | | 1.147.446.524 |
| Thu nhập khác | 1.213.023.665 | | 1.213.023.665 | 1.352.066.326 | | 1.352.066.326 |
| Chi phí khác | 647.356.472 | | 647.356.472 | 1.448.981.311 | | 1.448.981.311 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 885.300.495 | | 885.300.495 | 559.117.466 | | 559.117.466 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 2.428.920.487 | | 2.428.920.487 | 2.858.765.238 | | 2.858.765.238 |

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

| Chỉ tiêu | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---------------------------|------------------------|------------|------------------------|------------------------|------------|------------------------|
| | Trong nước | Nước ngoài | Tổng cộng | Trong nước | Nước ngoài | Tổng cộng |
| Tài sản bộ phận | 224.788.093.073 | | 224.788.093.073 | 246.622.999.328 | | 246.622.999.328 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | |
| Tổng tài sản | 224.788.093.073 | | 224.788.093.073 | 182.372.324.505 | | 182.372.324.505 |
| Nợ phải trả bộ phận | 78.445.068.317 | | 78.445.068.317 | 102.708.895.059 | | 102.708.895.059 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | | |
| Tổng nợ phải trả | 78.445.068.317 | | 78.445.068.317 | 41.316.985.474 | | 41.316.985.474 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận (tiếp theo)

b. Lĩnh vực kinh doanh

Năm 2025

| Chỉ tiêu | Bán hàng hóa | Cho thuê | Dịch vụ khác | Tổng |
|--|-----------------|----------------|----------------|-----------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 315.948.432.317 | 16.290.088.810 | 4.399.093.428 | 336.637.614.555 |
| Tài sản bộ phận | 179.500.499.116 | 31.118.963.396 | 14.167.273.925 | 224.786.736.437 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | 1.403.988.000 | 1.403.988.000 |

Năm 2024

| Chỉ tiêu | Bán hàng hóa | Cho thuê | Dịch vụ khác | Tổng |
|--|-----------------|----------------|----------------|-----------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 304.620.286.551 | 17.533.753.274 | 6.998.742.491 | 329.152.782.316 |
| Tài sản bộ phận | 231.386.415.696 | | 15.236.583.632 | 246.622.999.328 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 1.455.000.000 | 833.480.000 | 494.788.900 | 2.783.268.900 |

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng | | |
| Tài sản tài chính | | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 14.109.699.719 | | 19.081.134.203 | | 14.109.699.719 | 19.081.134.203 |
| Phải thu khách hàng | 44.483.452.796 | (23.279.399.937) | 52.274.793.269 | (23.050.335.537) | 21.204.052.859 | 29.224.457.732 |
| Trả trước cho người bán | 1.343.724.522 | | 3.148.325.610 | | 1.343.724.522 | 3.148.325.610 |
| Các khoản phải thu khác | 2.414.830.777 | (40.000.000) | 1.646.562.761 | (40.000.000) | 2.374.830.777 | 1.606.562.761 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 103.275.000.000 | | 48.791.235.945 | | 103.275.000.000 | 48.791.235.945 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 11.908.100.000 | (3.939.485.389) | 11.908.100.000 | (3.865.053.909) | 7.968.614.611 | 8.043.046.091 |
| Cộng | 62.351.707.814 | (27.258.885.326) | 76.150.815.843 | (26.955.389.446) | 39.032.307.877 | 53.060.480.306 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

| | | | | |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả cho người bán | 10.091.113.875 | 9.203.700.432 | 10.091.113.875 | 9.203.700.432 |
| Người mua trả tiền trước | 2.082.501.139 | | 2.082.501.139 | |
| Vay và nợ | 47.055.803.762 | 56.729.050.095 | 47.055.803.762 | 56.729.050.095 |
| Phải trả người lao động | 6.416.275.725 | 5.876.084.084 | 6.416.275.725 | 5.876.084.084 |
| Các khoản phải trả khác | 7.952.263.982 | 7.874.520.168 | 7.952.263.982 | 7.874.520.168 |
| Cộng | 73.597.958.483 | 79.683.354.779 | 73.597.958.483 | 79.683.354.779 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

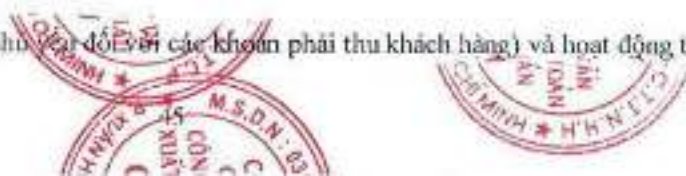
Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại cuối niên độ kế toán cuối kỳ do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

06. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm | Cộng |
|----------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả cho người bán | 10.091.113.875 | | | 10.091.113.875 |
| Người mua trả tiền trước | 2.082.501.139 | | | 2.082.501.139 |
| Vay và nợ | 36.762.615.234 | | 10.293.188.528 | 47.055.803.762 |
| Chi phí phải trả | 44.316.218 | | | |
| Các khoản phải trả phải nộp khác | 7.952.263.982 | | | 7.952.263.982 |
| Cộng | 56.932.810.448 | | 10.293.188.528 | 67.181.682.758 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

06. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

| Chi tiêu | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|---------------|--------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 41.134 | 8.683 |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | 41.134 | 8.683 |

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

| | Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần | |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2% | 21.453.021 | 4.168.483 |
| Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2% | (21.453.021) | (4.168.483) |

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

0501172
CÔNG T
TNHH
CH VỤ T
CHÍNH KẾ
VÀ KIỂM T
PHÍA NAI
T.P.H.C

19
T
HÀ
HÀ
P
S
TR.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các tiền gửi kỳ hạn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------|----------------|----------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn | 44.275.000.000 | 51.500.000.000 |

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV TV TC Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẢO CHÂU

Thủy mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



GIANG HOA VŨ



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

*Báo cáo tài chính riêng cho năm 2025
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025
đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU**

*Báo cáo tài chính riêng cho năm 2025
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025
đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

64 Trương Định, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

| <u>Nội dung</u> | <u>Trang</u> |
|--|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 01 - 03 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 04 - 05 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán riêng | 06 - 09 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng | 10 - 10 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng | 11 - 12 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng | 13 - 46 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

01. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su tiền thân là Công ty Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (Số đăng ký kinh doanh 102451 do Trọng tài kinh tế cấp ngày 18 tháng 03 năm 1993). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cổ phần lần đầu số 4103003436 ngày 28 tháng 05 năm 2005, đăng ký thay đổi bổ sung lần thứ 12 ngày 09 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: **100.303.080.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 64 Trương Định, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Trồng cây cao su (Mã ngành: 125 - không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng (Mã ngành: 210 - Chi tiết: Trồng cây rừng trồng khác không hoạt động tại trụ sở); Khai thác gỗ (Mã ngành: 221 - Chi tiết: Khai thác cây cao su); Sản xuất giấy dếp (Mã ngành: 1520 - Chi tiết: Gia công, sản xuất giày thể thao xuất khẩu); Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Mã ngành: 1621); Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Mã ngành: 1622); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (Mã ngành: 1629 - Chi tiết: Sản xuất pallet gỗ); Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Mã ngành: 2013); Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Mã ngành: 2212 - Chi tiết: Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su, chế biến cây cao su và cây rừng trồng khác trừ chế biến gỗ, sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không luyện cán cao su, tái chế phế thải tại trụ sở); Sản xuất sản phẩm từ plastic (Mã ngành: 2220); Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Mã ngành: 3240); Xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4100); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4290 - Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống (Mã ngành: 4620 - Chi tiết: Mua bán hàng nông sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dếp (Mã ngành: 4641); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mã ngành: 4649 - Chi tiết: Mua bán giày thể thao xuất khẩu); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã ngành: 4659 - Chi tiết: Mua bán máy móc phương tiện vận tải, máy thiết bị vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất các sản phẩm từ cao su của công ty); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mã ngành: 4661 - Chi tiết: Bán buôn dầu hỏa, mùn cưa, bột gỗ, củi băm và các sản phẩm liên quan dùng làm chất đốt trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành: 4663 - Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 4669 - Chi tiết: Mua bán cao su và sản phẩm cao su giày dếp, bao bì. Mua bán phân bón, hóa chất trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất có tính độc hại mạnh. Mua bán vật tư cho luyện kim, vật tư thiết bị phục vụ cho trồng trọt và chế biến cao su, sản phẩm đồ mộc, hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ cao su do công ty sản xuất. Mua bán nguyên vật liệu gỗ, sản phẩm đồ mộc và hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ); Bán lẻ hàng may mặc, giày dếp, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4771); Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4773 - Chi tiết: bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành: 4933 - Chi tiết: Vận chuyển nặng, hạ hàng hóa); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810 - Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng. Kinh doanh nhà. Kinh doanh bất động sản); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Mã ngành: 7730 - Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị công nghiệp); Dịch vụ đóng gói (Mã ngành: 8292 - Chi tiết: xếp dỡ hàng hóa, đóng gói sản phẩm trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**04. Cấu trúc doanh nghiệp****Công ty con:**

| | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ biểu quyết | |
|---|---------------|------------|------------------|------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| + Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc | 100% | 100% | 100% | 100% |
| + Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa | 100% | 100% | 100% | 100% |

Danh sách các đơn vị trực thuộc:

- + Văn phòng Công ty
- + Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp
- + Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Kho Vận
- + Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Tam Phước

05. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính Công ty có 38 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 40 nhân viên).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:**

| | | | |
|------|-----------------------|------------|------------------------------------|
| Ông: | Nguyễn Hồng Minh | Chủ tịch | <i>Bổ nhiệm từ tháng 05/2025</i> |
| Ông: | Phan Đình Phúc | Chủ tịch | <i>Miễn nhiệm từ tháng 05/2025</i> |
| Ông: | Phan Đình Phúc | Thành viên | <i>Bổ nhiệm từ tháng 05/2025</i> |
| Ông: | Giang Hoa Vũ | Thành viên | |
| Ông: | Lê Tuấn Linh | Thành viên | |
| Ông: | Đoàn Kim Tài | Thành viên | <i>Miễn nhiệm từ tháng 05/2025</i> |
| Ông: | Phan Trọng Quỳnh | Thành viên | <i>Miễn nhiệm từ tháng 05/2025</i> |
| Bà: | Nguyễn Thị Hiền Trang | Thành viên | <i>Bổ nhiệm từ tháng 05/2025</i> |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

| | | |
|------|---------------|-------------------|
| Ông: | Giang Hoa Vũ | Tổng Giám đốc |
| Ông: | Bùi Ngọc Tiến | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông: | Bùi Văn Dũng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông: | Lê Tuấn Linh | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | | | |
|------|-----------------------|------------|------------------------------------|
| Bà: | Nguyễn Thị Ngọc Hiệp | Trưởng ban | |
| Bà: | Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo | Thành viên | |
| Ông: | Nguyễn Trọng Hùng | Thành viên | <i>Miễn nhiệm từ tháng 05/2025</i> |
| Bà: | Võ Thị Quỳnh Tiên | Thành viên | <i>Bổ nhiệm từ tháng 05/2025</i> |

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Giang Hoa Vũ

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Bảo Châu

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là công ty kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su phê duyệt Báo cáo tài chính riêng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



GIANG HOA VŨ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su được lập ngày 09 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần lưu ý

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các khoản công nợ phải thu đã trích lập dự phòng như đã trình bày tại Thuyết minh V.06, đến ngày 31/12/2025 các khoản công nợ này vẫn chưa được thu hồi. Ban Tổng Giám đốc công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục để thu hồi các khoản công nợ nói trên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

Lê Linh Phương

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 5915-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 101.071.887.956 | 134.430.633.479 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | V.01 | 8.621.597.227 | 18.920.783.359 |
| 111 | 1. Tiền | | 8.621.597.227 | 18.920.783.359 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | | |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | V.02 | 60.600.000.000 | 73.000.000.000 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | | |
| 122 | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | | | |
| 123 | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 60.600.000.000 | 73.000.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 22.242.107.880 | 37.838.802.750 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | V.03 | 34.616.966.157 | 23.680.950.708 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 1.187.323.069 | 27.789.202.626 |
| 133 | 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | | | |
| 134 | 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | | | |
| 135 | 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | | | |
| 136 | 6. Phải thu ngắn hạn khác | V.04 | 1.991.795.955 | 1.922.626.717 |
| 137 | 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | V.06 | (21.869.597.264) | (21.869.597.264) |
| 139 | 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | V.05 | 6.315.619.963 | 6.315.619.963 |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | V.07 | 8.150.743.614 | 3.415.993.876 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 8.185.609.057 | 3.450.859.319 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | | (34.865.443) | (34.865.443) |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 1.457.439.235 | 1.255.053.494 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | | |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 589.587.347 | 360.239.925 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | V.15 | 867.851.888 | 894.813.569 |
| 154 | 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | | | |
| 155 | 5. Tài sản ngắn hạn khác | | | |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 83.510.545.136 | 85.530.075.319 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 107.858.493 | 107.858.493 |
| 211 | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | | | |
| 212 | 2. Trả trước cho người bán dài hạn | | | |
| 213 | 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | | | |
| 214 | 4. Phải thu nội bộ dài hạn | | | |
| 215 | 5. Phải thu về cho vay dài hạn | | | |
| 216 | 6. Phải thu dài hạn khác | V.04 | 107.858.493 | 107.858.493 |
| 219 | 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | | | |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 15.224.249.706 | 32.203.791.546 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | V.09 | 15.020.687.936 | 27.174.477.275 |
| 222 | - Nguyên giá | | 45.473.883.424 | 69.277.000.942 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | | (30.453.195.488) | (42.102.523.667) |
| 224 | 2. Tài sản cố định thuê tài chính | | | |
| 225 | - Nguyên giá | | | |
| 226 | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | | | |
| 227 | 3. Tài sản cố định vô hình | V.10 | 203.561.770 | 5.029.314.271 |
| 228 | - Nguyên giá | | 1.599.685.741 | 10.199.685.741 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | | (1.396.123.971) | (5.170.371.470) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | V.11 | 15.497.128.487 | |
| 231 | - Nguyên giá | | 31.118.963.396 | |
| 232 | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | | (15.621.834.909) | |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | V.08 | 1.139.954.084 | 1.139.954.084 |
| 241 | 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | | | |
| 242 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 1.139.954.084 | 1.139.954.084 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | V.02 | 50.968.614.611 | 51.043.046.091 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 43.000.000.000 | 43.000.000.000 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | | |
| 253 | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 11.908.100.000 | 11.908.100.000 |
| 254 | 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | | (3.939.485.389) | (3.865.053.909) |
| 255 | 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | | |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 572.739.755 | 1.035.425.105 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | V.12 | 572.739.755 | 1.035.425.105 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | | |
| 263 | 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | | | |
| 268 | 4. Tài sản dài hạn khác | | | |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 184.582.433.092 | 219.960.708.798 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 40.628.349.348 | 78.744.614.360 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 27.104.575.536 | 65.220.840.548 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | V.14 | 5.773.588.550 | 447.099.122 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 598.716.880 | 16.246.412.381 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.15 | 327.217.339 | 136.995.876 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 2.058.364.572 | 1.996.750.207 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | V.16 | 24.275.215 | |
| 316 | 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | | | |
| 317 | 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | | | |
| 318 | 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | | | |
| 319 | 9. Phải trả ngắn hạn khác | V.17 | 7.560.349.180 | 7.673.638.962 |
| 320 | 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | V.13 | 10.118.304.000 | 38.719.944.000 |
| 321 | 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | V.19 | 643.759.800 | |
| 322 | 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | | |
| 323 | 13. Quỹ bình ổn giá | | | |
| 324 | 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | | | |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 13.523.773.812 | 13.523.773.812 |
| 331 | 1. Phải trả người bán dài hạn | | | |
| 332 | 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | | | |
| 333 | 3. Chi phí phải trả dài hạn | | | |
| 334 | 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | | | |
| 335 | 5. Phải trả nội bộ dài hạn | | | |
| 336 | 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | V.18 | 3.230.585.284 | 3.230.585.284 |
| 337 | 7. Phải trả dài hạn khác | | | |
| 338 | 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | V.13 | 10.293.188.528 | 10.293.188.528 |
| 339 | 9. Trái phiếu chuyển đổi | | | |
| 340 | 10. Cổ phiếu ưu đãi | | | |
| 341 | 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | | |
| 342 | 12. Dự phòng phải trả dài hạn | | | |
| 343 | 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | | | |



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | V.20 | 143.954.083.744 | 141.216.094.438 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | | 143.954.083.744 | 141.216.094.438 |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 100.303.080.000 | 100.303.080.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 99.907.080.000 | 99.907.080.000 |
| 411b | - Cổ phiếu ưu đãi | | 396.000.000 | 396.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 31.410.714.600 | 31.410.714.600 |
| 413 | 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | | | |
| 414 | 4. Vốn khác của chủ sở hữu | | | |
| 415 | 5. Cổ phiếu quỹ (*) | | (2.678.000.000) | (2.678.000.000) |
| 416 | 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | | |
| 417 | 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | | |
| 418 | 8. Quỹ đầu tư phát triển | | 12.854.695.083 | 12.854.695.083 |
| 419 | 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | | | |
| 420 | 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | | |
| 421 | 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 2.063.594.061 | (674.395.245) |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | (674.395.245) | (4.131.801.556) |
| 421b | - LNST chưa phân phối năm nay | | 2.737.989.306 | 3.457.406.311 |
| 422 | 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | | | |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | | |
| 431 | 1. Nguồn kinh phí | | | |
| 432 | 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | | | |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 184.582.433.092 | 219.960.708.798 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu


PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng




NGUYỄN BẢO CHÂU


GIANG HOA VŨ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.01 | 133.382.675.273 | 125.209.936.835 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | | |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 133.382.675.273 | 125.209.936.835 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | VI.02 | 124.451.315.858 | 112.709.892.111 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 8.931.359.415 | 12.500.044.724 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | VI.03 | 7.932.171.392 | 7.599.466.415 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | VI.04 | 1.376.339.274 | 334.715.839 |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 1.301.907.794 | 37.183.562 |
| 24 | 8. Chi phí bán hàng | VI.05 | 13.716.864 | 216.888.000 |
| 25 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | VI.06 | 13.217.242.541 | 16.083.400.248 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 2.256.232.128 | 3.464.507.052 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | VI.07 | 1.025.688.869 | 1.213.278.900 |
| 32 | 12. Chi phí khác | VI.08 | 543.931.691 | 1.220.379.641 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 481.757.178 | (7.100.741) |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 2.737.989.306 | 3.457.406.311 |
| 51 | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | VI.10 | | |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 2.737.989.306 | 3.457.406.311 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu



PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng



NGUYỄN BẢO CHÂU

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



GIANG HOA VŨ



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|------------------------|-------------------------|
| | I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 2.737.989.306 | 3.457.406.311 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | | 2.852.174.636 | 2.908.724.802 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 718.191.280 | 297.532.277 |
| 04 | - Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | | |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (8.493.203.392) | (7.599.466.415) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 1.301.907.794 | 37.183.562 |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | | |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (882.940.376) | (898.619.463) |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | 12.841.035.534 | (21.947.402.923) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | (4.734.749.738) | (6.787.273) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | (7.596.227.715) | 15.733.295.353 |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 462.685.350 | (136.708.115) |
| 13 | - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | | | |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (1.281.532.579) | (37.183.562) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | | |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | | |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | (1.191.729.524) | (7.293.405.983) |
| | II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 21 | - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (1.403.988.000) | (2.178.268.900) |
| 22 | - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | 566.000.000 | |
| 23 | - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (144.600.000.000) | (118.000.000.000) |
| 24 | - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 157.000.000.000 | 83.000.000.000 |
| 25 | - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | |
| 26 | - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | |
| 27 | - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 7.927.203.392 | 7.597.000.253 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 19.489.215.392 | (29.581.268.647) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Ma số | Chi tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|---|-------------|------------------|----------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 31 | - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | | |
| 32 | - Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | | |
| 33 | - Tiền thu từ đi vay | | 44.401.996.800 | 38.719.944.000 |
| 34 | - Tiền trả nợ gốc vay | | (73.003.636.800) | |
| 35 | - Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | | | |
| 36 | - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | | |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (28.601.640.000) | 38.719.944.000 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (10.304.154.132) | 1.845.269.370 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 18.920.783.359 | 17.073.047.827 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 4.968.000 | 2.466.162 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | V.01 | 8.621.597.227 | 18.920.783.359 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẢO CHÂU

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



GIANG HOA VŨ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su tiền thân là Công ty Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (Số đăng ký kinh doanh 102451 do Trọng tài kinh tế cấp ngày 18 tháng 03 năm 1993). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cổ phần lần đầu số 4103003436 ngày 28 tháng 05 năm 2005, đăng ký thay đổi bổ sung lần thứ 12 ngày 09 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: **100.303.080.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 64 Trương Định, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Trồng cây cao su (Mã ngành: 125 - không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng (Mã ngành: 210 - Chi tiết: Trồng cây rừng trồng khác không hoạt động tại trụ sở); Khai thác gỗ (Mã ngành: 221 - Chi tiết: Khai thác cây cao su); Sản xuất giấy dệp (Mã ngành: 1520 - Chi tiết: Gia công, sản xuất giấy thể thao xuất khẩu); Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Mã ngành: 1621); Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Mã ngành: 1622); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tốt bền (Mã ngành: 1629 - Chi tiết: Sản xuất pallet gỗ); Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Mã ngành: 2013); Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Mã ngành: 2212 - Chi tiết: Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su, chế biến cây cao su và cây rừng trồng khác trừ chế biến gỗ, sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không luyện cán cao su, tái chế phế thải tại trụ sở); Sản xuất sản phẩm từ plastic (Mã ngành: 2220); Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Mã ngành: 3240); Xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4100); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4290 - Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống (Mã ngành: 4620 - Chi tiết: Mua bán hàng nông sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giấy dệp (Mã ngành: 4641); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mã ngành: 4649 - Chi tiết: Mua bán giấy thể thao xuất khẩu); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã ngành: 4659 - Chi tiết: Mua bán máy móc phương tiện vận tải, máy thiết bị vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất các sản phẩm từ cao su của công ty); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mã ngành: 4661 - Chi tiết: Bán buôn than bèo, mùn cưa, bột gỗ, củi băm và các sản phẩm liên quan dùng làm chất đốt trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành: 4663 - Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 4669 - Chi tiết: Mua bán cao su và sản phẩm cao su giấy dệp, bao bì. Mua bán phân bón, hóa chất trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất có tính độc hại mạnh. Mua bán vật tư cho luyện kim, vật tư thiết bị phục vụ cho trồng trọt và chế biến cao su, sản phẩm đồ mộc, hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ cao su do công ty sản xuất. Mua bán nguyên vật liệu gỗ, sản phẩm đồ mộc và hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ); Bán lẻ hàng may mặc, giấy dệp, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4771); Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4773 - Chi tiết: bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành: 4933 - Chi tiết: Vận chuyển năng, hạ hàng hóa); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810 - Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng. Kinh doanh nhà. Kinh doanh bất động sản); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Mã ngành: 7730 - Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị công nghệ); Dịch vụ đóng gói (Mã ngành: 8292 - Chi tiết: xếp dỡ hàng hóa, đóng gói sản phẩm trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

- Danh sách công ty con bao gồm:

| Tên công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết |
|--|--|---------------|------------------|
| + Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc | 50 - 52 Võ Văn Tần, P.Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh | 100% | 100% |
| Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này: Kinh doanh, thương mại | | | |
| + Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa | 502A Lý Thường Kiệt, Khu phố Thống nhất 1, P.Đĩ An, TP.HCM | 100% | 100% |

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này: Sản xuất và xuất khẩu đồ gỗ

- Danh sách các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|---|
| + Văn phòng Công ty | 64 Trương Định, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh |
| + Chi nhánh Công ty - Xi nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp | Đường số 3, KCN Biên hòa 1, P.Trần Biên, Đồng Nai |
| + Chi nhánh Công ty - Xi nghiệp Kho Vận | Số 2A/2 Trần Hưng Đạo, Phường Đồng Hòa, TP.HCM |
| + Chi nhánh Công ty - Xi nghiệp Tam Phước | Lô 43 đường số 7 KCN Tam Phước, P.Tam Phước, Đồng Nai |

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính Công ty có 38 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 40 nhân viên).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng kỳ.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán;

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ;

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

1729
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ VẤN
KẾ T
KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
T.P. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

+ Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

+ Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

+ Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- *Lập dự phòng phải thu khó đòi:* Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

6 . Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuế tài chính, bất động sản đầu tư

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|---------------------------------|---------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 40 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |
| - Quyền sử dụng đất vô thời hạn | Không tính khấu hao |

7 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

9 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuế tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phân ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phí tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

13 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- *Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác*

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty; nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

14 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

15 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

16 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

17 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

18 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19 . Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phần ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH) : Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
|------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 249.526.689 | 132.209.095 |
| - VND | 249.526.689 | 132.209.095 |
| Tiền gửi không kỳ hạn | 8.372.070.538 | 18.788.574.264 |
| - VND | 8.296.776.699 | 18.718.271.156 |
| - USD | 51.579.002 | 49.943.237 |
| - EUR | 23.714.837 | 20.359.871 |
| Cộng | 8.621.597.227 | 18.920.783.359 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Chứng khoán kinh doanh

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| b1) Ngắn hạn | 60.600.000.000 | 60.600.000.000 | 73.000.000.000 | 73.000.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Tân Bình - TP.HCM) | 60.600.000.000 | 60.600.000.000 | 73.000.000.000 | 73.000.000.000 |
| b2) Dài hạn | | | | |
| Cộng | 60.600.000.000 | 60.600.000.000 | 73.000.000.000 | 73.000.000.000 |

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|-----------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá hợp lý | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con (*) | 43.000.000.000 | | | 43.000.000.000 | | |
| + Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc | 20.000.000.000 | | | 20.000.000.000 | | |
| + Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa | 23.000.000.000 | | | 23.000.000.000 | | |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 11.908.100.000 | 2.700.000.000 | (3.939.485.389) | 11.908.100.000 | 3.705.000.000 | (3.865.053.909) |
| + Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Cao su (*) | 1.500.000.000 | | (1.500.000.000) | 1.500.000.000 | | (1.418.084.760) |
| + Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su (*) | 2.596.100.000 | | (2.439.485.389) | 2.596.100.000 | | (2.446.969.149) |
| + Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh (*) | 6.312.000.000 | | | 6.312.000.000 | | |
| + Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam | 1.500.000.000 | 2.700.000.000 | | 1.500.000.000 | 3.705.000.000 | |
| Cộng | 54.908.100.000 | 2.700.000.000 | (3.939.485.389) | 54.908.100.000 | 3.705.000.000 | (3.865.053.909) |

Ghi chú:

(*) Do các công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Tóm tắt hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm:

- Công ty con

| Tên công ty | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Lợi nhuận sau thuế | Lợi nhuận chưa phân phối |
|---|---------------|------------------------|--------------------|--------------------------|
| + Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc | 100% | 100% | 960.424.798 | 960.424.798 |
| + Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đông Hòa | 100% | 100% | 1.583.516.214 | 1.583.516.214 |

Các giao dịch chủ yếu giữa doanh nghiệp với công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm:

| Công ty | Nội dung giao dịch | Giá trị (VND) |
|---|-------------------------|---------------|
| + Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc | - Thu lợi nhuận | 960.199.999 |
| + Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đông Hòa | - Thu tiền thuế tài sản | 2.000.000.000 |
| | - Thu lợi nhuận | 1.892.809.832 |

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn | 34.616.966.157 | 23.680.950.708 |
| Bên khác | 34.616.966.157 | 23.680.950.708 |
| + Công ty CP CB và XNK Thủy sản Đồng Tháp | 8.956.471.270 | 8.956.471.270 |
| + Công ty CP SX-XNK Lâm sản và hàng tiêu thụ Công nghiệp | 3.870.681.600 | 3.870.681.600 |
| + Công ty TNHH SX TM DV Hữu Nghị | 7.843.792.484 | 7.843.792.484 |
| + Đối tượng khác | 13.946.020.803 | 3.010.005.354 |
| Bên liên quan | | |
| b. Dài hạn | | |
| Cộng | 34.616.966.157 | 23.680.950.708 |

04 . PHẢI THU KHÁC

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a. Ngắn hạn | 1.991.795.955 | | 1.922.626.717 | |
| Tạm ứng | 275.000.000 | | 355.000.000 | |
| Phải thu khác | 1.716.795.955 | | 1.567.626.717 | |
| Bên khác | 1.716.795.955 | | 1.567.626.717 | |
| + Tòa án nhân dân Quận 1, TP.HCM | 56.294.421 | | 56.294.421 | |
| + Tòa án nhân dân TP.HCM | 116.399.896 | | 116.399.896 | |
| + Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Tân Bình - TP.HCM | 653.887.123 | | 500.679.452 | |
| + Đối tượng khác | 890.214.515 | | 894.252.948 | |
| Bên liên quan | | | | |
| b. Dài hạn | 107.858.493 | | 107.858.493 | |
| Bên liên quan | 107.858.493 | | 107.858.493 | |
| + Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP | 107.858.493 | | 107.858.493 | |
| Cộng | 2.099.654.448 | | 2.030.485.210 | |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

05 . TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------|-------------|----------------------|------------|----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Tài sản khác (*) | | 6.315.619.963 | | 6.315.619.963 |
| Cộng | | 6.315.619.963 | | 6.315.619.963 |

Giải thích: (*) Đây là giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản chờ xử lý khi cổ phần hóa doanh nghiệp có nguồn gốc được hình thành từ nguồn vốn vay ODA của Chính phủ từ năm 1996 bằng máy móc, thiết bị thông qua Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Khu chế xuất Tân Thuận. Giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp và khoản vay này Chính phủ đã có Văn bản số 4055/VOCP/QHQT ngày 23/7/2002 cho khoản lại để xử lý chung cùng với các đơn vị khác có vay vốn của Chính phủ Ấn Độ.

06 . NỢ XẤU

a. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| - Phải thu khách hàng, phải thu khác | 21.869.597.264 | | 21.869.597.264 | |
| + Công ty CP CB và XNK Thủy sản Đồng Tháp | 8.956.471.270 | | 8.956.471.270 | |
| + Công ty CP SX – XNK Lâm sản và hàng tiêu thụ Công nghiệp (UPEXIM) | 3.870.681.600 | | 3.870.681.600 | |
| + Công ty TNHH SXTMDV Hữu Nghị | 7.843.792.484 | | 7.843.792.484 | |
| + Đối tượng khác | 1.198.651.910 | | 1.198.651.910 | |
| - Phải thu cho vay | | | | |
| Cộng | 21.869.597.264 | | 21.869.597.264 | |

b. Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu: Không có

07 . HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------|----------------------|---------------------|----------------------|---------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 64.184.425 | | 123.347.580 | |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 2.976.590.931 | | 2.976.590.931 | |
| - Hàng hóa | 5.109.968.258 | | 316.055.365 | |
| - Hàng gửi đi bán | 34.865.443 | (34.865.443) | 34.865.443 | (34.865.443) |
| Cộng | 8.185.609.057 | (34.865.443) | 3.450.859.319 | (34.865.443) |

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có
- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho, hư hỏng kém phẩm chất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

08 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b. Xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Mua sắm | | |
| Xây dựng cơ bản | 1.139.954.084 | 1.139.954.084 |
| + Dự án Trảng Bom | 1.063.349.360 | 1.063.349.360 |
| + Chi phí giải tỏa XN Bình Điền | 45.781.818 | 45.781.818 |
| + Chi phí đo đạc khu Nam Sài Gòn | 30.822.906 | 30.822.906 |
| Cộng | 1.139.954.084 | 1.139.954.084 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị quản lý | TSCĐ khác | Cộng |
|-----------------------------------|------------------------|-------------------|---------------------------------|------------------|-----------|----------------|
| I. Nguyên giá | | | | | | |
| 1. Số dư đầu năm | 49.080.921.321 | 10.588.578.376 | 4.675.336.584 | 4.932.164.661 | | 69.277.000.942 |
| 2. Số tăng trong năm | 1.403.988.000 | | | | | 1.403.988.000 |
| - Mua trong năm | | | | | | |
| - Đầu tư XD/CB hoàn thành | 1.403.988.000 | | | | | 1.403.988.000 |
| 3. Số giảm trong năm | 22.518.963.396 | 2.688.142.122 | | | | 25.207.105.518 |
| - Thanh lý, nhượng bán | | 2.688.142.122 | | | | 2.688.142.122 |
| - Phân loại lại | 22.518.963.396 | | | | | 22.518.963.396 |
| 4. Số dư cuối năm | 27.965.945.925 | 7.900.436.254 | 4.675.336.584 | 4.932.164.661 | | 45.473.883.424 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| 1. Số dư đầu năm | 27.767.319.962 | 9.748.839.175 | 2.756.758.791 | 1.829.605.739 | | 42.102.523.667 |
| 2. Khấu hao trong năm | 1.957.657.072 | 71.401.507 | 431.351.024 | 182.481.966 | | 2.642.891.569 |
| - Khấu hao trong năm | 1.957.657.072 | 71.401.507 | 431.351.024 | 182.481.966 | | 2.642.891.569 |
| - Tăng khác | | | | | | |
| 3. Giảm trong năm | 11.639.660.979 | 2.652.558.769 | | | | 14.292.219.748 |
| - Thanh lý, nhượng bán | | 2.652.558.769 | | | | 2.652.558.769 |
| - Phân loại lại | 11.639.660.979 | | | | | 11.639.660.979 |
| 4. Số dư cuối năm | 18.085.316.055 | 7.167.681.913 | 3.188.109.815 | 2.012.087.705 | | 30.453.195.488 |
| III. Giá trị còn lại | | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 21.313.601.359 | 839.739.201 | 1.918.577.793 | 3.102.558.922 | | 27.174.477.275 |
| 2. Tại ngày cuối năm | 9.880.629.870 | 732.754.341 | 1.487.226.769 | 2.920.076.956 | | 15.020.687.936 |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.854.612.167 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Quyền sử dụng đất | Phần mềm vi tính | TSCĐ vô hình khác | Cộng |
|-----------------------------------|-------------------|---------------------|----------------------|----------------|
| I. Nguyên giá | | | | |
| 1. Số dư đầu năm | 8.600.000.000 | | 1.599.685.741 | 10.199.685.741 |
| 2. Số tăng trong năm | | | | |
| - Mua trong năm | | | | |
| - Tăng khác | | | | |
| 3. Số giảm trong năm | 8.600.000.000 | | | 8.600.000.000 |
| - Thanh lý, nhượng bán | | | | |
| - Phân loại lại | 8.600.000.000 | | | 8.600.000.000 |
| 4. Số dư cuối năm | | | 1.599.685.741 | 1.599.685.741 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| 1. Số dư đầu năm | 3.804.565.234 | | 1.365.806.236 | 5.170.371.470 |
| 2. Khấu hao trong năm | 177.608.696 | | 30.317.735 | 207.926.431 |
| - Khấu hao trong năm | 177.608.696 | | 30.317.735 | 207.926.431 |
| - Tăng khác | | | | |
| 3. Giảm trong năm | 3.982.173.930 | | | 3.982.173.930 |
| - Thanh lý, nhượng bán | | | | |
| - Phân loại lại | 3.982.173.930 | | | 3.982.173.930 |
| 4. Số dư cuối năm | | | 1.396.123.971 | 1.396.123.971 |
| III. Giá trị còn lại | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 4.795.434.766 | | 233.879.505 | 5.029.314.271 |
| 2. Tại ngày cuối năm | | | 203.561.770 | 203.561.770 |

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 196.598.187 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

| Chỉ tiêu | Nhà cầm vật kiến trúc | Quyền sử dụng đất | Cộng |
|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| I. Nguyên giá | | | |
| 1. Số dư đầu năm | | | |
| 2. Số tăng trong năm | 22.518.963.396 | 8.600.000.000 | 31.118.963.396 |
| - Phân loại lại | 22.518.963.396 | 8.600.000.000 | 31.118.963.396 |
| 3. Số giảm trong năm | | | |
| - Thanh lý, nhượng bán | | | |
| 4. Số dư cuối năm | 22.518.963.396 | 8.600.000.000 | 31.118.963.396 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| 1. Số dư đầu năm | | | |
| 2. Khấu hao trong năm | 11.639.660.979 | 3.982.173.930 | 15.621.834.909 |
| - Phân loại lại | 11.639.660.979 | 3.982.173.930 | 15.621.834.909 |
| 3. Giảm trong năm | | | |
| - Thanh lý, nhượng bán | | | |
| 4. Số dư cuối năm | 11.639.660.979 | 3.982.173.930 | 15.621.834.909 |
| III. Giá trị còn lại | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | | | |
| 2. Tại ngày cuối năm | 10.879.302.417 | 4.617.826.070 | 15.497.128.487 |

- Giá trị còn lại cuối năm của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có

- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 1.744.244.023 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------|--------------------|----------------------|
| a. Ngắn hạn | | |
| b. Dài hạn | 572.739.755 | 1.035.425.105 |
| Các khoản khác | 572.739.755 | 1.035.425.105 |
| Cộng | 572.739.755 | 1.035.425.105 |

13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Trong năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn - VND | 10.118.304.000 | 10.118.304.000 | 44.401.996.800 | 73.003.636.800 | 38.719.944.000 | 38.719.944.000 |
| - Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam | 10.118.304.000 | 10.118.304.000 | 44.401.996.800 | 73.003.636.800 | 38.719.944.000 | 38.719.944.000 |
| - CN Tân Định - TP.HCM (1) | | | | | | |
| Cộng | 10.118.304.000 | 10.118.304.000 | 44.401.996.800 | 73.003.636.800 | 38.719.944.000 | 38.719.944.000 |

b. Vay dài hạn

| | Số cuối năm | | Trong năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------|------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Trên 5 năm | 10.293.188.528 | 10.293.188.528 | | | 10.293.188.528 | 10.293.188.528 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2) | 10.293.188.528 | 10.293.188.528 | | | 10.293.188.528 | 10.293.188.528 |
| Cộng | 10.293.188.528 | 10.293.188.528 | | | 10.293.188.528 | 10.293.188.528 |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Ghi chú: (1) Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

| Bên cho vay | Hợp đồng | Hạn mức VND | Thời hạn vay (Tháng) | Lãi suất(%) | Mục đích vay | Hình thức đảm bảo |
|--|--|----------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|---|
| Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tân Định - TP.HCM | Số 1602-LAV-2025001029 ngày 16/12/2025 | 60.000.000.000 | 12 | Theo từng lần nhận nợ | Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD | Thế chấp Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng trong nước. |

(2) Khoản vay ODA của Chính phủ từ năm 1996 bằng máy móc, thiết bị thông qua Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Khu chế xuất Tân Thuận. Khoản vay này Chính phủ đã có Văn bản số 4055/VOCP/QHQT ngày 23/7/2002 cho khoan lại để xử lý chung với các đơn vị khác có vay vốn của Chính phủ Ấn Độ.

c. Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan: không có

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---------------|-----------------------|-------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a. Ngắn hạn | | | | |
| Bên khác | 5.773.588.550 | 5.773.588.550 | 447.099.122 | 447.099.122 |
| + Công ty TNHH Quốc tế Anh Sơn | 1.370.950.950 | 1.370.950.950 | 447.099.122 | 447.099.122 |
| + Công ty TNHH Kinh doanh Nhựa Hoàng Châu Long An | | | 45.900.000 | 45.900.000 |
| + Công ty TNHH TM DV Kỹ thuật Thuận Văn | 1.107.364.500 | 1.107.364.500 | | |
| + Phải trả cho các đối tượng khác | 263.586.450 | 263.586.450 | 166.640.000 | 166.640.000 |
| Bên liên quan | 4.402.637.600 | 4.402.637.600 | 234.559.122 | 234.559.122 |
| + Công ty CP TMDV và Du lịch Cao Su | 4.402.637.600 | 4.402.637.600 | | |
| b. Dài hạn | | | | |
| Cộng | 5.773.588.550 | 5.773.588.550 | 447.099.122 | 447.099.122 |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------|-------------------|------------|
| Chi phí lãi vay | 20.375.215 | |
| Chi phí khác | 3.900.000 | |
| Cộng | 24.275.215 | |

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| a. Ngắn hạn | 7.560.349.180 | 7.673.638.962 |
| Kinh phí công đoàn | 44.024.858 | 36.064.720 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 3.007.456.250 | 3.007.456.250 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 219.509.720 | 219.509.720 |
| Phải trả về lãi vay ODA | 1.471.290.929 | 1.471.290.929 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 2.818.067.423 | 2.939.317.337 |
| <i>Bên khác</i> | <i>2.818.067.423</i> | <i>2.835.997.337</i> |
| + Công ty CP Địa ốc 9 | 300.000.000 | 300.000.000 |
| + Công ty CP Địa ốc 7 | 300.000.000 | 300.000.000 |
| + Đối tượng khác | 2.218.067.423 | 2.235.997.337 |
| <i>Bên liên quan</i> | <i>242.296.000</i> | <i>163.320.000</i> |
| + Công ty CP Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản | 44.000.000 | 44.000.000 |
| + Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su | 16.000.000 | 16.000.000 |
| + Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh | 182.296.000 | 103.320.000 |
| b. Dài hạn | | |
| Cộng | 7.560.349.180 | 7.673.638.962 |

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Doanh thu nhận trước - Dự án 4/35 Độc Lập | 3.230.585.284 | 3.230.585.284 |
| Cộng | 3.230.585.284 | 3.230.585.284 |

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận theo các hợp đồng được ký kết giữa công ty và các bên theo quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 21/06/2005 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc xây dựng dự án 4/35 Độc Lập tại Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM.

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------|--------------------|------------|
| Dự phòng phải trả khác | 643.759.800 | |
| Cộng | 643.759.800 | |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2025

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của CSH | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|---------------------------|-----------------|----------------------|-----------------|-----------------------|-------------------------------|--------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm trước | 100.303.080.000 | 31.410.714.600 | (2.678.000.000) | 12.854.695.083 | | (4.131.801.556) | 137.758.688.127 |
| Tăng vốn trong năm trước | | | | | | | |
| Lãi trong năm trước | | | | | | 3.457.406.311 | 3.457.406.311 |
| Lỗ trong năm trước | | | | | | | |
| Chia cổ tức | | | | | | | |
| Thù lao hội đồng quản trị | | | | | | | |
| Giảm khác | | | | | | | |
| Số dư đầu năm nay | 100.303.080.000 | 31.410.714.600 | (2.678.000.000) | 12.854.695.083 | | (674.395.245) | 141.216.094.438 |
| Tăng vốn trong năm nay | | | | | | | |
| Lãi trong năm nay | | | | | | 2.737.989.306 | 2.737.989.306 |
| Giảm vốn trong năm nay | | | | | | | |
| Lỗ trong năm nay | | | | | | | |
| Thù lao hội đồng quản trị | | | | | | | |
| Giảm khác | | | | | | | |
| Số dư cuối năm nay | 100.303.080.000 | 31.410.714.600 | (2.678.000.000) | 12.854.695.083 | | 2.063.594.061 | 143.954.083.744 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| 20 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu | Số cuối năm | % | Số đầu năm | % |
|---|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
| Vốn góp của công ty mẹ | 69.333.330.000 | 69,12% | 69.333.330.000 | 69,12% |
| + Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP | 69.333.330.000 | 69,12% | 69.333.330.000 | 69,12% |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 30.969.750.000 | 30,88% | 30.969.750.000 | 30,88% |
| Cộng | 100.303.080.000 | 100,00% | 100.303.080.000 | 100,00% |

20 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu: | | |
| - Vốn góp đầu năm | 100.303.080.000 | 100.303.080.000 |
| - Vốn góp tăng trong năm | | |
| - Vốn góp giảm trong năm | | |
| - Vốn góp cuối năm | 100.303.080.000 | 100.303.080.000 |

20 . 4. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | | |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 10.030.308 | 10.030.308 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 9.990.708 | 9.990.708 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 39.600 | 39.600 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 126.600 | 126.600 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 126.600 | 126.600 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 9.903.708 | 9.903.708 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 9.864.108 | 9.864.108 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 39.600 | 39.600 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

20 . 5. Các quỹ của công ty

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------|----------------|----------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 12.854.695.083 | 12.854.695.083 |

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| Ngoại tệ các loại | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------|-------------|------------|
| - Dollar Mỹ (USD) | 1.977,95 | 1.977,95 |
| - Euro (EUR) | 781,43 | 780,64 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 113.125.190.150 | 101.072.372.100 |
| Doanh thu cho thuê | 15.858.391.695 | 17.138.822.244 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 4.399.093.428 | 6.998.742.491 |
| Cộng | 133.382.675.273 | 125.209.936.835 |

Doanh thu đối với các bên liên quan: Xem trình bày tại Thuyết minh VIII.03

02. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 112.384.981.000 | 100.080.678.694 |
| Giá vốn cho thuê | 8.979.449.314 | 7.653.037.104 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 3.086.885.544 | 4.976.176.316 |
| Cộng | 124.451.315.858 | 112.709.892.111 |

03. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 4.168.733.561 | 3.624.429.349 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 3.758.469.831 | 3.972.570.904 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 4.968.000 | 2.466.162 |
| Cộng | 7.932.171.392 | 7.599.466.415 |

04. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Lãi tiền vay | 1.301.907.794 | 37.183.562 |
| Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính | (7.483.760) | |
| Trích dự phòng đầu tư tài chính | 81.915.240 | 297.532.277 |
| Cộng | 1.376.339.274 | 334.715.839 |

05. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|-------------------|--------------------|
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 13.716.864 | 216.888.000 |
| Cộng | 13.716.864 | 216.888.000 |

06. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên, vật liệu | 77.798.349 | 182.474.562 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 10.027.717 | 20.009.078 |
| Chi phí nhân viên | 8.620.844.085 | 8.935.772.984 |
| Chi phí khấu hao | 57.805.698 | 82.749.374 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.003.593.609 | 6.355.580.598 |
| Thuế, phí, lệ phí | 55.809.978 | 58.593.221 |
| Các khoản chi phí QLDN khác | 391.363.105 | 448.220.431 |
| Cộng | 13.217.242.541 | 16.083.400.248 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

07 . THU NHẬP KHÁC

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 543.813.450 | |
| Các khoản khác | 481.875.419 | 1.213.278.900 |
| Cộng | 1.025.688.869 | 1.213.278.900 |

08 . CHI PHÍ KHÁC

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------|----------------------|
| Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 543.931.691 | 1.220.379.641 |
| Các khoản khác | | |
| Cộng | 543.931.691 | 1.220.379.641 |

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 63.718.251.710 | 57.706.091.254 |
| Chi phí nhân công | 18.163.709.684 | 16.449.865.782 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.852.174.636 | 1.789.950.742 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.111.065.588 | 1.911.875.173 |
| Chi phí khác bằng tiền | 2.711.338.507 | 2.455.509.106 |
| Cộng | 89.556.540.125 | 80.313.292.056 |

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|-----------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 2.737.989.306 | 3.457.406.311 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | (3.624.548.267) | (2.825.303.217) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 133.921.564 | 626.347.687 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (3.758.469.831) | (3.451.650.904) |
| Thu nhập chịu thuế | | |
| Thu nhập được miễn thuế | | |
| Lỗ các năm trước được chuyển | (1.021.838.435) | (3.055.006.651) |
| Thu nhập tính thuế | (1.908.397.396) | (2.422.903.557) |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG

01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

02. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

03. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:

| Năm nay | Năm trước |
|----------------|----------------|
| 44.401.996.800 | 38.719.944.000 |

04. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

| Năm nay | Năm trước |
|----------------|-----------|
| 73.003.636.800 | |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | Số cuối năm |
|--------------|----------------|
| Dưới 1 năm | 3.784.098.540 |
| Từ 1 - 5 năm | 18.920.492.700 |

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

03. Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan: không có

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| Tiền lương | | Năm nay | Năm trước |
|------------------------|--|---------------|---------------|
| | | 1.386.000.000 | 1.260.000.000 |
| + Nguyễn Hồng Minh | Chủ tịch HĐQT - Bổ nhiệm từ 05/2025 | 156.000.000 | |
| + Phan Đình Phúc | Chủ tịch HĐQT - Miễn nhiệm từ 05/2025 | 132.000.000 | 288.000.000 |
| + Phan Đình Phúc | Thành viên HĐQT Chuyên trách - Bổ nhiệm từ 05/2025 | 126.000.000 | |
| + Giang Hoa Vũ | Tổng Giám đốc | 276.000.000 | 276.000.000 |
| + Bùi Ngọc Tiến | Phó Tổng Giám đốc | 240.000.000 | 240.000.000 |
| + Nguyễn Thị Ngọc Hiệp | Trưởng Ban Kiểm soát | 228.000.000 | 228.000.000 |
| + Nguyễn Báo Châu | Kế toán trưởng | 228.000.000 | 228.000.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| + Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc | Công ty con |
| + Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đông Hòa | Công ty con |
| + Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP | Công ty mẹ |
| + Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su | Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP |
| + Công ty CP Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản | Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP |
| + Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh | Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP |
| + Công ty CP Cao su Bà Rịa | Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP |
| + Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam | Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP |

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
|---|--|---------------|---------------|
| + Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc | - Thu lợi nhuận | 960.199.999 | 961.919.126 |
| | - Tiền BHXH, BHYT, BHTN ông Bùi Văn Dũng | 74.661.888 | 72.554.496 |
| + Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đông Hòa | - Thu tiền thuê đất và tài sản | 2.000.000.000 | 1.800.000.000 |
| | - Phân phối lợi nhuận | 1.892.809.832 | 2.489.731.778 |
| | - Tiền BHXH, BHYT, BHTN ông Lê Tuấn Linh | 74.661.888 | 72.554.496 |
| + Ông Phan Đình Phúc - Chủ tịch HĐQT Công ty | - Tạm ứng tiền lương | 50.000.000 | 10.000.000 |
| + Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su | - Thu tiền cho thuê văn phòng | 96.000.000 | 63.000.000 |
| | - Giao dịch Mủ cao su | 9.414.720.000 | |
| + Công ty CP Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản | - Thu tiền cho thuê văn phòng | 290.400.000 | 176.000.000 |
| + Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam | - Lưu kho, đóng kiện Mủ cao su | 1.185.757.200 | 72.600.000 |
| + Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam | - Thu tiền cổ tức | 795.000.000 | 300.000.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau: (tiếp theo)

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------------|-------------|-------------|
| - Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh | - Thu tiền cổ tức | 110.460.000 | 220.920.000 |
| + Công ty CP Cao su Bà Rịa | - Trả trước tiền mua mủ cao su | 581.061.600 | |
| + Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh | - Phải trả khác | 78.976.000 | 87.216.000 |

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Phải thu

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------------------|-------------|-------------|
| + Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP | - Phải thu về cổ phần hóa | 107.858.493 | 107.858.493 |

Trả trước cho người bán

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------|--------------------------------|-------------|------------|
| + Công ty CP Cao su Bà Rịa | - Trả trước tiền mua mủ cao su | 581.061.600 | |

Phải trả

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|-------------|-------------|
| + Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh | - Phải trả khác | 182.296.000 | 103.320.000 |

Nhận ký quỹ, ký cược

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------------------------|-------------|------------|
| + Công ty CP Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản | - Đặt cọc tiền thuê văn phòng | 44.000.000 | 44.000.000 |
| + Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su | - Đặt cọc tiền thuê văn phòng | 16.000.000 | 16.000.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

04. Thông tin bộ phận

a. Khu vực địa lý

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo bộ phận theo các khu vực như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh

| Chỉ tiêu | Năm 2025 | | | Năm 2024 | | |
|--|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|
| | Trong nước | Ngoài nước | Tổng cộng | Trong nước | Ngoài nước | Tổng cộng |
| Tổng doanh thu thuần bán hàng và CCDV | 133.382.675.273 | | 133.382.675.273 | 125.209.936.835 | | 125.209.936.835 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | | | | | | |
| Chi phí bộ phận | 137.682.275.263 | | 137.682.275.263 | 129.010.180.359 | | 129.010.180.359 |
| Chi phí bộ phận | | | | | | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (4.299.599.990) | | (4.299.599.990) | (3.800.243.524) | | (3.800.243.524) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 7.932.171.392 | | 7.932.171.392 | 7.599.466.415 | | 7.599.466.415 |
| Chi phí tài chính | 1.376.339.274 | | 1.376.339.274 | 334.715.839 | | 334.715.839 |
| Thu nhập khác | 1.025.688.869 | | 1.025.688.869 | 1.213.278.900 | | 1.213.278.900 |
| Chi phí khác | 543.931.691 | | 543.931.691 | 1.220.379.641 | | 1.220.379.641 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.737.989.306 | | 2.737.989.306 | 3.457.406.311 | | 3.457.406.311 |

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

| Chỉ tiêu | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---------------------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|
| | Trong nước | Ngoài nước | Tổng cộng | Trong nước | Ngoài nước | Tổng cộng |
| Tài sản bộ phận | 184.582.433.092 | | 184.582.433.092 | 219.960.708.798 | | 219.960.708.798 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | |
| Tổng tài sản | 184.582.433.092 | | 184.582.433.092 | 219.960.708.798 | | 219.960.708.798 |
| Nợ phải trả bộ phận | 40.628.349.348 | | 40.628.349.348 | 78.744.614.360 | | 78.744.614.360 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | | |
| Tổng nợ phải trả | 40.628.349.348 | | 40.628.349.348 | 78.744.614.360 | | 78.744.614.360 |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

04. Thông tin bộ phận (tiếp theo)

b. Lĩnh vực kinh doanh

Năm 2025

| Chỉ tiêu | Bán hàng hóa | Cho thuê | Dịch vụ khác | Tổng |
|--|-----------------|----------------|----------------|-----------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 113.125.190.150 | 15.858.391.695 | 4.399.093.428 | 133.382.675.273 |
| Tài sản bộ phận | 139.296.195.771 | 31.118.963.396 | 14.167.273.925 | 184.582.433.092 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | 1.403.988.000 | 1.403.988.000 |

Năm 2024

| Chỉ tiêu | Bán hàng hóa | Cho thuê | Dịch vụ khác | Tổng |
|--|-----------------|----------------|----------------|-----------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 101.072.372.100 | 17.138.822.244 | 6.998.742.491 | 125.209.936.835 |
| Tài sản bộ phận | 204.724.125.166 | | 15.236.583.632 | 219.960.708.798 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 850.000.000 | 833.480.000 | 494.788.900 | 2.178.268.900 |

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng | | |
| Tài sản tài chính | | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 8.621.597.227 | | 18.920.783.359 | | 8.621.597.227 | 18.920.783.359 |
| Phải thu khách hàng | 34.616.966.157 | (21.829.597.264) | 23.680.950.708 | (21.829.597.264) | 12.787.368.893 | 1.851.353.444 |
| Trả trước cho người bán | 1.187.323.069 | | 27.789.202.626 | | 1.187.323.069 | 27.789.202.626 |
| Các khoản phải thu khác | 2.099.654.448 | (40.000.000) | 2.030.485.210 | (40.000.000) | 2.059.654.448 | 1.990.485.210 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 60.600.000.000 | | 73.000.000.000 | | 60.600.000.000 | 73.000.000.000 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 54.908.100.000 | (3.939.485.389) | 54.908.100.000 | (3.865.053.909) | 50.968.614.611 | 51.043.046.091 |
| Cộng | 162.033.640.901 | (25.809.082.653) | 200.329.521.903 | (25.734.651.173) | 136.224.558.248 | 174.594.870.730 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

| | | | | |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả cho người bán | 5.773.588.550 | 447.099.122 | 5.773.588.550 | 447.099.122 |
| Người mua trả tiền trước | 598.716.880 | 16.246.412.381 | 598.716.880 | 16.246.412.381 |
| Vay và nợ | 20.411.492.528 | 49.013.132.528 | 20.411.492.528 | 49.013.132.528 |
| Phải trả người lao động | 2.058.364.572 | 1.996.750.207 | 2.058.364.572 | 1.996.750.207 |
| Các khoản phải trả khác | 7.560.349.180 | 7.673.638.962 | 7.560.349.180 | 7.673.638.962 |
| Cộng | 36.402.511.710 | 75.377.033.200 | 36.402.511.710 | 75.377.033.200 |

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại cuối niên độ kế toán cuối kỳ do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

06. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm | Cộng |
|----------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả cho người bán | 5.773.588.550 | | | 5.773.588.550 |
| Người mua trả tiền trước | 598.716.880 | | | 598.716.880 |
| Vay và nợ | 10.118.304.000 | | 10.293.188.528 | 20.411.492.528 |
| Chi phí phải trả | 24.275.215 | | | |
| Các khoản phải trả phải nộp khác | 7.560.349.180 | | | 7.560.349.180 |
| Cộng | 24.075.233.825 | | 10.293.188.528 | 34.344.147.138 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Năm 2025

Đơn vị tính: VND

06. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

b. Rủi ro thanh khoản

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

| Chỉ tiêu | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------|-----------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.977,95 | 1.977,95 |
| Phải thu khách hàng | | |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | 1.977,95 | 1.977,95 |

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

| | Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần | |
|------------------------------------|-------------------------------|------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2% | 1.031.580 | 949.614 |
| Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2% | (1.031.580) | (949.614) |

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất cố lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

011729
CÔNG TY
TNHH
HỮU TƯ VÀ
HỢP TÁC
KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP.HỒ CHÍ MINH

433
: TY
AN
HIỆP
P KI
SU
HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Năm 2025

Đơn vị tính: VND

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng tiền gửi có kỳ hạn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------|----------------|----------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn | 11.600.000.000 | 44.000.000.000 |

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

PHÙNG TUẤN LÂM

NGUYỄN BẢO CHÂU

GIANG HOA VŨ